VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

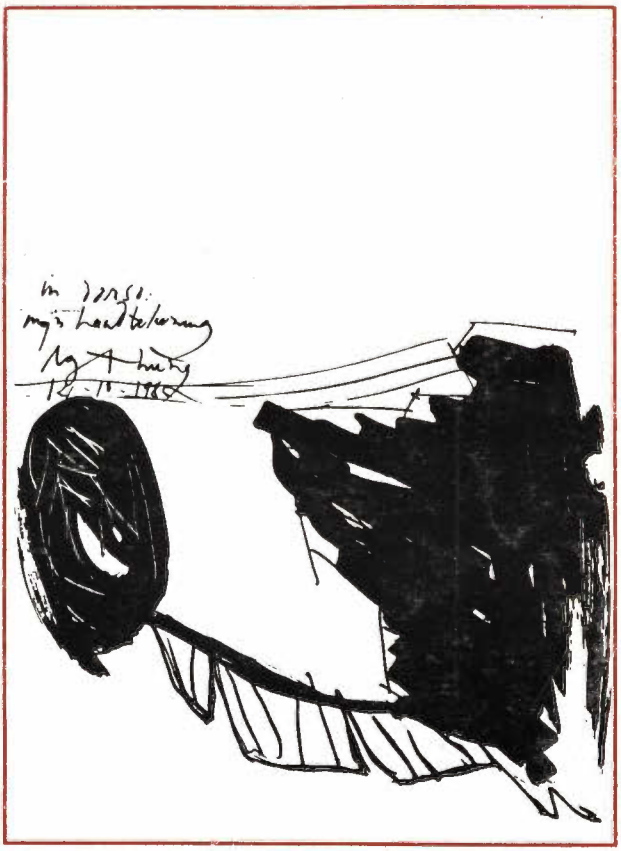

TUYỂN TẬP THƠ VĂN

SỐ 30, THÁNG 7 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Trần văn Tích: *Từ Pavlov đến Glasnot, trang 1* . * **Bùi Bảo Trúc :** *1980, Trở về căn nhà cũ ở Sài Gòn, thơ trang 13* * **Nguyễn Thanh Hùng :** *Thư gửi chú Võ Đình, trang 16* * **Nguyễn văn Sâm :** *Gặp người bạn cũ, thơ trang 25* * **Bùi Vĩnh Phúc :** *Một cách nhìn về 13 năm văn chương Việt ngoài nước, trang 26* * **Hạ Quốc Huy :** *Gọi đời trên dâu bể, thơ trang 46* * **Nguyễn thị Hoàng Bắc :** *Trăng biển, truyện trang 48* * **Ngu Yên :** *Khi bằng hữu biết nói, thơ trang 55* * **Ngô Nguyên Dũng :** *Chốn tâm tình ẩn náu, truyện trang 56* * **Ngô Nguyên Dũng :** *Mùa xanh vô cùng, thơ trang 73* * **Tạ Chí Đại Trường :** *Tiền đúc ở Đàng Trong, trang 74* * **Thường Quán :** *Đón đêm vào , thơ trang 92* * **Đỗ Kh. :** *Hình chụp ở Đồng Đăng, truyện trang 93* * **Đỗ Kh. :** *Thúy Lịch buổi sáng, thơ trang 99* * **Hồ Đình Nghiêm :** *Đi thực tế, truyện trang 101* * **Thế Uyên :** *Đọc "Việt Nam Quê Hương Tôi" của L.M. Dominici Đỗ Minh Trí, trang 110* * **Nguyễn Thanh Hùng:** *Tranh bìa Văn Học số 30.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : 45831912
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.

Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : **(714) 832.8445**

Trần văn Tích

Từ Pavlov đến Glasnost.

"Ở Liên xô lấy thuyết Páp-lốp làm cơ sở cho nền y học xã hội chủ nghĩa để xây dựng phương pháp phòng bệnh và trị bệnh rất toàn diện. Ta có gởi cán bộ đi học tập (...)" (1).

" (...) lấy thuyết Páp-lốp của nền y học tiên tiến Liên xô làm cơ sở khoa học hiện đại để giải thích cụ thể cơ chế của các thủ thuật và động tác (...)" (1).

Hai đoạn văn trích dẫn trên đây là do đồng chí nguyên Bộ trưởng Bộ Y Tế, nguyên Viện trưởng Viện Đông Y nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết. Đồng chí từng lãnh đạo nền y tế ưu việt nầy theo Bác theo Đảng từ những ngày Nam bộ kháng chiến và từng tham quan nhiều nước phe ta trong đó có cả Trung quốc (2). Đồng chí gốc gác miền Nam, chuyên môn y khoa của đồng chí vốn do thực dân cung cấp. Đồng chí thuộc lớp trí thức Tây học am hiểu Nho học. Tuy vậy, vốn liếng tri thức đó, quá trình học hỏi đó vẫn chẳng thể nào giúp được đồng chí thấy rằng:

1) *"lấy thuyết Páp-lốp của nền y học tiên tiến Liên xô làm cơ sở khoa học hiện đại"* thì chỉ có thể đi đến một nền y học lỗi thời Việt Nam trên cơ sở mông muội lạc hậu;

2) Phương pháp phòng bệnh và trị bệnh rất toàn diện chả cần gì phải *"lấy thuyết Páp-lốp làm cơ sở"*: từ cả mấy ngàn thế hệ trước Pavlov, y khoa phương đông vẫn luôn luôn *"xây dựng phương pháp phòng bệnh và trị bệnh rất toàn diện"*.

Với cùng một đường hướng lý luận, với cùng một cung cách suy nghĩ, các đồng chí của đồng chí Nguyễn văn Hưởng đang hô hào cải cách, đã đọc báo cáo chính trị chủ trương *"khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa" (3)*. Tất nhiên ai cũng biết rằng đây chỉ là do chỉ dụ của mẫu quốc, và cụ thể trong lĩnh vực khoa học nhân văn thì chỉ là theo sắc chỉ của Sa hoàng Goóc-Ba-Chốp (4).

Nhưng khi người ta xem học tập là phản xạ có điều kiện, xem tư duy là phản xạ có điềukiện, xem hành động cũng lại là phản xạ có điều kiện nốt; khi người ta cứ gắn thêm keo dán vào hai bàn tay để "ôm chân" Pavlov cho thực kỹ, thực chắc — kể cũng tội nghiệp, vì nếu đánh giá sự đóng góp của Pavlov vào sinh lý học thần kinh theo cùng tầm mức như giới khoa học Tây phương đánh giá, thì nào còn gì để nói về sinh lý học phe ta —; khi người ta cứ khư khư tư duy theo cung cách mà người ta bảo là Pavlov đã từng tư duy như vậy thì làm sao đổi mới tư duy được?

Khi Pavlov sai lầm.

Ivan Ivanovitch Pavlov là một nhà sinh lý học lớn. Ông là người thầy thuốc thứ tư nhưng là nhà sinh lý học đầu tiên được giải Nobel y khoa và sinh lý học kể từ khi giải nầy được thiết lập năm 1901. Học thuyết phản xạ có điều kiện của Ông đã đóng góp rất nhiều vào sự tìm hiểu hoạt động sinh lý của hệ thần kinh. Điều nầy không ai có thể chối cãi, ngay cả những nhà nghiên cứu vốn không ưa ông. Sherrington chẳng hạn — Sherrington là một nhà sinh lý học lỗi lạc người Anh — tuy đã từng nhăn mặt nheo mũi bảo "tôi thấy thoang thoảng mùi duy vật biện chứng" nhân nhận xét về cung cách giải thích một thí nghiệm của Pavlov cũng đã phải la lên "giờ thì tôi hiểu được tâm trạng và phong cách xử sự của các kẻ tử vì đạo" khi quan sát thí nghiệm có tính thuyết phục cao của Pavlov trên động vật về khả năng chịu đựng sự đau đớn. Tuy vậy học thuyết Pavlov bắt buộc phải có những hạn chế, thậm chí những sai lầm. Điều đó là lẽ tất nhiên vì Pavlov làm thí nghiệm cách chúng ta cả trăm năm rồi. Nhưng cái bi thảm là y khoa Việt Nam ngày nay vẫn mang Pavlov ra giảng dạy rộng rãi, và tệ hơn nữa, mang học thuyết của Pavlov ra giải thích lung tung.

Bài giảng Sinh Lý Học do Bộ môn Sinh Lý Học trường đại học Y Khoa Hà Nội soạn và ấn hành năm 1984 dành hẳn hai mươi hai trang trong tổng số hai trăm ba mươi bảy trang của trọn chương trình sinh lý giảng dạy cho sinh viên y khoa để nói về học thuyết Pavlov trong sinh lý học hệ thần kinh (5). Vậy mà tuyệt nhiên không có một dòng nào đề cập đến các chất dẫn truyền thần kinh mới, các thí nghiệm hiện đại về sinh lý đại não, các hoá chất đang đắc dụng trong điều trị học thần kinh và tâm thần. Ngay cả những đường hướng kế thừa và phát huy Pavlov cũng không được trình bầy. Người ta chỉ dạy cho sinh viên về sự điều kiện hoá theo Pavlov mà không cho sinh viên biết rằng đang có sự phân biệt giữa điều kiện hoá Pavlov hay điều kiện hoá kinh điển hay điều kiện hoá kiểu 1 hay điều kiện hoá thụ ứng và điều kiện hoá Skinner hay điều kiện hoá hiện đại hay điều kiện hoá kiểu 2 hay điều kiện hoá hành động. Con chó của Pavlov khi nghe tiếng chuông chỉ biết ù lỳ *thụ động* chảy nước miếng (thụ ứng), con chuột của

Skinner ngày nay rất xông xáo; khi nghe chuông reo, nó biết nhào tới nhấn vào một đòn bẩy để *chủ động* nhận được thức ăn (hành động). Lề lối điều kiện hoá Skinner nầy là cơ sở của phương pháp trị liệu xử sự (thérapie comportementale) trong khoa tâm thần học hiện thời. Chuyện nầy vị Phó Giáo sư (sic) họ Trịnh của trường đại học Y Khoa Hà Nội cũng không hề nhắc đến trong phần giáo trình do Ông chấp bút. Nhưng thôi thì cũng đành. Nhờ ơn Bác ơn Đảng thông tin y khoa đã trở thành món ăn tinh thần thuộc loại nem công chả phượng thì chư vị Đại Giáo sư và Phó Giáo sư Y Khoa Việt Nam ngày nay có không biết về nền y học của những thập kỷ 50, 60 — chứ đừng nói gì đến nền y học của những thập kỷ 70, 80 — thì âu cũng là điều mà chúng ta nên thể tất nhân tình. Nhưng còn dạy sai, giảng bậy cho sinh viên y khoa thì thực là khó thông cảm được.

Tư liệu đã dẫn, trang 213 ghi: *"Páp-lốp xác định bản chất của giấc ngủ là một quá trình ức chế lan khắp vỏ não và lan xuống các cấu trúc dưới vỏ não"*. Sự "xác định" nầy của Pavlov sai vì trái với thực nghiệm khoa học, trái với thực tế bệnh lý, trái với hiện thực sinh lý và trái với cả chính bản thân học thuyết Pavlov.

1) Trong thực nghiệm, các động vật bị bóc bỏ vỏ não (animaux décérébrés) vẫn ngủ. Tất nhiên ở đây giấc ngủ được xác định minh bạch qua nhiều phương pháp, chẳng hạn bằng cách ghi điện não đồ. Không còn vỏ não, cái gọi là quá trình ức chế của Pavlov lan tràn ở đâu để gây ngủ nơi các động vật nầy?

2) Trong bệnh lý, có những cháu bé sinh ra không có đại não (anencéphales). Các cháu bé nầy chẳng phải là không biết ngủ. Không có đại não, tất nhiên không có vỏ não, vậy một lần nữa, lại phải hỏi Pavlov quá trình ức chế của Ông lan tràn ở đâu đây?

3) Theo học thuyết Pavlov, giấc ngủ cũng là một dạng thức phản xạ có điều kiện. Pavlov cũng nhấn mạnh phản xạ có điều kiện là những phản xạ được xây dựng trong đời sống, qua một quá trình huấn luyện, và phải được thường xuyên củng cố; trái với các phản xạ không điều kiện vốn có tính chất bẩm sinh. Trẻ mới lọt lòng đã có phản xạ mút núm vú, con gà mới nở đã có phản xạ mổ thức ăn. Đấy là những phản xạ không điều kiện, là những phản xạ bẩm sinh. Còn con chó biết chảy nước miếng khi nghe tiếng chuông — là một phản xạ có điều kiện — thì khi mới đẻ con chó ấy không biết đáp ứng như thế. Giấc ngủ đối với Pavlov cũng là một dạng thức phản xạ có điều kiện do quá trình tập luyện, do thường xuyên rèn đúc mà có. Nhưng thực tế trẻ em sơ sinh, vốn chỉ có những phản xạ bẩm sinh tức là những phản xạ không điều kiện theo sự giảng dạy của Pavlov lại ngủ 24 giờ một ngày, còn người trưởng thành thì chỉ ngủ vào những giờ giấc nào đó và theo một thời lượng cũng có chừng mực nào đó. Vậy nếu không muốn chối bỏ thực tiễn sinh lý chính thường thì phải nói ngược lại với Pavlov.

4) Pavlov gọi những hoạt động sinh lý của não bộ như học tập, ký ức, suy xét, ngôn ngữ, tư duy v.v... là những chức năng cao cấp của hệ thần kinh và khẳng định thêm là các chức năng đó không thể được giải thích bằng những qui luật sinh lý thông thường. Nhưng mặt khác, Pavlov — hay có lẽ để nói cho Ông khỏi hàm oan — những kẻ chỉ muốn nghe.

tiếng đầu lòng con gọi Páp-lốp đi !

lại mang độc có một mình học thuyết Pavlov để giải thích tất cả các hoạt động cao cấp của hệ thần kinh. Dưới mắt các thầy giáo Đại Học Y Khoa Hà Nội hoạt động thần kinh chỉ đơn thuần là phản xạ học (réflexologie) mặc dầu chính Pavlov đã xác quyết là các qui luật sinh lý thông thường chẳng thể nào giải thích được hoạt động thần kinh. Huống chi loài người đây phải là... loài chó! Con người có lý trí, con người biết phán đoán, cân nhắc, chứ đâu chỉ thuần biết phản ứng máy móc theo kiểu súc vật!

Nhưng nếu cho rằng phe ta giảng dạy Pavlov chu đáo, tận tường như thế ở bậc đại học chỉ là vì tình nghĩa quốc tế vô sản thì vẫn chưa phải là đã bắt đúng được mạch. Phải nhìn rõ hơn nữa thì mới thấy được những gì các thầy giáo đại học Y Khoa Hà Nội, trong tư cách công cụ ngu dân của Đảng, đã góp phần vào sự thống trị của bạo lực qua việc truyền bá Páp-lốp học.

Định hình, động hình, hai ví dụ điển hình.

Các phản xạ có điều kiện, theo sinh lý học phe ta, đều để lại những dấu vết trên vỏ não.

"Khối dấu vết trình tự phản xạ đó giống như một cái khuôn, nhưng khuôn nầy không phải như một khuôn vật chất có độ rắn và hình dáng cố định như khuôn in chữ của nhà in, mà là một khuôn trình tự về diễn biến các quá trình thần kinh phản xạ, hơn nữa khuôn trình tự đó có một đặc điểm là không cố định, mà rất linh hoạt có tính chất động vì trong vỏ não các đường liên lạc tạm thời luôn luôn thay đổi.

Pavlov gọi định hình đó là định hình động học, gọi tắt (chúng tôi chữa lại một lỗi ấn loát TVT) *là động hình (...)*

Động hình tức là thói quen trong đời sống. Nó giúp ta thích ứng mau chóng với hoàn cảnh sinh sống phức tạp, đỡ phải suy nghĩ nhiều trong môi trường sống.

Động hình tức là thói quen trong đời sống. Nó giúp ta thích ứng mau chóng với hoàn cảnh sinh sống phức tạp, đỡ phải suy nghĩ nhiều trong môi trường sống.

Nhưng (chúng tôi chữa lại một lỗi ấn loát khác, TVT) *động hình hay thói quen cũng có mặt tiêu cực của nó. Nó làm giảm khả năng suy nghĩ phán đoán, và có xu hướng ứng phó với mọi hoàn cảnh một cách*

tự động và máy móc rập khuôn.

Phá vỡ động hình cũ và xây động hình mới là một việc làm khó khăn, đòi hỏi nhiều cố gắng, nghị lực và ý chí xét đoán sâu sắc.

Muốn xoá một động hình cũ, phải xây dựng động hình mới.

Trong các thực nghiệm của Pavlov, tùy loại hình hệ thần kinh mà có con chó dễ xoá động hình cũ lập động hình mới, có con khác khó đổi động hình hơn. Ở loài người, ý chí rèn luyện của bản thân và tác dụng giáo dục của xã hội có thể giúp con người nhanh chóng có thói quen tốt, xoá bỏ động hình cũ, xây dựng tập quán và nếp làm việc mới, thích hợp hơn với hoàn cảnh mới" (6).

Bắt lớp chất xám đại não của các sinh viên y khoa Việt Nam tội nghiệp phải tiếp thu nghiền ngẫm học thuyết Pavlov, Bác và Đảng rõ ràng là có chủ đích muốn tạo nên những động hình mới, muốn xoá bỏ những động hình cũ ở sinh viên, nếu có. Lùa quân công Việt Nam Cộng Hoà vào các "trại học tập cải tạo", nhồi nhét vào đầu óc họ những mớ lý luận một chiều, Bác Đảng rõ ràng là có ý đồ muốn tạo nên những động hình mới, muốn xoá bỏ những động hình cũ ở các "cải tạo viên", chắc chắn phải có. Bác Đảng có thành công hay không thì thực tế đã trả lời; và qua đó, đã góp thêm luận cứ để chứng minh Pavlov đúng hay sai.

Qua hai ý niệm định hình động hình điển hình nầy chúng ta cũng có thể thấy được tính chất điển hình của nền giáo dục bậc đại học xã hội chủ nghĩa. Nó không đi kịp với tư duy thời đại. Người viết Bài giảng Sinh Lý Học năm 1984 hẳn nhiên đã không hề thấy được rằng trào lưu lý luận trong sinh lý y khoa ngày nay đã thay đổi hoàn toàn. Thuở Pavlov, nhà khoa học làm thí nghiệm xong rồi *tưởng tượng* và qua tưởng tượng đó, cố gắng *giải thích các hiện tượng sinh lý. Thời đại nguyên tử, nhà khoa học làm thí nghiệm xong thì đo lường* và qua đo lường đó, ra sức *kiểm chứng* thực nghiệm. Do được xây dựng bằng tưởng tượng — phải nhận là sự tưởng tượng khá phong phú, vì nó được cả một tập thể đông đúc những nhà sinh lý học tiến bộ (sic) đóng góp công sức với Pavlov — nên những ý niệm, những khái niệm, những dạng thức hoạt động sinh lý mà học thuyết Pavlov đề ra *đều không làm sao kiểm chứng được.* Nếu có sinh viên nào nêu câu hỏi định hình có dạng hình ra sao, các đường liên lạc tạm thời trong vỏ não đi như thế nào v.v... thì chắc chắn sẽ phải làm bản tự kiểm. Dường như các vị giáo sư y khoa Hà nội chưa có dịp đọc Kim Dung. Hay đã đọc rồi mà chưa thể xoá bỏ động hình cũ theo kiểu Páp-lốp để xây dựng động hình mới theo týp Kim Dung. Thật là đáng tiếc. Bởi vì Kim Dung cũng giải thích được rất nhiều hiện tượng sinh lý qua các "học thuyết" độc đáo của mình. Một ví dụ điển hình: trường hợp của giáo chủ Trương Vô Kỵ. Thuở ấu thời, cậu bé họ Trương có bộ máy điều hoà thân nhiệt hoạt động lệch lạc vì bị kẻ ác ôn đánh cho mấy quả

hàn bẩm chưởng; khi trưởng thành, hệ cơ của giáo chủ có công suất phi thường vì giáo chủ đã luyện được Càn khôn đại nã di tâm pháp. Những lối giải thích điển hình như thế, vốn đầy rẫy trong các "Bài giảng Sinh lý học" của Kim Dung, đương nhiên có tính thuyết phục và quyến rũ hơn học thuyết định hình động hình nhiều; dẫu rằng rõ ràng chúng cũng có cùng chung đặc tính với học thuyết Páp-lốp, là *không hề* có thể kiểm chứng được. Nhưng khi sinh lý học hiện đại cho rằng tiến trình thành lập những mối liên hệ giữa các nơron là chủ yếu dựa trên những cơ chế nhận biết và tác động hỗ tương giữa các tế bào thần kinh thì cơ sở của học thuyết đó là sự phát hiện những phân tử gọi là "phân tử kết dính tế bào thần kinh" hay N-CAM (7), là những yếu tố giữ một vai trò chỉ đạo trong các cơ chế vừa kể. Một luận giải kiểu như thế *luôn luôn* có thể được kiểm chứng bằng thực nghiệm; và đây chính là sự khác nhau sinh tử giữa hai đường hướng tư duy, nó khiến một học thuyết có tính khoa học — do đó có thể ứng dụng được vào thực tế — hay chỉ có tính... kiếm hiệp — do đó chỉ có thể để... giải trí hay để... nhồi sọ.

Vì bài viết hôm nay không phải là một bài phân tích học thuyết Pavlov nên chúng tôi đã chọn một luận điểm mà sự phản bác không đòi hỏi phải vận dụng những kiến giải phức tạp, những tri thức chuyên sâu. Tất nhiên học thuyết Pavlov còn có rất nhiều điểm đáng phê phán nữa, ví dụ sự phân biệt khiên cưỡng giữa phản xạ có điều kiện tự nhiên và phản xạ không điều kiện (tlđd, tr. 204), tính võ đoán trong cung cách mô tả nguồn gốc của hệ thống tín hiệu thứ hai (tức ngôn ngữ, tlđd, tr. 218), quan niệm sai lầm dung tục về nguồn gốc loài người theo thuyết tiến hoá (tlđd, tr. 218) v.v...

Khi nhà văn hoá vất vả xây dựng động hình mới.

Một loạt chỉ thị đã được ban hành, một loạt nghị quyết đã được thông qua. Nghị quyết nhiều quá, đến nỗi đồng bào Việt Nam đang truyền tụng rằng khi khối Camecon phân bố kế hoạch sản xuất giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em thì Đông Đức nhận làm ôtô, Hung-ga-ri nhận làm dược phẩm, Liên Xô nhận làm các linh kiện điện tử còn CHXHCN Việt Nam thì nhận làm... nghị quyết. Cho nên rất khó mà chọn lựa để trích dẫn, hầu làm cứ liệu cho bài viết hôm nay.

Dẫu sao, để theo đúng tôn ti trật tự phong kiến, chúng ta hãy nghe sắc chỉ của Thiên triều trước.

"Tôi xin, nói thẳng và chân thành rằng: cho đến bây giờ vẫn đang tồn tại một quy chế và hình thức, phương pháp giảng dạy khoa học xã hội tạo điều kiện ở mức độ không nhỏ cho cái mà chúng tôi gọi là chủ nghĩa giáo điều và kinh viện. Tài năng tìm kiếm "trong chân lý cũ rích" là đơn thuốc hoàn toàn vô dụng đối với tất cả các trường hợp của đời sống, nó nảy sinh từ sự ấu trĩ, từ những tính toán trong công tác sáng

tạo, hoặc là sự giả tạo không tư duy theo các quy chế chung."(8); và *"(...) nhiều khi đưa vào các bài giảng, ngay cả trong các sách giáo khoa một cái gì đó ép buộc, khuôn sáo và hình thức." (9);* thêm nữa *"Cần phải xây dựng lại chương trình giảng dạy từ đầu, các đồng chí thân mến, phải chuẩn bị các bài giảng mới, phải đổi mới sách giáo khoa." (9);* lại còn *"Phần lớn sẽ phụ thuộc vào việc công tác giáo dục và dạy của các đồng chí với các sinh viên, trong một mức độ như thế các kỹ sư và các nhà nông học, các bác sĩ và thầy giáo tương lai có thể thống nhất các tri thức ở trình độ cao của những thành tựu khoa học hiện đại, thống nhất sự thành thạo nghề nghiệp với niềm tin lý tưởng, quan điểm chính trị, tính tích cực xã hội. (10).*

Còn triều đình ta thì có Báo cáo chính trị với nguyên văn: *"Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá quần chúng thành nền nếp, nhất là trong thanh niên, khắc phục bệnh phô trương, hình thức. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ trung ương đến cơ sở, ở các ngành và các địa phương. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, công tác điện ảnh và phát hành sách báo, phim ảnh." (11).*

Vậy là Thiên triều nhận rằng các tài năng của ta chỉ chuyên môn tìm kiếm trong chân lý cũ rích (ví dụ "chân lý Pavlov"); Thiên triều nhắc nhở đồng chí Trịnh Bỉnh Dy nên soạn lại giáo trình Sinh lý học; Thiên triều ao ước các bác sĩ và thầy giáo tương lai có trình độ khá quan hơn. Phải nhận rằng Thiên triều ban sắc chỉ khá rõ ràng và nói có phần cụ thể ý muốn của mình. Cũng như cái thòng lọng ý thức hệ chẳng hề bị Thiên triều bỏ quên.

Phần người cộng sản Việt Nam thì không thế. Những điều họ nói ra trong bản báo cáo chính trị của Đảng họ chứng tỏ là họ vẫn giữ động hình cũ, chưa xây được động hình mới. Hơn nữa họ còn bám chặt hơn vào động tính cũ, qua chủ trương quản lý chặt chẽ (sic) mọi hoạt động văn hoá. Coi bộ họ chỉ ưa chuộng muốn thể thao wrestling với chữ nghĩa. Quờ quạng lúng túng trong cái lưới *khôi khôi sơ nhi bất lậu* của hệ ý thức, họ tháo mồ hôi đánh vật với ngôn từ, với ngữ vựng. Chúng ta hãy xem một màn đô vật do đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương Trần Độ biểu diễn: *"Trong báo cáo chính trị có một câu như sau: "Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hoá văn nghệ của cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hoá văn nghệ, chống lối gò ép hoặc buông lỏng". Ở đây có điểm cần chú ý ngay là trong báo cáo chính trị của đại hội V về mục này, có viết: "Tăng cường và cải tiến sự lãnh đạo...", còn ở đây lại là "Nâng cao trình độ lãnh đạo". Nói "nâng cao trình độ lãnh đạo" là chính sách hơn, đúng hơn, rõ ràng hơn, là nói thẳng vào vấn đề hơn. Thực ra, từ đại hội V, trong báo cáo về xây dựng Đảng cũng có nội dung yêu cầu "nâng cao kiến*

thức và bản lĩnh lãnh đạo..." (12) và cụ thể hơn, gọn gàng hơn, "biện chứng" hơn: *"Cái mới ở đây là nó "không như cũ". (13).*
Thì ra thế. Để đổi mới tư duy vì *"đối với nước ta, đổi mới tư duy đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là ý nghĩa sống còn" (14),* người ta định nghĩa cái mới là cái không như cũ (!); người ta nhắc lại rằng điều đại hội VI (1986) thấy là cần phải làm vì đó là vấn đề sống chết thì đại hội V (1980) cũng đã đề ra rồi! Hoá cho nên thật chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi trong phiên họp cuối năm vừa qua của Hội đồng Bộ trưởng (19 và 20-12-1987), Chủ tịch Phạm Hùng đã nhận định rằng *"bản thân Hội đồng Bộ trưởng chưa được đổi mới về chức năng, tổ chức bộ máy, về phong cách, lề lối và phương pháp làm việc. Chính vì vậy mà Hội đồng Bộ trưởng làm việc vất vả nhưng hiệu quả thấp". (15).*

Nhằm đổi mới tư duy, đổi mới cách đánh giá tình hình, báo cáo chính trị tại đại hội Đảng lần thứ VI cũng đã nhấn mạnh: nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Nhưng vấn đề nào phải ở chỗ ghi và báo cáo chính trị? *"Vấn đề là nhà văn có dám nhìn thẳng vào sự thật không, có dám nói lên sự thật không, có coi việc nói lên sự thật là lương tâm, là thiên chức của người cầm bút hay không. Cho nên muốn nói lên được sự thật, chỉ nhìn thấy sự thật, chưa đủ, mà phải có dũng khí nhìn thẳng vào sự thật, có đủ bản lĩnh để nói lên sự thật đó (...)" (16).* Chỉ có mỗi một chuyện đơn giản thấy sao nói vậy, nghĩ gì viết nấy mà nhà văn phải có nhiều thứ quá sức. Huống chi *"do trình độ nhận thức, do tính toán cá nhân, do lo sợ đủ mọi điều, nhiều người không dám nhìn thẳng vào sự thật, không dám nói lên sự thật, lẩn tránh, thậm chí xuyên tạc sự thật." (16)* Sự thật quả thực là rùng rợn khủng khiếp.

Một trong những người được ông Nguyễn văn Hạnh đề cập đến có thể là giáo sư Nguyễn Tấn Gi Trọng, Chủ nhiệm Bộ môn Sinh lý học trường đại học Y Khoa Hà Nội, Phó Chủ Tịch Tổng hội Y học Việt Nam, đại biểu Quốc hội (khoảng những năm 1983-84). Người viết bài nầy đã có vài dịp nói chuyện với ông cũng như với các cộng sự viên của ông và đã thẳng thắn đả kích cung cách trình bày giảng dạy học thuyết Pavlov của các giáo sư đại học y khoa Hà Nội trong những lần nói chuyện ấy. Phải chăng vì thế mà khi biên soạn cuốn Bài giảng Sinh lý học năm 1984, Giáo sư họ Nguyễn đã không chấp bút phần "Hoạt động thần kinh cao cấp" nữa mà giao lại cho vị Phó Giáo sư họ Trịnh? Có vẻ như ông đã *"không dám nhìn thẳng vào sự thật, lẩn tránh (...) sự thật".* Thái độ của ông là tiêu biểu cho thái độ của giới trí thức và giới văn học cộng sản. Phải nói sự thật, tôn trọng sự thật nhưng *Từ điển văn học* không dám ghi tên các nhà văn Pasternak, Solzhenitsyn trong số những người được giải Nobel văn chương! (17). Chẳng những không dám đả động đến những kẻ *"phản bội tổ*

quốc xô viết" (chừng nào mà mẫu quốc xô viết còn chưa sửa sai, còn chưa xét lại), người ta còn buộc tội nặng nề những người đang sống trong cùng hàng ngũ hay những người đã quá vãng, không tự biện hộ được, bị vùi dập, chê bai cơ hồ không ngóc đầu lên nổi. Một loạt những vở kịch của Xuân Trình chẳng hạn đã không được phép trình diễn chỉ vì chúng bị coi là "có vấn đề". Thậm chí có vở như vở *Bạch đàn liễu* đã khiến tác giả của nó bị xem là kích động quần chúng chống chính quyền, một tội trạng có thể bị tru di tam tộc chứ chẳng phải chơi! Đó là đội ngũ các cây viết trẻ nạn nhân. Những *"Tác giả tiêu biểu của văn học thời kỳ 1930-1945" (18)* nhiều người lại là đối tượng của khuynh hướng đánh giá *"theo kiểu giáo điều, khe khắt, quy chụp, vơ đũa cả nắm (...)" (18).* Vũ Trọng Phụng chẳng hạn đã từng bị buộc tội ghê gớm, nhưng *"May mà Lưu Trọng Lư, Đỗ Phồn đã từng sống cái năm đó, ăn cùng mâm, ngủ cùng giường, thở cái không khí lúc đó, tháng đó, thời đó với Vũ, chứng minh rằng Vũ rất trong sạch, rất nghèo, không đệ tứ cũng chả phòng nhì, nhiều lúc chỉ mong một bữa ăn ngon không có." (19)* Chế Lan Viên cũng kể là Maxime Gorki từng đánh Dostoiewski, Đảng Cộng sản Ấn độ *"có lúc đã mất quần chúng vì chưa thấy hết tính chất ngọn cờ dân tộc của Tagore" (20).*

Qua huyền thoại đổi mới tư duy ở Liên Xô, người cán bộ làm văn hoá Việt Nam mới đây được nghe kể thêm về sự tích truyền kỳ *"một trong những thắng lợi to lớn là việc phục hồi nhà văn Pas-ter-nak" (21).* Nhưng chẳng phải chỉ có một mình tác giả *Bác sĩ Zhivago* được đánh giá lại công lao và vị trí của mình (sau khi ông chết 27 năm!). *"Bất chấp búa rìu dư luận, bất chấp vô vàn trở ngại khó khăn trong đời sống, Du-din-sev vẫn không lùi bước và trong suốt ba mươi năm đã cần răng im lặng kiên trì sáng tác để rồi đầu năm nay, trong không khí đổi mới xã hội, ông đã cho công bố cuốn tiểu thuyết thứ hai của mình, cuốn "Những bộ đồ trắng", tái hiện lại cuộc đấu tranh* phức tạp (chúng tôi nhấn mạnh, TVT) *trong ngành di truyền học Xô viết vào những năm 30-40, vừa ra mắt bạn đọc trên tạp chí "Ne-va". Cuốn sách mới của Du-din-sev được giới phê bình và độc giả đánh giá rất cao, được coi là một trong số tác phẩm đáng chú ý nhất trong năm nay." (21).*

Cuộc đấu tranh mà Du-din-sev "tái hiện" thực ra chẳng có gì là "phức tạp" như ông Lê Sơn mô tả. Nó hết sức bình thường đơn giản. Chuyện xảy ra như sau: Vào một buổi sáng đẹp trời nào đó, trên ngôi cao chín bệ, thiên tử Stalin phán rằng "Gen là duy tâm". Thiên tử phán thế là vì gen là yếu tố di truyền mà ta không thấy được dù bằng kính hiển vi điện tử mạnh nhất. Nhưng nó lại chi phối sự truyền tử lưu tôn các đặc tính của từng cá nhân. Đảng ta vốn dị ứng với lề lối lập luận kiểu nầy, vì Đảng vẫn chủ trương con người là do môi trường đào tạo uốn nắn, là tổng hợp những động hình thần kinh, mà những

động hình thần kinh thì, như đã nói, là do quá trình tập luyện, giáo dục, cải tạo, cải hoá mà thành hình trên vỏ não. Chủ trương các thế hệ tiền bối có thể truyền lại yếu tố nầy yếu tố kia cho các thế hệ hậu sinh là đường hướng tư duy tư sản phản động. Cho nên lời **tử viết** của Stalin được một nhà nghiên cứu khoa học lỗi lạc tên là Lít-xen-kô chứng minh ngay. Qua những thí nghiệm thần sầu quỉ khốc, Lít-xen-kô đi đến phủ nhận hoàn toàn sự hiện hữu của gen và cha đẻ của học thuyết gen, Mendel, bị đả kích không tiếc lời, thậm chí bị *Từ điển Triết học* Liên xô gọi là "tên thầy dòng giả khoa học" (Mendel vốn là giáo sĩ). Đáng tiếc thay chuyện đó lại không ngăn được giới khoa học Tây phương ứng dụng học thuyết Mendel vào di truyền học để đi đến khai sinh ra những lĩnh vực tri thức mới, như khoa kỹ thuật xây lắp gen (genetic engineering) trong khuôn khổ các khoa học sinh kỹ thuật (biotechnologies) với rất nhiều thành tựu cụ thể trong kỹ nghệ dược phẩm, trong thực vật học, trong kỹ thuật chẩn đoán v.v...

Tập tễnh theo gót các đồng chí vĩ đại, đồng chí Nguyễn Khắc Viện cũng vội vàng dâng kiến nghị (sic) (22) xin *"xử lại những tác phẩm và con người bị kết án thời Nhân văn giai phẩm"*. Kiến nghị của đồng chí được triều đình cử người đáp ứng ngay: *"Vụ "Nhân văn giai phẩm" là một vụ án chính trị. Nhà Nước ta xét xử và bản án đã được thi hành. Đây là vấn đề ngoài phạm vi văn học, nghệ thuật." (23).* Đồng chí Nguyễn Khắc Viện lụp chụp quá. Lẽ ra đồng chí nên chờ ít lâu nữa đã. Các vụ án Pas-ter-nak, Du-din-sev đã được xử và đang được xoá chưa kịp đổi mới các đường liên lạc tạm thời trên vỏ não của đồng chí Trần Độ đâu!

Kết án văn gia, trù ẻo tác phẩm, chưa đủ. Người ta còn coi thường các di tích lịch sử văn hoá. *"Tôi rất sửng sốt trước hiện tượng là các cán bộ quan liêu và các chuyên gia kỹ thuật đã xâm phạm tới một kỳ quan như hồ Bai can" và "Các công trình kiến trúc của nước Nga thường được dùng làm nhà kho, nhà xe..." (24).* Tất nhiên là chuyện nầy xẩy ra ở mẫu quốc. Hẳn là ở Việt Nam tình hình phải ưu việt hơn. Nhưng điều đáng sửng sốt là tại sao Viện sĩ Li-kha-trốp lại có thể sửng sốt được. Trong chế độ của ông, *uravnilovka* — chủ nghĩa bình quân — đâu có phải là chuyện dị thường? Ngay những "con em Việt kiều" về Việt Nam cũng còn thấy được điều đó, mặc dầu các em vẫn còn quá ngây thơ nên *"không thể nào đồng tình nổi (với) kiểu làm việc cầm chừng, lao động không trung thực". (25)* Khi chế độ đẩy toàn dân đến chỗ vô lý, phó mặc, thì sá gì các hồ Bai can (mặc dầu đó là một kỳ quan thiên nhiên) hay các công trình kiến trúc (mặc dầu đó là những di sản lịch sử)? Đoạn thư sau đây, do một độc giả ẩn danh gửi cho một nhật báo xô viết lớn, hẳn làm cho Viện sĩ Li-kha-trốp và các con em Việt kiều sửng sốt hơn:

"Chắc các đồng chí không tin đâu, nhưng sau đây là chương trình

công tác hàng ngày của chúng tôi: nam giới trao đổi về bóng đá hay xi nê hoặc chơi bóng bàn. Thỉnh thoảng họ làm việc tí chút. Nữ giới đi mua bán, uống cà phê, đan hay viết. Vào lúc tôi viết thư này thì trong phòng có ba người. Một người trẻ, phó tiến sĩ, đang ngồi lật xem mấy tờ tạp chí nước ngoài. Đồng chí ấy chép lại các bài viết về ô tô, máy bay, thể thao v.v... Đó là niềm đam mê của đồng chí. Hoặc đồng chí chép lại hoặc đồng chí cắt bài báo để dành. Thực là một "viện sĩ" chân chính. Hai đồng chí khác, không phải là phó tiến sĩ, đang viết. Hai đồng chí nữa đứng ngoài cầu thang vì bận hút thuốc. Một nữ đồng chí phó tiến sĩ ra ngoài để giải quyết các vấn đề công đoàn. Còn các đồng chí khác thì tôi không rõ họ ở đâu. Chỉ thấy họ đi vô rồi đi ra (...). Làm việc thì làm rất ít. Có lẽ đâu chừng hai giờ mỗi ngày (...). Tôi có khả năng xin chuyển công tác. Nhưng trong lĩnh vực chuyên môn của tôi chỉ có hai viện nghiên cứu khác mà tôi thì đã từng công tác ở cả hai viện ấy rồi. Ở cả hai cơ quan tôi đều không vừa ý. Ở đấy người ta chỉ tìm cách đùn công tác cho nhau. Còn ở đây thì tập thể rất thông cảm. Mọi người đều dễ thương. Nhiều khi tất cả phòng đều cùng cười." (26)

Một môi trường làm việc như thế — ở một viện nghiên cứu khoa học — chỉ có thể là hậu quả của một đường lối tổ chức cực kỳ tồi tệ và một tinh thần trách nhiệm vô cùng bệ rạc. Vậy thì làm thế nào mà đổi mới được tư duy? Xã hội cộng sản như một con bệnh cần rút hết máu cũ, thay toàn máu mới. *Glasnost, Perestroika* nuôi tham vọng làm công việc đó. Nhưng từ căn bản, máu mới được tiếp phải là thứ máu có đủ những kháng sinh quản lý giỏi, những kháng thể tổ chức cừ, những amin biôgen thuộc vào loại tinh thần trách nhiệm, lòng đam mê công việc. Những người chủ trương đổi mới tư duy ở nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vốn được đúc ráp theo những khuôn mẫu cố định, bất di dịch, làm sao lại có thể hoá thân thành những bộ óc biết suy nghĩ theo một cung cách khác với cung cách họ vẫn suy nghĩ từ khi được đúc nặn nên? Trên mảnh đất ma quỉ mácsit-lêninnit làm sao có thể mọc được một gốc cây bàn đào đổi mới tư duy?

Bad Meinberg, Ostern 1988
TRẦN VĂN TÍCH

---

(1) BS Nguyễn văn Hưởng, Huỳnh Uyển Liên và Khoa Dưỡng Sinh (Viện Y Dược Học Dân Tộc).— *Phương pháp Dưỡng sinh.* Sở Văn Hoá và Thông Tin Cửu Long tái bản. 1985. tr. 7 và 19.

(2) P.Huard et M.Wong.— *La Médecine des Chinois.* Hachette. Paris. 1967. p. 72.

(3) Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

(4) M.Y. Goóc-Ba-Chốp.— Học tập, tư duy và hành động theo cái mới. Bài phát biểu ở hội nghị các trưởng bộ môn khoa học xã hội toàn Liên xô ngày 2 tháng 10 năm 1986 tại Moskva. Đào Duy Tân dịch. *Tạp chí Văn Học*. Viện Văn Học, Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà nội, 2-1987, tr. 1-8.
(5) Trịnh Bỉnh Dy.— Hoạt động thần kinh cao cấp, *Bài giảng Sinh Lý Học* (in lần thứ hai). Bộ môn Sinh Lý Học Trường Đại Học Y Khoa Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học. 1984. tr. 198-220.
(6) Trịnh Bỉnh Dy.— tlđd. tr. 213.
(7) N-CAM : Neural-CAM : Cell Adhesion Molecules.
(8) M.Y. Goóc-Ba-Chốp.— tlđd. tr. 4.
(9) M.Y. Goóc-Ba-Chốp.— tlđd. tr. 5.
(10) M.Y. Goóc-Ba-Chốp.— tlđd. tr. 6-7.
(11) Báo cáo Chính trị (tlđd). Mục "Về văn hoá văn nghệ".
(12) Trần Độ.— Những quan điểm văn hoá văn nghệ trong Đại hội Đảng lần thứ VI. *Tạp chí Văn Học*. Viện Văn Học. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Hànội, 1-1987. tr. 16.
(13) Trần Độ.— tlđd. tr. 17.
(14) Nghị quyết của đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
(15) *Đoàn kết* (Paris). Tháng 2 năm 1988. Năm thứ XXI. Số 399. Mục "Đã qua... Sắp tới..." tr. 39.
(16) Nguyễn văn Mạnh.— Đổi mới tư duy, khẳng định sự thật trong văn học nghệ thuật. *Tạp chí Văn học*. Viện văn học. Ủy ban Khoa học Xã học Việt Nam. Hà nội, 2-1987. tr. 10.
(17) Nguyễn Phương Chi. Đặng Thị Hảo.— Giải thưởng văn học, *Từ điển Văn học*. Tập I. A-M. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà nội. 1983. tr. 249-251.
(18) Bùi Công Hùng.— Vận dụng sáng tạo nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI trên lĩnh vực văn nghệ. *Tạp chí Văn học*. Viện Văn học. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Hànội, 1-1987. tr. 30.
(19) Chế Lan Viên.— Sông Thương, Sông Hương trong dòng văn học, *bài thơ Thôn Vĩ. Thơ viết về Huế trước 1945*. Sông Hương xuất bản. 1987. tr. 9.
(20) Chế Lan Viên.— tlđd. tr. 8.
(21) Lê Sơn.— Một số vấn đề đổi mới tư duy trong văn học Xô viết hiện nay. *Tạp chí Văn học*. Viện Văn Học. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà nội, 5-1987. tr. 5 và 7.
(22) Nguyễn Khắc Viện.— Kiến nghị tháng Mười 1987. *Đất Việt* (Montreal). Số đặc biệt tháng 2 & 3 năm 1988, tr. 32.
(23) *Đất Việt*. tlđd.— Ông Trần Độ nói về vụ "Nhân Văn Giai Phẩm." tr. 28.
(24) Phỏng vấn Viện sĩ Đmi-tơ-ri Xéc-ghê-ê-vích Li-kha-trốp. Đỗ Thanh lược dịch. (Theo tài liệu của D. Tru-kốp-xki và V. Ê-nin-xep-lốp trong tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* số tháng 11-1986). *Tạp chí Văn học*. Viện Văn Học. Ủy ban Khoa học Xã học Việt Nam. Hà nội, 4-1987. tr. 120-125.
(25) C.T.P. Ba mươi ngày từ Nam chí Bắc với thanh niên trong nước. *Đoàn Kết* (Paris). Tháng mười một 1987. Số 396. tr. 7.
(26) Stephen Fortescue. Gorbatchev et la science soviétique. *La Recherche*. No. 194. Décembre 1987. p. 1558-1566 (Theo *Sovietskaia Rossia*, 12-01-1986, tr. 3).

Bùi Bảo Trúc
1980

Hãy tưởng tượng khi bước vào cuối ngõ
Căn nhà xưa rêu phong kín tường vôi
Khung cửa sắt sơn đã bong lỗ chỗ
Chìa khoá mòn trong ổ bỗng reo vui.

Hãy tưởng tượng trong hộp thư ngoài cửa
Những bức thư đọng lại mấy năm qua
Một tấm thiệp báo tin người yêu nhỏ
Đã tìm ra hạnh phúc dưới trời xa.

Hãy tưởng tượng trong khu vườn thuở trước
Cây ngọc lan ngày đó đã ra hoa
Mấy bụi cúc và một hàng thược dược
Mùi đất thơm cơn mưa nhỏ đầu mùa.

Hãy tưởng tượng khi bước chân lên gác
Bàn ghế còn nguyên, sách vở còn bầy
Bỗng nghe thoáng tiếng mưa khuya dìu dặt
Những giọt buồn rơi mãi xuống đêm nay.

Hãy tưởng tượng đêm sẽ nằm nghe gió
Trên chiếc giường thân thiết mấy năm xưa
Mấy con muỗi nhận ra người bạn cũ
Chú thạch sùng trong vách cũng bò ra.

Hãy tưởng tượng trở về nơi hẹn cũ
Thăm hàng sao và bể nước đầy mây
Trên ghế đá vọng âm lời tình tự
Nét chữ mờ quấn quít vẫn còn đây.

Hãy tưởng tượng buổi chiều ra ngồi quán
Bạn cũ tới đầy, đủ mặt cố tri
Dăm ba đứa biệt tăm trong thời loạn
Đã trở về cùng khật khưỡng vài ly.

Hãy tưởng tượng lại đi trên đường cũ
Những lề đường đá lát lá me non
Thời trốn học lang thang trên vỉa phố
Sách trong tay, mộng ước chất đầy hồn

Hãy tưởng tượng ghé vào thăm tên bạn
Bắc ghế ra ngồi, đọc lại Đường thi
Trên căn gác năm xưa trăng vẫn sáng
Nhớ Hạc Vàng từ thuở mới bay đi

Và tưởng tượng vừa tan cơn mộng dữ
Bạn bè xưa, người tình cũ về đây
Căn gác nhỏ và một thời sách vở
Vẫn còn nguyên, cơn ác mộng xa bay.

Trở Về Căn Nhà Cũ Ở Sài Gòn

Gửi Các Con Tôi

Hỡi căn nhà của ta thời tuổi trẻ
Của những chiều buồn mưa gõ xuống mái tôn
Những buổi sáng nắng lùa qua khe cửa
Vẫn theo ta những đêm tuyết mịt mùng

Hãy ngỏ cửa, đêm nay ta trở lại
Cánh cửa ơi còn nhớ nhau không?
Chiếc chìa khóa năm xưa ta làm gẫy
Mười năm trời còn trên cổ tòn ten

Này buổi tối, cứ nằm yên ở đó
Đèn ơi đèn, đừng trở dậy đêm nay
Ta nhớ kỹ ở đây là chiếc ghế
Tủ sách ngày xưa đứng ở chỗ này

Chiếc bàn viết chắc còn nguyên trong góc
Những đêm buồn ngồi dậy viết lăng nhăng
Giấy mực ơi, biết có còn trong hộc
Hãy ra đây nói tiếp chuyện văn chương

Ở dưới bếp vẫn những đồ thân thiết
Bể nước mưa ngày đó phải nằm đây
Chiếc ống máng vẫn lạnh tanh mùi thiếc
Từ bếp này xưa khói ấm xa bay

Vòng trở lại là chiếc cầu thang gỗ
Ta vẫn thường rón rén tối về khuya
Ở trên gác, nơi các con ta ngủ
Hơn chục năm rồi, mùi chúng vẫn đâu đây

Phòng bên cạnh ta đã nằm đêm cuối
Ngó trần nhà mà nước mắt rưng rưng
Ngoài cửa sổ lao xao giàn bông giấy
Cỏ cây ơi, phút chốc đã như sương

Đêm còn tối trên tàn cây trứng cá
Ta phải đi, buổi sáng sắp lên
Căn nhà cũ sẽ bỗng đầy người lạ
Đường xá xác xơ, thành phố cũng thay tên.

QUÍ ĐỘC GIẢ DÀI HẠN LƯU Ý

*Trên bì gửi báo, Văn Học có đóng dấu đỏ nhắc nhở quí vị khi đã tới gần hết hạn mua báo hoặc đã quá hạn. Trên nhãn địa chỉ, dòng số đầu tiên (ví dụ 967-13-24) thì số đầu tiên là số thứ tự của quí vị trên danh sách độc giả dài hạn, hai số sau có nghĩa là hạn báo từ số 13 đến số 24. Quí vị có thể xem vào đó để biết lúc nào hạn hết báo để gia hạn cho kịp thời. Sau khi nhắc 2 lần mà chưa nhận được tiền gia hạn, tòa soạn xin mạn phép ngưng gửi báo.

*Trong phiếu gia hạn, xin quí vị đề thêm hai chữ "gia hạn" để ban trị sự khỏi lầm với độc giả mới.

*Quí vị đổi địa chỉ, xin ghi luôn vào thư thông báo số thứ tự và địa chỉ cũ để tòa soạn dễ tra cứu.

Cám ơn.

Nguyễn Thanh Hùng

Thư gửi Chú Võ Đình (2).

Lời toà soạn : *Là một hoạ sĩ với ba mươi năm sáng tác liên tục, Võ Đình có những ưu tư đặc biệt về bộ môn nghệ thuật này. Là người cầm bút, anh chia xẻ những ưu tư -- và hoài bão -- với những kẻ đi sau trong bài* Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ *(Văn Học số 11, 12-1986). "Họa sĩ trẻ" đó, tiêu biểu cho những họa sĩ Việt ở hải ngoại thuộc lứa tuổi ba mươi, là Nguyễn Thanh Hùng ở Hoà Lan, một cây viết đã từng xuất hiện trên Làng Văn và Văn Học. Hùng đã trả lời với bài* Thư Gửi Chú Võ Đình *(Văn Học số 14, 3-1987).*

Mới đây, Văn Học lại nhận được một bài mới của Nguyễn Thanh Hùng, đi sâu vào vấn đề đã được nêu ra một cách thấm thiết hơn. Nhận thấy bài này vừa có giá trị văn chương, vừa có liên quan đến mỹ thuật, lại vừa đóng góp thêm cho tầm hiểu biết của tất cả chúng ta về những nghệ sĩ VN trưởng thành sau cuộc đổi đời 75, Văn Học xin đăng tải sau đây để cống hiến bạn đọc.

Văn Học

Chú Võ Đình kính mến,

Nhận thư chú, biết chú mất xe, rồi lại góp tiền mua xe... cũ, vẫn tiếp tục

"phom phom ta xuống chốn xô bồ"

là thấy mừng rồi.

Đọc thư chú, con chỉ buồn cười, chú nhắn nhe con phải thực tế, kiếm nghề nuôi thân,... *"đừng bắt chước chú"!...* Chú thính lắm! Nhưng chú phải biết rằng, con rất tin tưởng: Chú sống được, thì dù gì đi nữa, cam go cách mấy đi nữa con cũng có thể "lây lất" sống được. Vả lại, nếu mấy chục năm trước thấy chú khuyên chú như thế mà chú nghe, thì chắc giờ đây con đã không có dịp ngồi viết thư cho chú rồi.... Cuộc đời xoay vòng, luân lưu, chú thấy không? Con không sợ gì cả. "Vong bần lạc đạo" mà chú. Có lẽ rồi

con sẽ chẳng bao giờ lớn -và -thực-tế cả. Trong một cuốn phim trinh thám hay tình cảm gì đó không còn nhớ tên, một kép phụ đã nói ...*"Lý tưởng cũng như những vì sao. Chúng ta sẽ không bao giờ với tới chúng nhưng chúng ta hạnh phúc biết bao về sự có mặt của chúng..."* Đại khái thế. Câu nói làm con thích mãi. Không có nghĩa là con là một kẻ... lý tưởng! Không hẳn thế. Có chăng, là con đang vùng vẫy, đang cố hết sức giẫy giụa — lần cuối!? — trước khi để con trăn hội họa nuốt chửng, co thắt đẩy con vào một cái chốn nào tối tăm trong bụng trăn ấy thôi. Cũng như chú 33 năm về trước, con đang loay hoay khổ sở trước một con đường ngã ba, dù trong đầu đã rắp tâm sẵn sàng một chọn lựa!

Đôi khi con nghĩ, dường như tất cả những băn khoăn thắc thỏm, cái băn khoăn chọn lựa đổi thay hiện tại, chúng chỉ là phản chiếu của niềm lo âu và sự hoài nghi khả năng của chính mình: Có đúng là con có khả năng sáng tạo không, con có đủ sức mạnh để đi cho vững và nghiêm chỉnh trong việc tìm kiếm không...

Đã đành, thời gian trước con bị khủng hoảng vì chợt nhận thấy cái hố cách biệt quá lớn lao giữa sự bận rộn hàng ngày của mình (hội họa) và thực tế đang xảy ra ở Việt Nam. Con vẽ... vời, con băn khoăn, con lung tung... Con xa cách hàng vạn dặm với cái mớ bòng bong khổ đau ở quê nhà. Chú đừng vội nghĩ con đang muốn đặt vấn đề quê hương với nghệ thuật. Đề tài đó to tát vĩ đại quá, con chưa với tới. Con cũng không dám có cái cuồng vọng biến hội họa thành vũ khí chính trị, kiểu "họa dĩ tải đạo", vì một lẽ đơn giản là những việc con làm, chúng chỉ đáng là một cây súng nước! Không, cái lý tưởng đẹp đẽ ấy, — như một vì sao — xin để dành cho thập niên 50, 60, thời đại của văn nghệ dấn thân *à la Malraux, Camus*... Mà cái lý tưởng ấy, nó còn khác hơn, có một số phận hẩm hiu hơn là một vì sao, với một chỗ đứng lập loè khi tỏ khi mờ nhưng cố định. Nó là một thứ sao chổi Harley, đã bị đuổi như đuổi tà, bay mất hút khỏi cái không gian hiện tại của những suy niệm *postmodernisme*, đã quá chật chội cho những lý tưởng rồi.

Không, con ước muốn những điều tầm thường hơn. Như một câu trả lời thật cụ thể cho những lá thư nhà mà — như trong truyện "Da Thịt" của chú *"bên trong chỉ mơ hồ thoát ra một tiếng thở dài"*. Như một đứa con cả của một gia đình gần mười người, miệng ăn núi lở. Hoặc tí ti lý tưởng hơn, chỉ một tí ti thôi, như một người dân hết sức bình thường của nước Việt Nam. "Có con đây, con làm được gì?"

Những màu sắc, những đường nét — cái được gọi là hội họa trong chiều hướng con nghĩ — bỗng vô tình hoá thành một thứ bận rộn trưởng giả, thờ ơ u tối... Và những gì con làm ra, bản vẽ, tranh dầu, chúng chỉ rặt là một mớ sản phẩm của ích kỷ cá nhân.

Con đã bị dằy vò vì ý nghĩ mình chỉ là một đứa con rất tệ.

Nhưng bây giờ thì con biết, dù vẽ mấy năm trời mới khám phá ra thì thật dốt nát, *có còn hơn không*. Có một biên giới rất tế vi, lờ mờ phân biệt giữa một hội họa, như một bận rộn về cái Mỹ (Esthetiek) và một hội họa, như một nỗ lực sống thành thật, một phương tiện hiện hữu trọn vẹn. Mà cái biên giới ấy, đáng sợ làm sao! Chỉ cần một chút vô tâm. Sơ hở quên đi tâm niệm chính, đi lạc vào trong những khám phá kỹ thuật tình cờ, những tiểu xảo nhất thời là thấy mình đứng lơ láo xa lạ với con người Việt Nam của mình. Chú đã vẽ, đã sống với mảnh vải lon sơn bao nhiêu năm, chắc chú thấy rõ điều đó hơn con. Nó khó ghê lắm. Kỹ thuật tạo hình, như một phương tiện, một làn hơi đẩy cái ý đi xa hơn thì được, chứ kỹ thuật như cứu cánh của hội họa thì thật chết!

Từ ý nghĩ trên, con đang "loay hoay như gà mắc đẻ" (chữ của chú) với một chuyển hướng mới. *"To the point"* hơn, thẳng thắn và bạo dạn hơn. Như một biện pháp kỷ luật nhằm đề phòng không cho đi lạc vào chi tiết. Một phần vì ảnh hưởng khi xem tranh của Rothko và Sigmar Polke. Và L.F. Céline. Chú có đọc Céline? Đó là một nhà văn trả ngôn ngữ về lại chỗ đứng nguyên sơ ban đầu của nó. Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện trí thức qua đó hiện hữu. "Je parle donc je suis", theo kiểu Samuel Beckett hay Vũ Khắc Khoan, mà ngôn ngữ, chỉ viết, là ghi nhận và đồng thời biểu lộ của tình cảm. Quyển "Entretiens avec le Professeur" là một viên ngọc sáng giới đầy phẫn nộ, hoan lạc trần trụi. Buồn thì trầm trầm, vui thì hăng hắc... Nghiệm lại, màu sắc cũng vậy chú. Đỏ thì ấm nóng, xanh lạnh lẽo, tím nhớ nhung, đen trắng mênh mông... Con biết con yêu những gì thành thật, trần trụi. Gỗ đá, đất cát thành thật, con nít thành thật, lửa khói thành thật... Một tảng màu xơ xác không thoa bóng *vernis*, rờ tay lên thấy nham nhám gợi cho con một cảm giác man mác. Những cột bê tông không tô trét, sần sùi, con thấy đẹp... Mà đó chỉ là một sở thích riêng tư! Nhưng con vẫn tin rằng, một bản vẽ, một tấm tranh, nó chỉ có thể rung động người xem khi nó được thai nghén từ một tấm lòng chân thành và được thực hiện bởi một bút pháp không dùng tiểu xảo. Nó phải là một sản phẩm của một tình cảm, ý tưởng có thật. — Người vẽ đã vui buồn thành thực, khổ đau và... hoan lạc, một mình hay nhiều mình, thật sự. — Nói tóm lại, đó là một sự lương thiện được tặng hình rồi giữ chặt xuống mặt giấy, mặt vải.

Con có đang lý sự dài dòng và hẹp hòi quá không chú? Nhưng khổ nỗi, con không thể vẫn làm việc tơi bời, mà không biết mình đang bận rộn thật sự với cái gì, đang đi về đâu. Con cần một điểm tựa, cho dù nó có độc đoán chủ quan đến mấy đi nữa. Chỉ loay hoay vẽ vời thôi tự nó không đủ nghĩa. Chú đã từng viết *"nghệ*

thuật có thể là thế này, có thể là thế khác, nhưng Hùng không thể dựa vào nghệ thuật mà sống, mà sáng tạo." (1) Thật đúng quá.

Còn niềm tin ? Chú hỏi con viết thư kể chú nghe. *"Làm sao con có nó được, mặt mày diện mạo nó ra sao?"*. Cái niềm tin ấy, chú Võ Đình ơi,... nếu có ngày nào con tìm được nó, sờ mó được mặt mũi nó, con biên thư kể chú nghe thì tức khắc chú sẽ nhận ra nó chẳng phải ai xa lạ. Bởi vì niềm tin là một thứ hiếm hoi, không có nhiều. Con nghĩ nó chính là cái niềm tin tưởng ở con đường nghệ thuật chú định hướng, như con đường về, mà với nó chú đã sống chết ngất ngây đấy thôi.

Một sáng thứ hai, con đi chung với một người bạn lớn tuổi lên Amsterdam. Một ngày cúp cua đi chơi lòng vòng chốn thủ đô, "đi một ngày đàng học một sàng khôn", anh bạn nói. Lang bạt trên những con phố Amsterdam, ghé vào thư viện Nhiệt đới lục lọi sách báo Việt ngữ, ra chợ trời, khu phố Tàu, có những con gái ăn sương đứng ngồi ngáp vặt sau khung kiếng đèn đỏ. Đầu mùa xuân, lại sáng thứ hai, đường phố Amsterdam thưa thớt người qua lại. Tản bộ mãi, đến chiều lững thững vào vườn dược thảo. Con và Nga đã đến đấy xem nhiều lần. (Nga chỉ thích vườn cây trầm thủy, nơi có những hồ cá thả đầy rau muống — đúng là Bắc kỳ! — đầy nhóc cá lòng tong và cá bẩy màu.)

Lúc con đang lom khom vạch lá để ngắm cho rõ cây bông sơn trà Nhật bản màu đỏ thì thấy *nó*. Thấy một cách rất tình cờ. Chú biết, chuyện cây cối thì con mù tịt. Cây tùng với cây bách mà còn không phân biệt được nữa, huống gì... Nhưng anh bạn con, một chuyên gia bonsai, anh ta tuyên bố chắc nịch "đây mới đúng là mai này, Hùng, lá mai răng cưa, tên la-tinh là..." tay bứt một cái lá đưa lên mũi ngửi. Con chợt giật mình nhác trông thấy một nụ mai, ở một cành sát gốc. Cả cây mai chỉ có duy nhất một nụ mai, chú ạ. Chắc vì phải chia sẻ mảnh không gian quá chật hẹp với hàng chục giống cây to nhỏ khác, nó bị đẹt, cằn cỗi đi, chỉ đủ sức kết một bông hoa thôi. Cũng có thể người làm vườn không biết tục vặt lá như bên mình... Dù sao đi nữa, cả một gốc mai cao gần một thước chỉ độc một nụ mai nhỏ chút. Nó nở đơn chiếc, lặng lẽ. Nó khép nép, rụt rè biết bao cạnh những cụm sơn trà Nhật bản hồng tươi hoặc những thứ hoa con không biết tên đang nở rực rỡ bên cạnh. Cả nụ hoa, chỉ lớn hơn cái cúc áo, nhưng con tin, dường như nó đang mang theo cả mùa xuân về hiện diện đâu đó quanh đây, trong căn nhà kiếng có nóc vòm sắt cũ kỹ 300 năm dư này. Thấy nó, tưởng như thấy cả những tối cuối năm xúm xít quanh nồi bánh chưng, thấy gia đình, anh chị, thấy gói pháo cây nêu, thấy bao nhiêu điều về hiện tượng sống, thấy hy vọng, hy vọng và hy vọng... Màu vàng tươi tắn của nó làm con ngây ngất. Dường như đã lâu lắm rồi, con

chỉ biết có màu vàng thô kệch của chất nhựa hoá học của những cành mai giả loè loẹt, vô duyên...

Con biết bây giờ tháng tư Âu châu. Tiết trời ấm áp. Mùa xuân vừa trở về. Nắng rực rỡ, lóng lánh. Sáng xuống nhà kéo mành lên thấy nắng tuôn ồ ạt như nước qua khung cửa. Nhưng bên nhà, cái Tết đã qua hơn tháng rồi... Những cây mai ở quê, có lẽ đã đâm lá mới, còn những cành mai chưng dăm ngày Tết giờ chắc đã bị đốt thành tro. Nhưng chiếc hoa mai nở muộn màng trước mặt... Nó ung dung nở, nó ngạo nghễ vô uý, *"đúng là vô úy!"* Con linh cảm dường như nó muốn gởi gắm con điều chi đó, rất đỗi bình dị. Không có gì là tình cờ, con biết. Sự hiện diện khiêm nhường nhưng rõ ràng của cái chấm vàng tí teo, nó như một lời chúc Tết, một lời chúc bình an. Rằng mọi sự vẫn như cũ, không gián đoạn biệt ly, tất cả vẫn ung dung tiếp tục cái nhịp đi lặng lờ bình thản. *Phải biết, phải tin như thế.*

Bảy, tám năm rời quê, tình cờ ngó lại một nụ mai nở, thấy nó nở ra, gợi lên bao ảo tưởng về hy vọng, xóa tan bao nỗi thắc mắc lớn nhỏ về chuyện củ sắn củ khoai... Đã đành, nó sẽ vỗ về, yên ủi. Nó sẽ thấm nhuận, nuôi dưỡng, gột rửa tâm hồn trong sạch hơn. Nó không là "hoa đốm hư không" (chữ của thầy Nhất Hạnh). Nhưng mà... niềm tin, đó là gì vậy chú? Nó có thể nào cắt nghĩa thật ngọn ngành cả một đời sống cứ chạy đuổi chắp chới về phía trước? Vẽ, vẽ mãi miết như một con trâu gò lưng kéo mãi một cái cày nặng nề phía sau?

Tháng trước, con trở lại Blaricum. Cả xóm đạo đìu hiu, những con vịt lông cánh xanh biếc đi nghểnh ngảng từng bầy giữa đường phố thưa thớt xe cộ qua lại. Buổi trưa thanh vắng, chuông nhà thờ đổ beng... beng... từng hồi. Đã lâu lắm, con không trở lại đó. Con về lại Blaricum, trong lòng còn giữ nguyên những cảm xúc ban đầu. Cái cảm giác bị bao trùm bởi lớp không khí văn hoá lâu đời của châu Âu, vẫn còn nguyên vẹn quanh đây. Trở lại *atelier* trên rầm thượng căn nhà xứ có mái lợp bằng những phiến đá lei đen. Tự đằng xa, nhìn thấy khoảnh mái nhà đen tuyền, thấy con gà đồng ướn ngực trên nóc tháp chuông cao vút, là lòng con lại dậy những nỗi háo hức, xao xuyến. Chú biết đá lei đen chứ? (Người Anh Mỹ gọi là đá slate). Chúng phẳng phiu từng lớp, đen mun. Ở quê nhà con nít đi học, món đầu tiên cha mẹ sắm cho — ngoài cái quản bút và bình mực có quai nhựa đính tòng teng ở ngón tay — là cái bảng đá. Đá lei đen. Nóc mái nhà lợp bằng ngàn phiến đá lei đen ấy sáng bóng lên sau cơn mưa. Ở Hoà Lan, tới tháng ba là trời mưa lâm thâm, mưa phất phới. Mưa xuân. Ở ngay dưới nóc mái đá lei đen ấy là cái rầm thượng con dùng làm *atelier* một thời gian. Con đã kể chú nghe trong một thư trước. Căn phòng tranh tối

tranh sáng, ngổn ngang những hòm rương bằng gỗ đóng đai sắt, những tủ sách bụi đóng đầy. Trên kệ, có những quyển nhạc *Gregorian* bìa da khoá đồng in tự cuối thế kỷ thứ 18. Ánh sáng hiếm hoi bên ngoài lọt vào qua hai khung cửa nhỏ xíu, phả vào căn phòng một lớp màu vàng, soi rực rỡ lên những đồ vật để gần cửa sổ rồi từ từ tối dần vào bên trong, như một thứ *"clair-obscur"* trong tranh Rembrandt.

Con muốn xem lại những bức tranh dầu còn để bừa bãi ở đó. Nhưng chú biết không, ngày hôm đó con không có dịp xem lại những việc làm của mình dạo trước. Suốt mấy tiếng đồng hồ, con mãi ngồi yên trong căn phòng ông *professor* già. Thấy những ý tưởng, câu dài câu ngắn không đầu đuôi tự dưng xuất hiện, dồn đống trong đầu óc. Xuất hiện khơi khơi, không mảy may dính dáng gì đến nhau. Có câu triết lý lẩm cẩm, còn nhớ, *"không có nỗi cô độc nào bi thảm hay riêng rẽ một mình"!* Có câu "banale" hết sức, *"tôi không bao giờ muốn ăn thịt, cá...."* Con tự hỏi, sao bên dưới lớp da dầu lại có chỗ cho những suy tưởng loạng quạng, kỳ khôi vậy? Nhưng giờ nghiệm lại, thì ra đầu óc nó cũng có cái đời sống riêng tư của nó....

Chắc chú chưa quên ông cụ linh mục kiêm giáo sư con có kể cho chú trong một thư trước? Ông ta năm nay đã gần 80. Tóc bạc phơ, thưa thớt, dáng đi dáng đứng lòm khòm. Ông cụ như một nhân vật còn sót lại của thế kỷ trước, hiếm hoi, bí mật... Căn phòng của ông cụ, đầy dẫy những hồ *antiek* và thảm đỏ ghế bành lót da, có cả một chiếc *divan*. Cách bài trí trong phòng giống in hệt căn phòng làm việc của Sigmund Freud trong những hình chụp *archives* in trong những cuốn sách tâm lý học. Căn phòng đó không còn nữa. Người ta đang lột những tấm giấy dán ám khói, ố vàng và đã bắt đầu sơn trắng một khoảnh tường. Trong phòng ngổn ngang đồ nghề của thợ sơn. Ông *professor* đã vào viện dưỡng lão rồi chú. Nói đúng hơn, ông ta bị đuổi đi. Cái biến cố ấy, bà quản gia, ông cha xứ thay nhau nói, thay nhau kể, mặt mày hả hê. Người ta nói đại khái dạo này ổng khó chịu quá. Đến nỗi người ta phải "đuổi" ông ta, "tống cổ" ông ta ra khỏi nhà.

Ngồi trong căn phòng mở tung cửa sổ để cố đẩy thoát đi tất cả mùi xì gà nồng nặc tích lũy đã mấy chục năm, con cố nghĩ đến, gợi lại hình ảnh ông Linh mục Hoà Lan, giáo sư tiến sĩ già nua. Mỗi lần ông bắt đầu ăn trưa, ông đọc cả tràng tiếng la-tinh, những bài kinh có âm hưởng kỳ dị dài dòng, rồi ăn cắm cúi, lén lút khổ sở như sợ tất cả mọi người ngồi ăn chung bàn. Ông ta ăn bằng thìa, lóng ngóng, run rẩy, để rơi khoai, thịt vương vãi đầy tấm khăn trải trên đầu gối. Rồi lại làm dấu, giơ tay đọc kinh, trong khi mọi người đang cắm cúi ăn, rồi lủi thủi đi về phòng như một cái bóng. Con cố

nghĩ, cố hồi tưởng... nhưng sự tập trung bị chi phối mãnh liệt bởi một con bướm đêm. Bây giờ ngồi viết thư cho chú mà con vẫn còn nhớ mồn một. Không biết nó đã bay lạc vào căn phòng của ông *professor* tự hồi nào. Con ngồi hút thuốc ở nấc thang gỗ thợ sơn dùng để sơn trần nhà thì nghe tiếng đập cánh lạch phạch của nó. Đúng là một con bướm đêm. Đôi cánh màu xám tro, có những chấm tròn vàng xỉn, rách tả tơi. Nó ườn èo, trăn trở cái thân hình cục mịch có những chiếc chân ngo ngoe nhỏ bé như những cọng tóc. Nó cựa mình đập cánh yếu ớt như sắp chết. Thỉnh thoảng nó lại đập cánh, vùng vẫy liên hồi như muốn vụt bay lên. Rồi lại bất động một lúc khá lâu. Những lúc đó, nó làm con nghĩ đến những xác ruồi dọc những vệt cửa sổ, những chấm đen dơ bẩn. Hay những con đường có con chim chết, đầu ngoẻo sang một bên cánh...

Đến lúc con mở cửa bước ra bên ngoài, con bướm đêm vẫn nằm yên. Không thấy nó đập cánh nữa. Nó nằm yên như chết. Có lẽ nó đã chết, những chiếc chân nhỏ bé không thấy mấp máy nữa. Trên nền thảm chấm đen chấm vàng li ti cũ kỹ, xác con bướm đêm nằm chết, lẫn lộn với những vật vô tri vô giác như cái kẹp quần áo, mẩu tàn thuốc lá, một miếng giẻ... Tất cả như một trang tĩnh vật...

Con không biết tại sao con lại đi kể dài dòng cho chú nghe một câu chuyện dường như chẳng ăn nhập vào đâu cả? Con mong chú thông cảm, tha thứ... Chỉ mới ba ngày trước, ông cha xứ Blaricum có viết cho con mấy chữ. Ông ta vừa mới đi thăm ông *professor* về. Ông cụ ham hố quá, mang theo hết đồ đạc, giờ ở chật chội, phòng mới ông cụ đầy ắp đồ đạc không đi lại được. Sức khoẻ ông ta giờ kém lắm, lại hay ho... Ông cha xứ cũng nói thêm, nhà xứ định sửa sang lại cái rầm thượng, sẽ trổ cửa trên nóc... Sửa sang xong con có quyền dùng căn phòng làm *atelier* lại, sẽ khang trang rộng rãi hơn... Nhưng con biết, có lẽ con sẽ không bao giờ trở lại Blaricum lần nữa.

Chú biết không, con xuống Blaricum để vẽ, nhưng tất cả sự chú ý là dành cho vị giáo sư linh mục. Bởi vì ông *professer* về hưu ấy là cả một nỗi ám ảnh. Chú biết, có những buổi tối vẽ chán, con xuống phòng ông cụ, ngồi hút thuốc. Bao giờ cũng vậy, ông đi thắp một ngọn nến mới ở bàn thờ trong góc phòng, nơi có đặt một bức *ikon* nhũ vàng hình Đức Mẹ. Thắp xong rồi mới hút thuốc. Ông ta hút xì gà. Ông luôn miệng nói tôi đang sống gần Chúa trời bao dung đây... Ông *professor* có một lối nói rất chậm rãi, bao giờ cũng cười khà khà ở cuối câu, rồi lè lưỡi chậm chạp liếm qua liếm lại vành môi dưới, một thói quen gợi cho người ta một ấn tượng dơ bẩn. Ông ta nói về đức tin, về một sự sống miên viễn ở đâu đó trên cao hơn những đám mây... Về miền lạc phúc xa xôi nhưng gần

gũi... Ông nói tôi vẫn cầu nguyện cho cậu mỗi đêm, cậu rất cần những lời cầu nguyện, mỗi tối chỉ cần đọc dăm kinh Kính Mừng Nữ Vương thôi.... Bốn, năm năm trước, ông còn đọc sách, viết những khảo luận thần học cho những tạp chí bên La Mã. Bây giờ ông chỉ còn đủ sức đi từ phòng riêng đến phòng ăn. Thời giờ trong ngày, ông ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành, lần chuỗi đọc kinh... Con nhớ mãi một buổi tối, ông năn nỉ con dìu ông đi sang cái nhà nguyện nhỏ trong một góc nhà thờ. Tựa cả hai tay vào bàn, dưới ánh sáng lung linh của hai ngọn nến, ông đứng run run làm lễ, đọc kinh, hát xướng bằng cái giọng khàn khàn khô héo... Trở về, đi dưới những nóc vòm cao vút lạnh lẽo của nhà xứ, ngang qua những hành lang tối tăm treo từng hàng *portrets* của những vị linh mục, giám mục quá cố. Dựa gần như cả người vào vai con, ông *professor* linh mục lê bước chân chậm chạp, nói năng vui vẻ không cần giấu diếm. Vì ông vừa lén lút được làm lễ lại. (Bác sĩ cấm ông không được làm lễ cả mấy năm nay). Mắt ông sáng lên khi nói với con về những niềm lạc phúc tưởng không có bờ bến... Ông luôn miệng hỏi con có thấy hạnh phúc không... Lời nói của một người đã sống gần hết cuộc sống cho lý tưởng, niềm tin, trong lời nói của họ có những sức mạnh không phủ nhận được. Con im lặng nghe ông nói, không tin tưởng gì lắm nhưng cảm động.

Chú Võ Đình ạ, chú biết không, ông *professor*, ổng yếu lắm. Ông chưa bao giờ đủ sức để leo hết những bực cấp cầu thang để tới cái rầm thượng phòng vẽ của con. Nhưng dường như ông thấy hết, biết hết những việc con làm, ông là một người hiểu biết thật sâu xa... Mà nếu nói quá một chút, chỉ một chút thôi, thì đời sống của vị linh mục già nua ấy chính là một cái Đẹp, một cái Đẹp quá sức lớn lao. Trong một nghĩa nào đó, ông *professor* ấy đẹp như dì Evonne còm cõi đen điu già 91 tuổi của chú. Chú viết: *"Mà cái đẹp của dì Evonne thì bao trùm tất cả những cái đẹp khác. Cái đẹp của dì Evonne phải sống ngót một trăm năm, mà sống thật cho ra sống, sướng khổ thật cho ra sướng khổ, khóc cười thật cho ra khóc cười, suốt một thế kỷ, dì mới có cái đẹp ấy. Một cái Đẹp quá lớn..." (2)* Vâng, chính thế. Thế nhưng chú Võ Đình ơi, còn ông *professor* già... Cái đời sống của ông, cái đời sống đầy ắp niềm tin đã thăng hoá thành cái Đẹp kia, nó là một con dao hai lưỡi, chú có biết không? Một con dao Damoclès treo trên đầu những kẻ, a ha, dám ngạo nghễ tuyên bố đi mãi đi hoài, dám hiến cuộc đời mình cho cái đẹp... Thật đáng kiếp! Bởi vì cuộc sống ấy, đã đành nó như một thứ bùa mê, nó quyến rũ, khêu gợi óc mạo hiểm liều lĩnh, cũng lại là một sự gợi ý phản tỉnh, nhận ra dường như đời sống đã không được sống với sự sần sùi trọn vẹn của nó mà đời sống là sống cho một cái gì đó hết sức vu vơ mơ hồ.... Con biết, con đang dại dột

chơi một trò chơi lý luận nguy hiểm... Nhưng mỗi lần ngồi hút thuốc với ông linh mục già, nhìn dáng ông đi lom khom thắp một ngọn nến nơi bàn thờ có bức tượng *ikon* nhũ vàng lờ mờ, đầu óc con lại lớn vởn với ý tưởng đó. Đương nhiên, đó là một ý tưởng hết sức chủ quan. Con lấy gì để quả quyết, mà đoán mò?! Biết đâu ông linh mục giáo sư ấy đã chẳng sống thật trọn vẹn đời sống, một đời sống đầy tràn hoan lạc ngất ngây với niềm tin của ông? Mà nếu thật vậy, thì đó càng là một cái gương để con soi ngắm, để thấy càng tự tín lạc quan hơn lên đấy thôi!

Mà thôi, chú Võ Đình ạ, con đã làm chú mất khá nhiều thì giờ... Còn mấy năm nữa con mới tới cái tuổi tam thập nhị lập (!), thế mà chưa chi đã vội... Con biết gì về đời sống mà đã vội vội vàng vàng viết thư mà kể chú nghe! Nhưng chỉ nói về "hội họa" không thôi, không tào lao chuyện trên trời dưới đất thì thiệt khó quá... Chú biết đó, cái cảm phải được thấy trước hết. Có nhiều điều, con mắt nói nhiều hơn cái mồm! Con vẫn ước ao được chú nhìn ngắm, nhận xét tranh con một lần. Chú không giàu, con sống cầu bơ cầu bất, nghèo rớt mồng tơi. Biết bao giờ gặp lại?... Mong chú vẫn luôn an mạnh. Cho con và Nga gởi lời thăm thím.

NGUYỄN THANH HÙNG
Houten, Hoà Lan, 5-88

---

(1) Võ Đình — Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ *(Xứ sấm sét), trang 180.*
(2) Võ Đình Cũng Thư Gửi Bạn. *Văn Học Nghệ Thuật, Bộ Mới, số 1, 5-85, trang 19.*

ĐÓN ĐỌC

VĂN HỌC SỐ 31
ra ngày 1 tháng 8 năm 1988
SỐ ĐẶC BIỆT : DOÃN QUỐC SĨ
Số báo vinh danh một nhà văn đúng nghĩa

Nguyễn văn Sâm

Gặp người bạn cũ

Ngoắc chiếc xích lô lại
Nghe rụng rời tay chân
Người bạn ngày xưa đó
Giờ sao như ăn mày.

Lên đây đi khỉ gió
Đừng nhìn tao thở dài
Đời như tranh mây chó
Gặp được nhau là may

Thằng ngựa người mỗi bữa
Thằng thất thểu lang thang
Mình ngó nhau chút nữa
Tao mầy lệ chứa chan.

Xưa mầy trên bục giảng
Tao rừng núi hiên ngang
Quá khứ như kỷ niệm
Hiện tại cùng lầm than.

Vào đây vô lít rượu
Đốt phút đời phù du
Chuyện cũ mới đừng nhắc
Ngưởng cổ dài ta tu.
(Tháng 11.1987)

Bùi Vĩnh Phúc

Một Cách Nhìn Về Mười Ba Năm Văn Chương Việt Ngoài Nước.

Có hay không có một dòng văn chương của những người Việt tứ xứ sau thảm họa 30 tháng 4, 1975?

Để trả lời câu hỏi này, tôi muốn trước hết xác định ý nghĩa của một vài khái niệm căn bản nằm trong chính câu hỏi. Bởi nếu không xác định rõ ý nghĩa của chúng, có thể ta sẽ rơi vào một thái độ hời hợt, dễ dãi trong việc bôi xóa và phủ nhận những đóng góp đa dạng khác nhau của dòng văn chương ngoài nước. Ngoài ra, việc xác định ý nghĩa của một vài khái niệm căn bản nằm trong câu hỏi cũng, hy vọng, giúp ta có được một thái độ tiếp cận, động chạm đến vấn đề một cách cởi mở và khách quan hơn. Từ đó, ta có thể có được một cái nhìn chân xác hơn về tính vận động của dòng văn chương ấy.

Điều trước tiên tôi muốn xác định ở đây là bài viết này muốn đưa ra một cái nhìn, một cách nhìn về *dòng văn chương ngoài nước* của người Việt, chứ không phải về một *dòng văn chương lưu vong*. Nếu ta muốn tìm hiểu những đặc tính của một dòng văn chương, ta phải khảo sát những yếu tố cấu thành nó, từ đó, nhìn thấy sự thể hiện của chúng nơi văn chương. Những yếu tố này có thể được tìm thấy ở nhiều mặt, chẳng hạn như xã hội, tâm lý, văn hóa, chính trị, vân vân. Tôi cũng không muốn gọi dòng văn chương tôi đang bàn đến là dòng "văn chương hải ngoại", mặc dù cách gọi này không có gì sai. Đối với riêng tôi, nhóm từ *hải ngoại* - trong "văn chương hải ngoại"- ở tầng ý nghĩa thứ nhất, là tầng chuyển dịch, tịnh tiến qua lại giữa những từ Hán Việt và thuần Việt, có một ý nghĩa tương đương như nhóm từ *ngoài nước* - trong "văn chương ngoài nước". Ở tầng ý nghĩa này, không có sự khác biệt gì giữa *ngoài nước* và *hải ngoại*. Dù sao, nếu ta xét sâu vào mạch ngầm của cấu trúc ngữ nghĩa, từ *nước* và *hải* - trong *ngoài nước* và *hải ngoại* - theo cách dùng của ta, đã được gắn bó vào những thực thể khác nhau. Cũng để nói lên cái tính chất ở bên ngoài

đất nước, ở đây, từ Hán Việt *hải ngoại* được hiểu theo nghĩa là *ở bên ngoài biển;* từ thuần Việt được dùng một cách rõ ràng hơn và sát vào cái ý muốn được diễn tả hơn. *Nước* ở đây không phải là *hải (là thủy),* mà là *quốc.* Đây là một thực thể chẳng những hết sức linh thiêng mà còn gắn bó hết sức xương thịt với mỗi người chúng ta. Khi nói đến *(đất)* nước, ta nghĩ đến máu thịt xương da của con người, của tổ tiên, cha mẹ, anh em, họ hàng, bằng hữu... Ta nghĩ đến hồn thiêng sông núi của cả một dân tộc. Tôi nghĩ tương đương với nhóm từ *ngoài nước* là nhóm từ *quốc ngoại.* Dù sao, khi nghĩ và nói lên bằng lời ý niệm *ngoài nước,* tôi vẫn thấy cả thân xác mình rung động theo một nhịp khác khi nghĩ và nói lên ý niệm *quốc ngoại (*chưa nói đến ý niệm *hải ngoại).* Khi nói *ngoài nước,* ta vẫn cảm thấy gần gũi với đất nước, với con người Việt hơn là khi nói đến *quốc ngoại.* Sự *cảm thấy,* sự *rung động* này có lẽ là do ảnh hưởng khác biệt đối với thân tâm ta của hai tầng ý nghĩa thuần Việt và Hán Việt. Thơ Hồ Xuân Hương và thơ Bà Huyện Thanh Quan, chưa xét về giá trị văn chương và văn học của chúng, khác nhau chủ yếu ở phương diện này.

Tóm lại, sở dĩ tôi gọi là *văn chương ngoài nước* vì dòng văn chương này, đối với tôi, ở mặt này hay mặt khác, vẫn có những điểm gắn bó xương thịt, xa gần với đất nước, quê hương, với những thao thức của cả một dân tộc. *Ngoài* nhưng vẫn *trong* là thế. Tuy nhiên, ở một vài mặt thể hiện nào đó, hoặc ở vào một giai đoạn nào đó, nó vẫn có những nhánh, những chi, những biểu hiện có vẻ không gắn bó gì (lắm) vào cái hoàn cảnh chung của dân tộc. Tôi sẽ thử giải thích hiện tượng này trong phần phân tích các khía cạnh biểu hiện của văn chương ngoài nước, sau khi tôi trình bày một vài suy nghĩ về lý do tại sao, để nói về đề tài hiện tại, tôi không dùng nhóm từ *văn chương lưu vong.*

Lưu vong tính - nhìn như một sự thể hiện thái độ sống, thái độ suy nghĩ, viết lách của những người Việt lưu vong - có những phản ảnh rất rõ nét và tốt đẹp trong dòng văn chương ngoài nước. Sự biểu hiện này có thể được nhìn thấy trên nhiều khía cạnh, đặc biệt ở khía cạnh chiến đấu ,lên án và đối mặt với kẻ thù. Nó cho ta thấy ngọn lửa nóng trong tim Việt Nam ngoài quê hương vẫn còn cháy đỏ và giục ta cất bước trở về. Sự trở về này mang một ý nghĩa lên đường mới. Hết sức sâu sắc và tận tuyệt. Lên đường để trở về nhà. Để cởi bỏ và đập tan những xiềng xích còn đang giăng mắc, trải đầy trên quê hương. Để cởi bỏ và đập tan những gông cùm mà bọn người mang màu áo ngoại lai, mất tâm chất Việt, đang vẫn còn dùng chúng như những dụng cụ để giam giữ tâm-ý-thể con người.

Lưu vong tính có sự thể hiện đẹp và rõ của nó trong dòng văn chương ngoài nước. Nhưng dòng văn chương này, với sức xiết chảy của nó qua những mỏm, những ngã quặt định mệnh ở bên ngoài quê

hương, với sức cộng hưởng của những dòng văn chương, văn học khác mà nó phải bám sát, hòa mình vào để có thể tiếp tục bùng thoát và cuộn chảy, có những yếu tố mới mà ta không thể không lưu tâm đến. Những yếu tố này tạo nên sức sống , sức đi tới của dòng văn chương Việt ngoài nước. Những cánh cửa mới được mở ra. Sau khi đã nhìn thấy trời xanh trên đầu và thế giới mở rộng trước bước chân đi tới, người ta sẽ nhìn lại lòng mình để thấy rằng quê hương vẫn còn đó, vẫn xót xa còn đó, vẫn phải oằn mình dưới gót thù. Quê hương vẫn vẫy gọi người ta mỗi giây mỗi phút. Người ta sẽ thấy đâu là xương thịt thật sự của mình. Dòng máu trong trái tim người ta lúc ấy sẽ tìm đường trở về nơi nó đã phát khởi là quê nhà. Điều đó tự nhiên và có tính cách tất yếu.

Vậy, theo cái nhìn của tôi, lưu vong tính có một dấu ấn sâu đậm trong văn chương ngoài nước. Nhưng để có thể nhìn rõ dòng văn chương này, có lẽ ta nên tìm một góc độ nào đó giúp ta có được một sự nhìn ngắm rộng rãi và khách quan. Sau khi đã khách quan nhận diện rõ những thể hiện nhiều mặt của dòng văn chương ngoài nước, lúc đó, ta có thể đưa ra một vài suy nghĩ có tính cách chủ quan hơn, chẳng hạn như về yếu tính nên có của một dòng văn chương ngoài nước, hướng đi của dòng văn chương này... Dù sao, những suy nghĩ theo chiều hướng đó không phải là mục tiêu của bài viết này. Nếu cần, chúng sẽ được trình bày trong một bài khác. Bài viết này chỉ cốt ý trình bày diện mạo của dòng văn chương ngoài nước từ 1975 đến nay.

Nếu chúng ta chấp nhận lối nhìn như trên về tính vận động của dòng văn chương ngoài nước, chỉ cần một thời gian tiếp xúc ngắn với nó, ta có thể thấy là dòng văn chương này đã có mặt sau một thời gian rất ngắn,ngay sau khi lớp người Việt đầu tiên rời khỏi nước vì thảm họa 30 tháng 4, 1975. Dòng văn chương này, là biến số của thời gian và bối cảnh sống của người Việt trên khắp thế giới, đã mỗi ngày mỗi triển nở và trở nên sinh động, khởi sắc trên nhiều mặt. Được hình thành, trước hết, bởi những người Việt đã có một số kinh nghiệm sống, suy nghĩ, viết lách... trong giai đoạn trước 75, nó mang cái vóc dáng, cái đường nét của dòng văn chương tiền -1975. Những đường nét, vóc dáng này có những góc cạnh hay cũng như những góc cạnh cũ mòn, tiêu cực. Chúng ta có thể thích điều mới và chán ghét sự lập lại. Nhưng nếu cho rằng tất cả mọi sự lập lại đều không đáng được để ý, có thể chúng ta sẽ bỏ qua nhiều vốn liếng quí báu mà chúng ta vẫn còn có thể tiếp tục khái triển.

Ngoài ra, văn chương là một dòng vận động. Nó cứ cuộn chảy mãi về phía trước và mở ra những khoảng trời mới. Những khoảng trời này được gọi là mới vì chúng xa lạ với những góc cạnh nhìn ngắm của ta ở những giai đoạn trước. Nó mới cũng là bởi vì nó đã chảy vượt ra khỏi cái không gian cũ của ruộng vườn, bờ bãi quê nhà. Nó

đã chảy vượt qua khỏi những bến bờ lau lách cũ. Nó đã hoà vào đại dương và chẻ ra làm nhiều nhánh, nhiều chi mới tuôn chảy thênh thang khắp chốn. Cái mới không hẳn luôn luôn là cái đẹp, cái tốt. Nó cũng không chắc là cái xấu, cái dở...Ở một chỗ đứng thuần túy văn chương, có thể có những người còn mạnh dạn cho là nó không đúng cũng như không sai nữa. Văn chương, theo những người này, chỉ là để ghi lại và phản ánh những khía cạnh khác nhau của đời sống. Nó không thuộc vào những phạm trù luân lý hay đạo đức... Tôi sẽ không đi vào những phân đích, bàn luận có tính cách muôn đời đó trong bài viết này. Tôi chỉ muốn nói rằng, văn chương ngoài nước mười ba năm qua đã có những cái mới chính vì hoàn cảnh phát sinh và nảy nở của nó. Nhiều người cầm bút mới đã lên đường, đã nhập cuộc. Họ mang vào văn chương ta những yếu tố mới bằng chính thân xác, đời sống và sự nhìn ngắm vào cái đời sống này của họ. Vấn đề đánh giá, nhận định về thái độ cũng như những giá trị của những đóng góp mà lớp người mới mang lại là một vấn đề có nhiều khía cạnh thú vị đáng để được khảo sát vào chiều sâu. Dù sao, nó cũng không là chủ điểm của bài viết này. Bài viết chỉ muốn ghi nhận những đóng góp đó và nhận xét qua về hoàn cảnh phát sinh của chúng mà thôi. Tóm lại, một cách chung, đây chỉ là một bài viết mang nhiều tính cách ghi nhận, phân tích và trình bày hơn là phê phán và đánh giá. Nếu đâu đó trong bài có một vài nhận định mang tích cách đánh giá, chúng chỉ có thể được coi là những điểm khởi đầu cho những bài viết nghiêng nặng về khía cạnh lý luận, nhận định hoặc phân tích và đánh giá về sau của người viết.

Dòng văn chương ngoài nước của người Việt sau mười ba năm xa xứ có khá nhiều nét sinh động. Nó cho ta hình ảnh của một dòng sông lớn tách làm nhiều nhánh. Có những nhánh đã làm thành cả một dòng triều, nhưng cũng có những nhánh chỉ mới bắt đầu khơi chảy. Phân loại, chia cắt thành từng nhánh, từng dòng như thế để làm công việc nhận diện những khuynh hướng văn chương, văn học là một điều thật khó. Bởi , tất cả những nhánh, những chi này đều có chia sẻ với nhau một số nét chung nào đó; cùng lúc, chúng lại cho người khảo sát thấy là chúng đang đi những hướng riêng. Ngoài ra, sự chia sẻ những nét đồng dạng giữa nhánh này nhánh nọ, hoặc giữa chi nọ và chi kia, còn được thể hiện ở những mức độ khác nhau.

Nhánh A có thể chia sẻ một vài nét với nhánh B, nhưng lại có nhiều nét chung nhất hơn với nhánh C... Và sự liên hệ giữa các nhánh là điều không thể tránh được. Bởi lẽ, tất cả mọi phụ lưu đều đã xuất phát từ cùng một nguồn lớn để đổ ra biển cả. Nếu ta chọn một cách nhìn đảo ngược, thì những nhánh đó là những dòng dị biệt, nhưng, cách này hay cách khác, đều đang tìm về một nguồn chung là quê nhà.

Chính vì cái hiện tượng đó, việc phân định các chi các nhánh ở đây chỉ là một việc làm mang nhiều tính phương pháp hơn là thật sự có thể xác định bản chất của những khuynh hướng văn chương ngoài nước một cách rõ ràng. Tuy nhiên, người viết hy vọng là nếu có được một phương pháp tốt, ta sẽ dễ dàng hơn trong việc nhìn rõ bản chất của đối tượng mà ta muốn khảo sát.

Ta cũng có thể cho rằng văn chương ngoài nước được chia thành hai cụm lớn: một cụm nhớ nhà, chiến đấu... và một cụm thích nghi, hội nhập. Sự phân chia này - cũng như cách chia văn chương ngoài nước ra làm những nhánh, những chi khác biệt như trên - cũng không tránh khỏi tình trạng khó khăn trong việc *định tính* của mỗi khuynh hướng. Khuynh hướng nhớ nhà có những điểm khác khuynh hướng chiến đấu. Khuynh hướng thích nghi có những điểm khác với khuynh hướng hội nhập. Và nói ngược lại thì cũng đúng. Ngay trong cùng một cụm, chúng có những điểm gần nhau. Và sự chia sẻ một số đặc tính chung giữa hai cụm cũng không hẳn là không có thể dễ dàng tìm thấy. Bởi vậy, để nhắc lại một lần lữa, tôi muốn nói là sự phân nhánh được đề nghị ở đây chỉ là để giúp cho người làm công việc theo dõi, khảo sát được dễ dàng hơn. Sự phân chia này cũng có mục đích giúp người đọc dễ nhận thấy tính vận động của dòng văn chương ngoài nước. Nếu không thử tìm một cách phân chia nào đó, việc trình bày và đánh giá (nếu có) của bất cứ một người nào muốn tìm hiểu, khảo sát dòng văn chương Việt ngoài nước (ít nhất là tính từ thời điểm này ngược lại về dấu mốc 1975) sẽ trở nên bất khả hoặc thiếu tính chính xác và không có hệ thống.

Theo cách nhìn của tôi, ta có thể chia dòng văn chương ngoài nước ra làm sáu nhánh với những lưu lượng và nhịp chảy riêng khác nhau. Nhánh thứ nhất tôi tạm gọi tên là *nhánh hoài cảm, nhớ nhà.* Nhánh thứ hai tạm gọi là *nhánh lên đường, chiến đấu.* Thứ ba là *nhánh thích nghi.* Thứ tư, *nhánh hội nhập.* Thứ năm, *nhánh tiếp cận lịch sử, xã hội,* trình bày mẫu sống bằng sự quan sát, ghi nhận khách quan, nhiều khi đượm màu sắc triết lý. Và cuối cùng, thứ sáu, là *nhánh duy cảm, duy nhiên,* có nhiều tính "vị nghệ thuật", nghiêng về hướng triết lý sống... Tất cả những nhánh này, ở những mặt nào đó, lại gắn bó chia sẻ với nhau một số nét chung. Có những tác giả, trong cùng một giai đoạn hoặc trong những giai đoạn khác nhau của hành trình cầm bút, có thể ở vào những khuynh hướng khác nhau. Ngay trong một tác phẩm, ta cũng có thể thấy sự thể hiện của những khuynh hướng khác nhau tong đó (nhất là trong, một tuyển tập truyện ngắn chẳng hạn).

Nhưng, như đã nói, ta hãy cứ thử làm công việc phân nhánh như thế để định tính của những dòng này. Sự phân nhánh này, từ một góc độ khác, cũng cho thấy sức vận động và phát triển của dòng văn

chương Việt ngoài nước trong thời gian hơn mười ba năm qua.

* *Hoài cảm, nhớ nhà* chỉ là một cách gọi. Cách gọi này không mang trong nó một thái độ nhìn ngắm nào gần gũi với sự mỉa mai, tiêu cực hay xem thường từ phía người khảo sát. Sở dĩ tôi nói lên điều đó vì, trong khuynh hướng này, tôi nhận ra có những đóng góp thật đẹp đẽ và hết sức sắc bén, nhạy cảm của nhiều nhà văn có tài năng và có đầy lòng yêu thương tha thiết với đất nước, quê nhà. Tôi xác định về thái độ nhìn ngắm trên của tôi với khuynh hướng văn chương này cũng chính là vì 7,8 năm trước đây đã có một loạt bài trao đổi qua, lại mang tính cách phê phán, đánh giá về một thể hiện của dòng văn chương này. Và hiện tại, vẫn có những người cho rằng dòng văn chương này có tính cách tiêu cực, đáng bị kết án. Về chuyện 7,8 năm trước, tôi muốn nhắc lại trường hợp thơ Cao Tần. Thơ Cao Tần, trong một số bài báo xuất hiện khoảng năm 1980, 1981 của TTVĐ, được xếp loại chung với một số thơ của một, hai thi sĩ khác, đã bị đánh giá là tiêu cực, không có tinh thần chiến đấu, mang đầy tính vô định hướng một cách mệt mỏi. Cao Tần đã trả lời những luận cứ này bằng một bài khá dài đăng trên Sài Gòn Mới (?). Với lời lẽ xác đáng, đầy lửa nhưng lại chan chứa những tình cảm chân thật của một người cầm bút lưu vong, Cao Tần đã nói lên được một cách rất hùng hồn cái thái độ sáng tác và tham dự vào văn chương của mình. Tôi đã đọc bài này quá lâu nên chỉ nhớ đại ý của nó. Cao Tần cho rằng, văn chương, theo nghĩa thuần túy cũng như theo nghĩa phản ánh tâm tình của con người trước đời sống, thời cuộc, có thể được biểu hiện bằng nhiều cách. Nếu trong lịch sử, văn chương ta đã có những bài hịch hực lửa, kích thích tinh thần chiến đấu của dân Việt trong những giai đoạn quyết liệt nhất của đất nước, nó cũng có những bài tự thán, những bài mang tính chất phẫn hận. Và tất cả đều có những giá trị văn chương cũng như xã hội của nó. Không phải lúc nào con người cũng phải chuẩn bị mình ở trong tư thế để hét ra lửa. Người ta, có những lúc cũng muốn ngồi im một chỗ, để lòng mình lắng lại mà nhớ về dĩ vãng, nhớ về những kỷ niệm đằm thắm của cuộc đời. Có khi người ta cũng muốn tự để chảy ra một dòng nước mắt. Để lau rửa đi những muộn phiền uất ức mà người ta đã bị đẩy vào thế phải gánh chịu. Không phải lúc nào cũng hừng hực biến đau thương thành hành động được. Nếu người ta còn là con người, người ta còn muốn gợi lại trong tâm hồn những hình ảnh êm ái, tha thiết cũ mà người ta đã bị thời gian và những cuộc đổi đời cướp mất. Một con người yêu nước có lúc cầm súng chiến đấu, nhưng cũng có lúc ngồi thương nhớ vẩn vơ về một giọt lá me bay ngơ ngẩn trên đường phố quê nhà một chiều mưa tạt... Tất cả những điều ấy không có gì là đáng để bị lên án, chối bỏ

Tôi chia sẻ với Cao Tần những suy nghĩ đó, nhất là nếu đặt tập thơ của Cao Tần trong bối cảnh nó được viết ra (khoảng 76-77). Trong tâm trạng dao động, phẫn uất của một người Việt Nam bị đẩy bắn ra khỏi quê hương trong một hoàn cảnh lịch sử bi thảm như vậy, Cao Tần đã phản ánh đúng cái tâm linh của một số lớn người Việt (ít ra là trong giai đoạn đó.) Hơn thế nữa, thơ Cao Tần còn có cái uất khí cao ngạo (mặc dù có lúc hoang mang, mệt mỏi), cái rung động đằm thắm trữ tình, cái phong vị thênh thang gió cuốn của chính cá tính người thơ. Bao trùm trên tất cả là cái đau đớn, cái xót xa, cái phẫn uất của một con người bị bứt ra khỏi quê hương. Sau khi dao động, nghiêng ngả, phẫn hận, thời gian sẽ cho người ta những cơ hội để đứng vững hơn mà nhìn về phía trước. Dù sao, ngay cả khi đã đứng vững chãi, đã qua khỏi những cơn dao động để có những hành vi quyết liệt với kẻ thù, ai cấm người ta có những lúc tự vỗ về mình, ai cấm người ta có những lúc nhớ về vườn xưa, quê cũ, về những ngõ thu phong một thuở quê nhà, về những con đường xanh um bóng lá những chiều gió nổi, về những cánh lá me bay bay như những hạt cốm thơm trong bầu trời bích ngọc ngày xưa, về những cơn mưa ở quê nhà vẫn còn đẫm ướt trí nhớ người ta những ngày lưu lạc... Những tình cảm ấy hết sức con người. Nó cho sự chiến đấu của ta một nhịp thư duỗi để có thể tiếp tục con đường đi tới. Trái tim con người không thể đập dồn mãi một nhịp trống trận. Con người không phải là một tập hợp những cơ động vô hồn của một người máy. Và ai dám chắc là những thương nhớ cần thiết kia không phải là một nhịp nghỉ để trái tim tiếp tục đập những nhịp đập cần thiết, những nhịp đập lên đường của nó.

Tôi cho rằng còn có những con người Việt Nam lưu thân ngoài xứ sở thì những tình cảm thiết tha, đằm thắm hoặc đau xót, nhớ thương đất nước, quê nhà kia còn sẽ tiếp tục được nuôi dưỡng. Dĩ nhiên, sự rung động, sự thương nhớ có thể dần dần đi theo những nhịp độ và những cường độ khác, những màu sắc khác, nhưng nó sẽ còn mãi và tạo ra sự đau nhức đẩy ta đứng dậy. Trong đất mềm ướt sương kia, tôi tin là đã ẩn chứa những mầm hạt lên đường, những mầm hạt làm bật lửa bình minh trên quê hương một ngày mai.

Trong khuynh hướng này, những bài viết đầu tiên trên đất Mỹ của Võ Phiến và Lê Tất Điều trên một số báo chí ngoài nước (Hồn Việt, Văn Nghệ Tiền Phong...), và sau đó được in thành sách, đã là những đóng góp hết sức đẹp đẽ. Những bài như *Một Mùa Xuân Yên Lành, Chiếc Chìa Khóa*... của Võ Phiến, hay bài *Nếu Bạn Gặp Một Người Dĩ Tản Buồn* của Lê Tất Điều, và một số bài khác cũng của tác giả này trong tập *Ly Hương* (in chung với Võ Phiến khoảng năm 1980),đã diễn tả một cách hết sức chân thực, và xót xa, và đầy nét nghệ thuật, cái tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước quay quắt, thắt lòng của

người tỵ nạn.

Võ Đình với tuyển tập *Xứ Sấm Sét* và Nguyễn Bá Trạc với tập *Ngọn Cỏ Bồng*, cũng diễn tả một nỗi nhớ nhà dằng dặc khôn khuây, đượm nét triết lý sâu sắc, với phong cách khác nhau của mỗi tác giả. Tác phẩm của những nhà văn này là những đóng góp đẹp cho dòng văn chương ngoài nước của chúng ta.

Tôi nghĩ tôi phải xin lỗi vì không thể kể hết tên những người viết của chúng ta trong khuynh hướng này. Danh sách quá dài khiến việc liệt kê có thể trở nên luộm thuộm. Dù sao, tôi muốn nói là, hầu hết, nếu không là tất cả những người cầm bút Việt Nam ngoài nước, trong một giai đoạn nào đó của quá khứ, hoặc/và trong những khía cạnh nào đó của hiện tại, đều mang "căn bệnh" nhớ nhà, nhớ nước bất trị này. Ở một cường độ mãnh liệt hơn để đi đến thái độ quyết liệt, thái độ lên đường, chiến đấu, căn bệnh này được anh em *Nhân Văn* (đặc biệt Phan Tấn Hải) gọi là "bệnh nước". Nhưng người ta không nhất thiết phải luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng để có thể bứt thoát, lên đường chiến đấu. Vả lại, sự lên đường, sự chiến đấu có thể mang nhiều nghĩa khác nhau. Mỗi người có một vị trí riêng, một hoàn cảnh riêng để nghĩ và làm những điều tốt đẹp cho đất nước. Tôi nghĩ nếu chúng ta không kéo những tình cảm thương nhớ này xuống mức độ sướt mướt, quỵ lụy, mệt mỏi, vô định hướng..., mà ta thể hiện chúng một cách sâu sắc, có cá tính và có nghệ thuật, khuynh hướng văn chương... tạm gọi là "hoài cảm, nhớ nhà" này có một giá trị riêng của nó trong ngọn triều chung của dòng văn học ngoài nước, khởi đi từ 30 tháng 4, 1975, ngoài quê nhà.

Văn chương *chiến đấu hoặc lên đường* là một dòng triều lớn có trong nó tiếng reo và sức bật của một cơn bão. Cơn bão này được nuôi từ 30 tháng 4, 1975 và được nâng dậy mãnh liệt vào thời khoảng 6,7 năm sau ngày mất nước. Và cứ thế, nó vẫn đang tiếp tục tạo những ngọn cuồng phong thổi về phía kẻ thù. Tại sao từ giai đoạn khoảng 1981-1982 trở đi, dòng văn chương chiến đấu lại trở nên càng ngày càng rõ nét, ghi nhận được sự đóng góp có giá trị của những tác phẩm đáng cho chúng ta chú ý? Vì đây là một dòng lớn, lưu lượng đầy, chất lượng rõ, nên, để phân tích và tìm hiểu những thể hiện đẹp đẽ của nó, cũng như để đóng góp ý kiến xây dựng về những mặt có thể còn bị giới hạn của dòng này, ta phải có một bài riêng đi vào những phân tích và đánh giá những tác phẩm cụ thể. Ở đây, trong giới hạn bài viết này, để trả lời câu hỏi nêu trên, ta có thể tạm chấp nhận với nhau rằng sau 6,7 năm bị tán lạc khỏi quê nhà với những dao động không thể tránh được của cuộc tán lạc đó, tâm tư con người Việt Nam ngoài nước đã bắt đầu ổn định, và những cặp mắt cũng như trái tim hướng về quê nhà kia đã bắt đầu loé lên những ánh lửa mới. Thái độ đối với kẻ thù trở nên rõ rệt và có định hướng hơn. Vũ khí được dùng

để phỏng về phía kẻ thù bắt đầu được mài cho sắc bén hơn nữa. Sự có mặt ngoài nước của những nhà văn Việt càng ngày càng đông. Sức xoáy về phía trước của quyết tâm và căm phẫn ta càng ngày càng nhọn. Những kinh nghiệm tủi nhục trong các nhà tù cải tạo hoặc những nỗi xót xa đau đớn - là kinh nghiệm sống của con người Việt mỗi ngày dưới chế độ cộng sản - đã bắt đầu được tích tụ lại. Những nỗi đau khổ, đọa đầy, phẫn hận, căm thù kia đã kết tụ dần lại như những viên ngọc trai cứ tiếp tục cứa mãi những vết sắc của chúng vào da thịt của một loài sò khốn khổ. Văn chương ngoài nước bắt đầu có những nét mới (trong dòng phát triển của nó) với những tác phẩm lên án một cách cay độc chế độ Cộng Sản Việt Nam của Nguyễn Ngọc Ngạn. Rồi sau đó là *Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo; *Đại Học Máu* tác phẩm lớn của Hà Thúc Sinh; *Đáy Địa Ngục* của Tạ Tỵ; một số chuyện ngắn của Lê Tâm; hồi ký *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy... Gần đây nhất, tiếp tục phát triển theo chiều hướng này, nhưng có trong nó một không khí mới đầy nét hoạt động, là *Thép Đen* của Đặng Chí Bình. Còn Thi Vũ trong *Gọi Thầm Giữa Paris,* với phong cách lãng mạn trữ tình đầy văn chương của một nghệ sĩ ở một bề mặt, với ngọn lửa chiến đấu bùng bốc cho nhân quyền, cho con người Việt Nam cháy sáng ở bề mặt bên kia, đã cho ta những cảm giác thiết tha yêu mến quê nhà, cùng lúc, làm dậy lên trong tim ta những tiếng nói quyết liệt đòi hỏi tự do cho con người. Thi Vũ chiến đấu quyết liệt và lại có cái phong vị của Quang Dũng-đêm-mơ-Hà Nội-dáng-Kiều-thơm ngày nào.

Cũng trong dòng văn chương chiến đấu nhưng lại pha trộn trong nó một số khuynh hướng khác, và đặc biệt với hình thức truyện ngắn (đôi khi tùy bút, tạp bút...) là những đóng góp đáng quí và nhọn sắc ở nhiều mặt của những Võ Hoàng, Tưởng Năng Tiến, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Đức Lập, Phan Tấn Hải, Võ Kỳ Điền, Lê Mỹ Hương, Diệu Tần, Nguyễn Tư... Gần đây, tác phẩm *Thằng Người Có Đuôi* của Thế Giang, một nhà văn sinh ra và trưởng thành tại miền Bắc, cảm nghiệm và sống cận kề với cái đời sống cụ thể cũng như với cái không khí tàn rữa đau thương của cả xã hội miền Bắc suốt hai mươi mấy năm dưới chế độ Cộng Sản, đã đem lại cho chúng ta những hình ảnh hết sức đau buồn của quê hương. Đó là một tác phẩm lên án chế độ một cách gay gắt, có tính đào xới tận gốc, được cất bằng một nét sắc mạnh và gọn lẻm, phô bày trung thực và rõ nét cái đời sống ngộp thở, bí bít, và đau thương của con người Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản.

Ngoài ra, gần đây nhất, tác phẩm *Dốc Nguyệt Trào Sông* của Nguyễn Từ Hanh lại cho độc giả thấy một nét mới của dòng văn chương chiến đấu. Nhìn chung, tài hoa, có kiến thức, có căn bản dân tộc, và biết kể chuyện, tác giả Nguyễn Từ Hanh đã trình bày được

nhiều tiếng nói và nhiều mảnh sống (trong quá khứ cũng như trong hiện tại) phản ánh những hình ảnh hào hùng, bất khuất của dân tộc và con người Việt. Cùng với các tác giả khác, Nguyễn Tử Hanh tiếp tục mở rộng cái viễn tượng tươi sáng của một ngày mai đất nước được quang phục lại theo dòng vận động tất yếu của lịch sử cùng với ý thức dân tộc của con người Việt.

Cùng khởi hành trong văn chương chiến đấu này với các tác giả khác là nhà văn kỳ cựu Nhật Tiến. Tuy nhiên, qua các truyện đã đăng trên báo và được thu tập lại để in thành sách, như các tác phẩm *Tiếng Kèn* và *Một Thời Đang Qua*, ta cũng thấy nhà văn Nhật Tiến nghiêng về khuynh hướng xã hội với những chủ đề rõ nét. Hơn ai hết, Nhật Tiến là một nhà văn yêu mến quan niệm "văn dĩ tải đạo". Ông cho rằng người cầm bút có một sứ mạng đáng quí và cao đẹp mà xã hội và đất nước trao phó cho, nhất là trong giai đoạn này. Bởi thế, người ấy phải làm rõ cái ý nghĩa đó trong tác phẩm của hắn ta. Viết là viết với một chủ đích nào đó. Ngày xưa là để cải tạo xã hội; bây giờ là để đòi lại đất nước, đòi lại dân tộc, đòi lại con người Việt. Nhật Tiến yêu mến cái bản chất cao đẹp của con người. Ông luôn tìm cách để nhận diện nó trong những tác phẩm hay trong những suy nghĩ của ông. Cái tâm và cái nhìn của Nhật Tiến trung thực và nhân hậu. Ông làm cho chúng ta yêu mến và muốn tin vào cái tính thiện của con người. Dù sao, sự tế nhị cần thiết và cung cách trình bày ý niệm nhân bản trong hoàn cảnh hiện tại của lịch sử Việt Nam, của hoàn cảnh sống của người Việt ngoài nước, khoảng cách thời gian cần thiết để cho những ý niệm này được trình bày một cách hợp lý..., là những lý do, tôi nghĩ, có thể tạo những khó khăn cho ông - thậm chí có thể khiến ông bị ngộ nhận - khi trình bày những suy nghĩ của mình.

Dòng văn chương *chiến đấu và lên đường*, nói chung, còn đang tiếp tục phát triển. Và cũng như dòng văn chương *hoài cảm, nhớ nhà*, tôi nghĩ rằng ngày nào còn người Việt lưu vong, ngày ấy ngọn lửa bùng nóng của dòng văn chương này, cơn bão nổi của dòng văn học ngoài nước này, sẽ còn tiếp tục hun đốt trái tim của mỗi một chúng ta, và sẽ còn gửi về quê nhà những tín hiệu báo trước ngày tàn của chế độ cộng sản cũng như sự quang phục đẹp đẽ của quê hương.

* Cùng với nỗi nhớ nhà, với tinh thần chiến đấu để mong tìm một ngày trở lại, con người Việt Nam trong bối cảnh đời sống mới - với những băn khoăn và suy nghĩ để tìm một thế sống mới, vừa có thể bảo tồn được văn hóa dân tộc, vừa có thể thích nghi để học hỏi, phát triển nhân cách, khả năng mình - đã đẩy ra một cửa ngõ cho một dòng văn chương phản ánh cái tâm trạng mình. Tôi tạm gọi dòng này bằng tên gọi *văn chương thích nghi*.

Thật sự, chữ nghĩa được tạm dùng để định tính các khuynh hướng trong bài này vẫn không nói được hết ý người viết. Gọi là

"thích nghi", nhưng bao trùm từ gốc đến ngọn của cái lượng nước khá tràn đầy làm rõ cái dòng văn chương này là một tâm tình thiết tha gắn bó, ôm ấp lấy quê nhà. Phải lăn vào đời mà sống, phải bồi bổ cho mình những kiến thức mới, những cách suy nghĩ nhìn ngắm mới để tự phát triển, sống còn, phải dứt lìa khỏi thân thể cái đau thương quẩn quại đã như một lớp áo dính sát vào cái mảnh đời sống đau buồn của quá khứ để, từ đó, còn sống lại, nhìn nhận định mệnh của cuộc đời, con người Việt Nam ở đây, trong tận bản chất, vẫn là con người của đất cát, sông núi, xương thịt quê hương.

Tưởng Năng Tiến, trong một số tùy bút với phong cách riêng của anh, đã mở lộ tâm tư mình theo chiều hướng này. Không những anh tự nói với chính mình, cho mình, mà anh còn chia sẻ những suy nghĩ khắc khoải của anh về đời sống mới với những người anh, người em, người chị, người chú, người bác khác mà anh từng quen biết hay không quen biết. Tiếng nói của Tưởng Năng Tiến bộc trực, nhiều khi nghịch ngợm, chua chát, nhưng giọng nói ấy luôn luôn chân thành và tha thiết. Những suy nghĩ của anh có thể là những mầm hạt tốt, luôn luôn chân thành tích cực cho những người đọc biết suy nghĩ và có tinh thần tiếp nhận phóng khoáng. Dù sao, cái thích nghi của Tưởng Năng Tiến, trên căn bản, vẫn là một cái thích nghi có tính cách giai đoạn, tạm thời. Anh chủ về chuyện lên đường, trở về hơn.

Trong khuynh hướng thích nghi - hiểu theo cách phân tích tôi thử đưa ra ở trên - tôi nghĩ rằng tôi đã nhìn thấy đa số những đóng góp của những nhà văn nữ, đặc biệt, những nhà văn nữ cầm bút sau 1975.

Tôi muốn giải thích hiện tượng này bằng cách cho rằng những nhà văn nữ của chúng ta là những người rất nhạy cảm trước cuộc sống. Những kinh nghiệm của họ cũng là những kinh nghiệm buốt sắc như kinh nghiệm của những người cầm bút nam phái, nhưng trong hoàn cảnh mới trên xứ người, nhìn theo căn bản xã hội học (và một phần nào tâm lý học), người nữ của chúng ta có nhiều cơ hội để đi vào đời sống, để cảm nghiệm đời sống hơn. Từ đó, họ có những phản ứng có thể nhanh lẹ và bén nhạy hơn người nam trên một số mặt tiếp cận của đời sống. Dòng văn chương thích nghi phản ánh những kinh nghiệm tiếp cận đó.

Trong dòng này, xét về các nhà văn nữ, tôi thấy nổi bật là Trần Diệu Hằng, dịu dàng, uyển chuyển với *Vũ Điệu Của Loài Công* và *Mưa Đất Lạ;* Lê Thị Huệ với những nét sâu sắc trong *Bụi Hồng;* Phan Thị Trọng Tuyến với *Mùa Hè, Một Nơi Khác* (thật sự, truyện của Phan Thị Trọng Tuyến rẽ ra nhiều khuynh hướng khác biệt, trong đó cũng có đậm nét của khuynh hướng "nhớ nhà"); Cao Bình Minh táo bạo và nghịch ngợm với một số truyện ngắn đăng rải rác trên một số báo (tác giả cũng có những biểu hiện "nhớ nhà" và "hội nhập") Vũ

Quỳnh Hương nổi bật với lối suy nghĩ cùng bút pháp điêu luyện, tài hoa trong *Vận Tốc Trung Bình* và *Miền Vĩnh Phúc;* Nguyễn Thị Ngọc Nhung trầm lặng trong *Đêm Rời Cũng Qua Đi;* Nguyễn Thị Hoàng Bắc dí dỏm với một số truyện ngắn xuất hiện trong khoảng hai năm qua; Trần Kim Lan nhân ái qua loạt truyện ký gần đây trên báo Văn Học với cố gắng đem những tâm tình Việt Mỹ và các giống dân khác lại gần nhau... Và đặc biệt, một người cũ, Túy Hồng, luôn luôn thông minh và tinh sắc, sau hơn một chục năm... cố thủ, từ chối nhìn vào đời sống Mỹ, đã đang tỏ vẻ "thích nghi" với truyện dài *Mưa Thầm Trên Bông Phấn,* đăng trên báo Phụ Nữ Ngày Nay.

Như thế, những người nữ của chúng ta đã đem vào văn chương cái dấu ấn đẹp đẽ của tinh thần uyển chuyển, tinh thần mở đón, chia sẻ và tiếp thu một cách thông minh những cái hay, cái mới để sống còn của dân tộc Việt. Cái tinh thần ấy, là gia sản đặc biệt của tiền nhân, của dân tộc, đã luôn luôn nuôi sống và nuôi lớn Việt Nam. Nó cũng thể hiện rõ cái đặc tính của con người Việt là cởi mở, hòa đồng, nhưng lúc nào cũng giữ lại được cho mình cái căn chất Việt. Tôi muốn cám ơn tất cả những nhà văn đã gìn giữ cái căn cước văn hóa ấy cho chúng ta.

* Cùng trên hướng thích nghi, nhưng được đẩy mạnh về phía trước để đi vào con đường hội nhập, ta thấy có một số người cầm bút trẻ, có những tư duy mới do căn bản đào tạo của họ trên đất Mỹ. Mặc dù chưa tạo được một phong cách rõ nét trong thưởng ngoạn của người đọc, những người viết này đang tìm cách thể hiện hướng đi của họ trong văn chương bằng một số những cố gắng làm mới trong hình thức cũng như trong suy nghĩ. Ta có thể kể đến Nguyễn Hiền Thảo, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Trúc Giang, Tạ Thái... và một số người cầm bút khác.

Hầu hết những người này ở vào giữa lứa tuổi 20,30, hoặc chính xác hơn, tuổi trung bình của họ là 25. Họ trưởng thành trên đất Mỹ. Có những người không những đã thu thập được những kiến thức căn bản từ các đại học Mỹ, mà do số tuổi còn trẻ của họ khi đặc chân lên nước Mỹ, họ còn được có những kinh nghiệm của trung học Mỹ nữa. Đây là nơi xây dựng và nhồi nắn những mẫu người để thích ứng vào xã hội này. Dù sao, tự tâm chất, khi cầm bút viết tiếng Việt, thể hiện tâm trạng và sự suy tư của mình, những tác giả này đã cho ta thấy ánh sáng Việt nơi con người họ. Trong nỗ lực tìm tòi, khám phá để tự xây dựng cho mình một căn bản để bước tới với hy vọng làm mới mẻ cuộc sống, có những khi một vài người trong nhóm họ có những phẫn nộ vô căn cứ. Những phẫn nộ này được thả nổi hoặc cho bay tự do trong không khí, hoặc đôi khi được định hướng để nhắm vào thế hệ đi trước. Có khi họ trở nên khó hiểu trong sự trình bày những tư tưởng

mà họ tin rằng mới, theo một cung cách mới. Có khi họ kể về những kinh nghiệm hiện hữu của họ, ở nhiều góc cạnh khác nhau, một cách hết sức hào hứng và nhiệt tình, nhưng những kinh nghiệm này - vì xa lạ với kinh nghiệm của những thế hệ đi trước họ - nên họ cũng chưa được những người trong thế hệ này chia sẻ một cách đúng mức. Có khi họ có hoàn cảnh để sống một đời sống sôi nổi hơn đời sống của đa số người Việt ngoài nước khác, gần gũi với đời sống và lối suy nghĩ của những người bản xứ, và họ trình bày lại cái hoàn cảnh sống qua những bài viết của họ; nhưng vì không có cơ hội để chia sẻ cái đời sống ấy, người đọc có thể chưa cảm thấy gần gũi được với những tác giả này.

Đó là những thiệt thòi cho những người cầm bút trong khuynh hướng hội nhập. Đó cũng là những kinh nghiệm quí báu của đời sống mà những tác giả này có thể lợi dụng để đi xa hơn nữa nếu họ coi thái độ cầm bút viết lách, dấn thân của mình như một chọn lựa văn chương hay một chọn lựa để sống Việt Nam.

Nhiều người có thể nhìn sáng tác của họ như những nhánh tách biệt chảy ra ngoài dòng văn chương ngoài nước - hiểu theo nghĩa là dòng văn chương Việt Nam, với những gắn bó mật thiết vào định mệnh dân tộc -, từ đó có thể có thái độ không chấp nhận và không muốn tìm hiểu về dòng văn chương này. Điều đó, tôi nghĩ là không nên. Bởi lẽ, thật sự, trong bố cục của truyện cũng như trong cách nhìn ngắm đời sống của một số người viết thuộc nhóm này, ta phải công nhận là có một số nét mới và đặc biệt.

Tôi nghĩ, văn chương Việt Nam ngoài nước, trong tương lai, sẽ được tiếp tục nuôi dưỡng từ những người trẻ, sống và lớn lên trong những môi trường bên ngoài quê hương. Những người này được trang bị với những kiến thức mới của những xã hội mà họ đang hoà mình vào. Cầm bút để viết chữ nghĩa quê nhà, để diễn tả sự suy tư của mình, họ cũng như tất cả những người cầm bút khác là muốn được chia sẻ. Đời sống là dòng vận động không ngừng. Trên dòng vận động đó, quê hương và định mệnh dân tộc không thể không là những lượng chất phù sa bồi bổ mãi vào ý thức của một nhà văn. Người cầm bút của chúng ta sẽ được vô thức tập thể của dân tộc dẫn lối. Tôi tin tưởng là những nhà văn của các thế hệ tiếp nối sẽ là những người xứng đáng, khai mở và làm sâu xiết hơn nữa cái dòng chảy sáng láng và không ngừng nghỉ của văn chương dân tộc.

* Nhánh thứ năm mà tôi muốn trình bày trong dòng văn chương ngoài nước chủ về sự *trình bày mẫu sống*, trình bày tâm trạng con người qua những khung xã hội hoặc lịch sử. Sự trình bày này có thể dẫn đến một thái độ triết lý về đời sống sau đó.

Trong nhóm này, tôi thấy có hai nhà văn tiêu biểu là Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn Mộng Giác. Cuốn sách *Người Đi Trên Mây*

của Nguyễn Xuân Hoàng muốn trình bày một cách khách quan một vài mẫu sống nổi bật của xã hội miền Nam Việt Nam trước 1975. Mẫu sống nổi bật của Nguyễn Xuân Hoàng là nhân vật Thăng trong *Người Đi Trên Mây*. Mẫu sống này được một số người nhìn như một *kẻ xa lạ* trí thức trong xã hội miền Nam trước đây. Tạo được một mẫu nhân vật có vóng dáng, có đường nét, có xương thịt, bằng ngôn ngữ sắc gọn và có phong cách, chính là sự thành công của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng với tác phẩm này. Dù sao, *Người Đi Trên Mây* (mặc dù được viết lại ngoài nước), trên căn bản, vẫn là một tác phẩm cũ của ông. Nó được viết lại từ cuốn *Kẻ Tà Đạo* của tác giả xuất bản trước 1975. Nguyễn Xuân Hoàng, trong tương lai, sẽ cho ra mắt những tác phẩm mới. Và như thế, ta có thể nhìn rõ xem thật sự ông có ở trong khuynh hướng thứ năm này hay không.

Tác giả chính dòng văn chương trình bày những mẫu sống này là Nguyễn Mộng Giác. Ông là một trường hợp tạo khó khăn cho người viết bài này. Sau khi vượt thoát khỏi Việt Nam vào năm 1981, định cư tại Mỹ từ năm 1982, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã cho xuất bản hai tập truyện ngắn (*Ngựa Nản Chân Bon* và *Xuôi Dòng)* và ba trong một bộ dự định năm tập trường thiên tiểu thuyết lấy tên chung là *Mùa Biển Động*. Ba tập đã ra là *Những Đợt Sóng Ngầm, Bão Nổi,* và *Mùa Biển Động*. Tập thứ tư dự định sẽ ra vào tháng 7 năm nay. Tập cuối nếu không có gì trở ngại, được dự trù xuất bản vào năm tới. Ngoài ra, Nguyễn Mộng Giác thỉnh thoảng cũng viết một vài lá thư gửi cho một người viết văn trẻ, một người làm thơ trẻ..., qua đó, ông trình bày quan niệm viết văn và thái độ tham dự vào văn chương của mình.

Tập đầu của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* đã tạo ra sôi nổi trong dư luận sau khi nó được xuất bản vào năm 1984. Dư luận sôi nổi vì có những bài viết đã thử "giải thích" cách nhìn lịch sử của tác giả. Dư luận sôi nổi vì cách chọn lựa cũng như trình bày những dữ kiện lịch sử của ông. Họ cho là cách chọn lựa trình bày ấy không được khách quan. Có những người dè dặt hơn, cho là sự chọn lựa và trình bày không được cân bằng. Mọi người có vẻ không để ý rằng đây mới là tập thứ nhất trong bộ sách gồm 4,5 quyển trong dự định khởi đầu của tác giả. Dù sao, phản ứng của người đọc chứng tỏ rằng nhà văn được sự theo dõi của quần chúng. Tác giả Nguyễn Mộng Giác, sau đó, trong *Bão Nổi,* tập thứ hai của bộ trường thiên tiểu thuyết, đã yêu cầu người đọc không nên xem tác phẩm *Mùa Biển Động* của ông như một bộ tiểu thuyết lịch sử. Nhận rằng mình có mô phỏng một số mẫu sống, một số nhân vật, một số dữ kiện lịch sử có thật, tác giả vẫn nghĩ là tác phẩm của ông chỉ là một sản phẩm của tưởng tượng. Cuối cùng của lời thưa cùng độc giả, ông đặt câu hỏi đâu là sự thật của lịch sử và đâu là sự thật của tiểu thuyết.

Khi một bộ tiểu thuyết đang trong giai đoạn được hình thành,

được đăng lên báo hoặc được xuất bản thành từng tập tiếp nối, nếu có thiện chí, độc giả có thể góp ý với tác giả về một số vấn đề liên hệ đến hướng tới của tác phẩm, đến cách chọn những dữ kiện lịch sử, những dữ kiện xã hội, những mẫu sống, thậm chí đến cung cách hành xử, nói năng của những nhân vật của ông. Điều đó tốt cho một tác giả, dù quyền quyết định việc xây dựng tác phẩm mình như thế nào vẫn luôn là quyền của nhà văn đối diện với lương tâm mình. Nhưng, trở lại với Nguyễn Mộng Giác và *Mùa Biển Động* , để phân tích cặn kẽ và để đánh giá một cách đúng đắn và nghiêm chỉnh bộ tiểu thuyết này, có lẽ ta nên chờ đến khi tác giả viết xong dòng cuối của quyển sách. Những góp ý trong giai đoạn bộ sách đang được hình thành rất nên có, nhưng thiển nghĩ, chưa nên là những phê phán chung quyết vội vã. Những góp ý của độc giả, ở một số góc cạnh nào đó, luôn là những điểm tốt, nếu có giá trị sẽ rất có lợi cho một nhà văn.

Sở dĩ tôi phải nói hơi kỹ (so với phạm vi của bài viết này) về bộ *Mùa Biển Động* là vì, đối với tôi, bộ trường thiên tiểu thuyết này, cùng với những đóng góp khác của Nguyễn Mộng Giác trong dòng văn chương ngoài nước, đã khiến tôi nhìn nhà văn này như một người đang đi vào một nhánh, tự bản chất, có nhiều yếu tố không giống với những gì tôi nhìn thấy nơi những nhánh khác. Đặt một tác giả duy nhất (dù chỉ vào giai đoạn hiện tại đi nữa) vào một nhánh riêng quả là một điều tôi thấy không ổn lắm cho sự sắp xếp của mình. Dù sao, trước hết vì những yếu tố có tính cách thuộc về bản chất mà tôi vừa trình bày, và vì đây là một nhà văn làm việc đều đặn, có kỷ luật, có khả năng sáng tạo và đóng góp nhiều hơn nữa trong tương lai, vì ảnh hưởng của ông trong một phạm vi văn học, văn chương nào đó trong hiện tại, và đặc biệt, vì một số suy nghĩ của ông - được phản ánh qua những gì ông viết - có thể tạo sự chú ý người đọc, tôi nghĩ, tôi vẫn muốn đặt ông vào một nhánh riêng để khảo sát.

Với tôi, Nguyễn Mộng Giác không ở trong khuynh hướng chiến đấu. Nếu có, những biểu hiện thuộc về khuynh hướng ấy rất mờ nhạt. Có thể ông cũng có những lúc nhớ nhà, nhưng nỗi nhớ nhà của ông không phải là điểm nổi bật qua tác phẩm. Ông cũng không "thích nghi" lắm với đời sống này. Và dĩ nhiên, ông từ chối hội nhập theo cái nghĩa căn bản của nó. Có thể đối với một số người, ông gần gũi với cái khuynh hướng "vị nghệ thuật" (qua một số suy nghĩ của ông chứ không nhất thiết phải qua tác phẩm), nhưng chính Nguyễn Mộng Giác, qua một vài lá thư gửi người bạn trẻ, đã cho rằng vấn đề tranh cải giữa "nghệ thuật vị nghệ thuật" và "nghệ thuật vị nhân sinh" chỉ là một giả-vấn-đề. Cũng như trong những lá thư này, ông thổ lộ ông không coi nhà văn là một người có một sứ mạng nào cả (nếu hiểu sứ mạng theo cách nhìn quy ước, có tính chất cao cả). Sứ mạng, theo cách nhìn của Nguyễn Mộng Giác, có lẽ chỉ là một chiếc "vòng kim cô"

chụp trên đầu nhà văn, khiến hắn không còn tự do suy tưởng và viết lách. Ông quan niệm nhà văn như một con tằm. Và kiếp con tằm là phải nhả tơ. Chúng ta sẽ không phân tích và không bàn về giá trị của cách nhìn này ở đây. Ở một bài khác, ở một tư thế khác để phân tích vấn đề, người viết bài này hoặc một tác giả nào khác, nếu cần, sẽ trở lại vấn đề này sau.

Từ những suy nghĩ đó của Nguyễn Mộng Giác, soi chiếu vào văn chương ông, tôi thấy ông có vẻ là con người chỉ muốn đưa ra những mẫu sống. Những mẫu sống khác biệt. Và ông tỏ vẻ muốn được khách quan trong việc trình bày những mẫu sống khác biệt đó. Chẳng hạn, trong truyện vừa (novelite) *Ngựa Nản Chân Bon*, Nguyễn Mộng Giác đã cho những nhân vật của ông thể hiện một số mẫu sống khác biệt quanh một trục qui chiếu là ý-nghĩa-sống-của-đời- người. Ông đã chọn một số nhân vật của ông để cho họ sống những mẫu sống đó. Ông lại chọn một số nhân vật khác và cho họ tranh cãi, lý luận về thế sống của những nhân vật kia. Cũng thế, những nhân vật trong một số truyện ngắn khác, cũng như những nhân vật trong *Mùa Biển Động*, có vẻ như đã chỉ thể hiện một số mẫu sống mà ông muốn trình bày một cách khách quan với độc giả. Ông có vẻ chỉ muốn làm công việc đưa ra những mẫu sống, và sau đó, để cho độc giả tự do suy nghĩ về những mẫu sống này. Từ thái độ đó, truyện của ông nghiêng hẳn về mặt lý trí, lý luận, có những khi làm bật ra trong đầu óc người đọc một số câu hỏi có tính cách triết lý. Đó cũng là một đặc điểm của Nguyễn Mộng Giác.

Truyện của Nguyễn Mộng Giác dần dần hé mở cho ta thấy ông là một nhà văn bi quan. Dù sao, lạc quan hay bi quan không nằm trong phạm trù giá trị (của văn chương). Võ Phiến cũng bi quan; Flaubert cũng bi quan. Việc tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác chỉ nghiêng về mặt xã hội, trình bày những mẫu sống, hay còn có tính lịch sử hoặc triết lý, và những đánh giá về những phương diện đó trong tác phẩm của ông, chưa phải là mục tiêu của phần khảo sát này. Ở đây tôi chỉ muốn nói rằng: Nguyễn Mộng Giác, theo tôi, như đang muốn mở ra một nhánh mới trong dòng văn chương ngoài nước. Điều mà ông phải chọn lựa, và bất cứ nhà văn nào cũng phải chọn lựa (và sự chọn lựa này không thuộc phạm trù giá trị văn chương, nhưng lại gắn bó mật thiết đến những phạm trù khác liên hệ đến đời sống, bản chất, và lương tâm của một nhà văn), tôi nghĩ, là cái vĩnh cửu của văn chương hay cái vĩnh cửu của đời sống (nếu ý niệm vĩnh cửu này được áp dụng cho những phạm trù văn chương và đời sống) cái chủ quan hay cái khách quan của một nhà văn, và cái "nhân sinh" hay cái "nghệ thuật" trong cái "giả-vấn-đề" muôn đời kia. Sự chọn lọc ấy xác định tư thế viết của một nhà văn, làm trong sáng lương tâm của ông ta (nếu sự chọn lựa ấy chân thành dù cho nó có là một sự chọn lựa gì đi nữa). Và,

tôi nghĩ thêm rằng, một người cầm bút *có tự do,* một khi xác định rõ tư thế viết của mình và dám tin tưởng, dám sống cho sự xác định ấy, đáng được gọi là một *nhà văn* theo nghĩa cao đẹp nhất của nó.

* Nhánh cuối cùng của dòng văn chương ngoài nước tôi muốn gọi tên là nhánh *duy cảm, duy nhiên,* đôi khi nhuốm màu sắc triết lý, nghiêng nặng về mặt "nghệ thuật vị nghệ thuật". Nhóm này gồm có một số tác giả tiêu biểu như Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Mai Kim Ngọc...

Hồ Trường An và Kiệt Tấn có một số điểm gần gũi với nhau trong sắc thái viết về miền Nam, một miền Nam Việt Nam của những thập niên 50,60 mộc mạc, chơn chất, và láng lẩy , xanh tươi. Tuy bút pháp có khác, những kỷ niệm chọn lọc có khác, cái nhìn trực diện về một miền Nam "miệt vườn" của hai tác giả này đều làm oà vỡ một cách sống động và rạo rực trong ta những tình cảm thiết tha với ruộng, với đất, với cảnh, với người quê hương. Cái sống động và rạo rực của một dòng sông căng trào sức sống những đêm nguyệt tận.Cái sống động và rạo rực của một bờ trăng non láng lẩy run run trên một dòng thơm hay run run trên một tàu lá mướt. Và cái sống động và rạo rực của những thanh xuân dù đã xa tắp một thời.

Quê hương miền Nam trong dòng duy nhiên, duy cảm của Hồ Trường An và Kiệt Tấn giống như một dòng nước no phỉ mà người đọc không bao giờ chán để đắm mình vào. Dù đôi khi có những tiếng đạn bom lạc vào thôn xóm, lạc vào đời sống người dân, lạc vào trí nhớ của các tác giả, quê hương miền Nam trong các tác phẩm của hai nhà văn này vẫn như một bà mẹ hiền đem bầu sữa ngọt nuôi con và nhìn con khôn lớn. Kể từ Lê Xuyên, An Khê của những thập niên 60 đến giờ, qua Hồ Trường An và Kiệt Tấn, tôi mới tìm lại được cái không khí ngồn ngộn sức sống của miền Nam kia trong văn chương Việt. Quê hương lại trở nên hết sức đằm thắm và gần gũi.

Truyện của Hồ Trường An (*Lớp Sóng Phế Hưng, Nửa Chợ Nửa Quê, Phấn Bướm, Đêm Chong Đèn...)* để lộ rõ cái tính duy cảm, duy nhiên trong chúng, mặc dù phần khác cũng cho thấy những nét biểu hiện của khuynh hướng xã hội. *Phấn Bướm (*mặc dù chưa hẳn là tác phẩm tiêu biểu của Hồ Trường An) đã cho thấy màu sắc duy nhiên và duy cảm này được thể hiện một cách rõ nét nhất. Theo tôi, những đoạn tả tình, nhất là tả cảnh , đẹp nhất của Hồ Trường An có thể được tìm thấy trong tác phẩm này. Những rung động chớm nở của một đóa hoa hay của một thiếu nữ dậy thì trước một giọt sương trong hay một dòng trăng dãi được mô tả rất tinh tế trong văn chương ông. Những rung động tế vi thuộc về chiều hướng đó và sự mô tả tỉ mỉ, khéo léo những chi tiết của sự vật là đặc điểm của nhà văn này. Ở tập truyện ngắn *Hợp Lưu,* Hồ Trường An có khá nghiêng về khuynh hướng thích nghi, hơn nữa, còn trườn lướt qua khuynh hướng hội nhập.

Nhưng chủ yếu trong phong cách mô tả và trong bản chất, tác giả vẫn luôn luôn rất trung thành với khuynh hướng duy cảm, duy nhiên của mình.

Kiệt Tấn, trong tập truyện *Nụ Cười Tre Trúc*, đã cho thấy tính cách đa dạng và tài hoa trong đời sống và trong văn phong của ông. Hòa mình vào thiên nhiên đến tận cùng, tự bỏ lạc mình trong cảm giác đến tận gốc, Kiệt Tấn xóa bỏ một loạt những "ngăn cấm" trong cái gọi là luân lý, đạo đức cũ của văn chương Việt. Ông trình bày một cách tự do và đầy nhiệt tình, nhiệt hứng những cảm giác của một chàng trai mới lớn trước đời sống (tình dục) và thiên nhiên. Đối với Kiệt Tấn, những kinh nghiệm trong đời sống của ông - trong sáng, thơ ngây, đắm đuối, dật lạc, hồn nhiên, mê muội...-, ở những góc cạnh sâu thẳm và thân thiết nhất đều được khai mở và cho bùng vỡ. Chữ nghĩa của nhà văn này như hơi thở nối liền đời sống bên ngoài và bên trong con người ông. Từ hơi thở này, ông nhìn ra cái lý của cuộc sống. Kiệt Tấn sống thật, viết thật, và tự do để độc giả phán xét về đời sống mình.

Dù sống tận cùng với cảm giác và thiên nhiên như thế, Hồ Trường An và Kiệt Tấn cùng có những lúc sống với lý trí. Triết lý Phật giáo được trình bày khi thì bàng bạc, lúc lại rõ nét trong một số truyện ngắn của họ.

Mai Kim Ngọc được xếp vào khuynh hướng này vì những nét có tính chất nghệ thuật thuần túy trong tác phẩm *Một Chút Riêng Tư* của ông. Tác giả xa quê hương đã lâu, và thời thế đã đặt ông vào một hoàn cảnh sống tương đối khá khác biệt với những người cầm bút Việt Nam khác. Truyện của ông phản ánh một phần lớn đời sống và cái tâm thức ấy. Những mảnh đời sống Việt hay Mỹ (ở tầng lớp trung lưu cao cấp của xã hội) được mô tả lại rất trí thức nhưng không kiểu cách, trái lại, hết sức tinh tế, sâu thẳm, và có nhiều nét thật. Qua Mai Kim Ngọc, và qua nghệ thuật kể chuyện của ông (cổ điển một cách tinh vi, như nghệ thuật của A.J Cronin), ông cho người đọc hiểu rõ hơn về một lớp người, về tâm hồn họ, sự nhạy cảm, tế nhị và sâu sắc của họ trước đời sống. Nghệ thuật của ông làm ta yêu mến tất cả những nhân vật mà ông chọn lựa để trình bày trước độc giả.

Tôi đã trình bày bằng cách sắp xếp theo ý riêng của mình, sự phân nhánh của dòng văn chương Việt ngoài nước mười ba năm qua. Sự sắp xếp ấy, hy vọng, phần nào cho người đọc thấy được tính chất vận động của dòng văn chương ta ngoài nước. Có thể có những cách phân chia khác có những điểm hợp lý của chúng. Mỗi cách phân chia đều có thể soi chiếu những nguồn sáng cần thiết vào dòng văn chương ngoài nước, giúp ta nhận rõ diện mạo của nó.

Tất cả những gì tôi đã cố gắng trình bày đều chủ vào phần *văn* (ngoài trường hợp thơ Cao Tần). Nhưng chúng ta ai cũng biết dân

tộc Việt Nam là một dân tộc yêu thơ. Ở một cách nhìn nào đó, mỗi người Việt Nam là một nhà thơ. Sự có mặt của dòng thi ca ngoài nước, trong hoàn cảnh lịch sử của người Việt từ 1975 đến nay, bởi thế, là sự có mặt có tính cách tất yếu.

Không những có mặt, dòng thi ca Việt ngoài nước càng ngày càng phát triển. Dòng thơ này đã cho chúng ta nhìn thấy những tài năng nổi bật với một số những khuynh hướng riêng giống như bên văn. Dù sao, thơ chủ ở tình, thơ chủ ở chỗ nói lên cái tiếng nói chủ quan, cái rung động ở ngôi thứ nhất, cái nhìn phóng vào ngoại giới hay soi chiếu vào nội tâm của chính người thơ, bởi thế, tổ chức ngôn ngữ thơ, nhìn ở một góc cạnh giản dị và sơ lược nhất, tương đối không đến nỗi quá sức phức tạp như tổ chức ngôn ngữ của một truyện ngắn, một truyện vừa, một truyện dài, hay một... trường thiên tiểu thuyết.

Nói như vậy không có nghĩa là xếp thơ xuống hàng thứ yếu và xem sự đóng góp của thơ trong dòng văn chương ngoài nước là không có những sắc thái đặc biệt. Trái lại, chính vì dòng thơ Việt Nam từ 1975 đến nay đã cho thấy những nét biến đổi sâu xa trong tâm thức người Việt ngoài nước, nó cần phải được tìm hiểu, khảo sát cặn kẽ hơn trong những công trình nghiên cứu riêng. Giới hạn của bài viết này không cho phép tôi làm việc đó. Dù sao, hiện tại, người viết bài này được biết là có ít nhất là ba hoặc bốn tác giả, với những cố gắng riêng biệt, đang thực hiện những công trình nghiên cứu cần thiết này. Cố gắng của họ, khi hoàn tất, sẽ cho ta thấy rõ hơn bộ mặt của dòng thi ca Việt Nam ngoài nước, với tất cả những sắc thái đặc thù của nó.

Song song với sự phát triển của dòng văn chương Việt ngoài nước ở rất nhiều mặt mà bài viết này không thể nào trình bày được hết, song song với sự đóng góp của nhiều tác giả ở các bộ môn văn chương khác nhau mà bài viết ngắn này chắc chắn không thể trình bày đủ, một dòng văn học nghiên cứu, phân tích, lý luận, phê bình đã và đang phát triển ở một mức độ khá tốt đẹp.

Nếu thực hiện được đúng chức năng cần thiết và đa dạng của nó, *dòng văn học nghiên cứu phê bình này không là phó sảncủa dòng văn chương ngoài nước*. Có những lúc nó đi sau để soi rọi, phản ánh dòng văn chương. Có những lúc nó đi bên cạnh để kích thích, tác động. Có những lúc nó phải đi lên trước để hướng dẫn, khơi mở. Công tác nghiên cứu phê bình đòi hỏi nhiều hy sinh và hùng tâm nơi những người nhập cuộc. Với hoàn cảnh xã hội hiện tại tại Hoa Kỳ hay tại bất cứ một quốc gia nào khác mà người làm công việc văn hóa này có mặt, áp lực của đời sống xã hội, của cuộc mưu sinh luôn đè nặng trên cuộc sinh hoạt (hoặc sinh tồn) của những người này. Công việc lại đòi hỏi nơi họ nhiều suy nghĩ, đòi hỏi sự theo dõi đều đặn lưu lượng, sức chảy và hướng tới của dòng văn chương ngoài nước. Công việc đòi hỏi

một sự nhận diện nhanh lẹ những hiện tượng, đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, lý luận và một lòng yêu tha thiết văn chương, chữ nghĩa Việt trong một cuộc sống mà chữ nghĩa, văn chương ấy, nhìn ở một góc cạnh tâm linh, có thể giúp họ sinh tồn, nhưng nhìn vào cuộc sống thực tế gấp rút và hối hả này, không (hoặc khó) thể giúp họ có một đời sống như ý muốn. Hoàn cảnh "vô chính phủ" của nền văn chương bên ngoài đất nước lại đòi hỏi ở họ, ngoài sự tế nhị đôi lúc nên có, sự hùng tâm cần thiết để theo đuổi công việc, mặc cho những ngộ nhận (có thể đến ngay từ những người bạn), không hiểu, và có khi cả lòng thù ghét và sự chụp mũ nữa. Bất cứ người nào làm công việc này một cách nghiêm chỉnh và có lương tâm đều *có thể* kinh nghiệm những điều ấy. Tôi nghĩ, đó là những kinh nghiệm không có gì phấn khởi, nhưng, có thể, cũng rất cần thiết để những người làm công tác văn nghệ này nuôi và giữ lửa.

Một nền văn chương thiếu sự phản ánh, theo dõi, lý luận, phân tích, phê bình, nghiên cứu, là một nền văn chương chết. Một dòng văn học nghiên cứu, phân tích, phê bình mà không làm rõ được diện mạo của cái dòng văn chương mà nó đang soi chiếu là một dòng văn học không còn sức sống. Nó chỉ còn là một tấm gương mờ, loang lổ.

Với những người làm công tác lý luận, nghiên cứu, phê bình một cách khá đều đặn và có những nét nghiêm chỉnh mà chúng ta được biết, tôi tin rằng dòng văn chương Việt ngoài nước, sau mười ba năm với sự có mặt và phát triển đa dạng của nó, sẽ còn tiếp tục cuộn chảy mãnh liệt. Dù ở bất cứ khuynh hướng nào, tôi nghĩ rằng trái tim của dòng văn chương kia là quê nhà. Trái tim ấy vẫn đập, vẫn bóp, vẫn chảy đầy một dòng máu đỏ. Tôi nghĩ rằng, văn chương ngoài nước, người viết ngoài nước (dù là sống và viết ở bất cứ một tư thế, một hoàn cảnh nào), bao giờ còn bắt được nhịp đập của trái tim quê hương, lúc ấy dòng văn chương ấy cũng như những con người sáng tạo ra nó còn gắn bó với dân tộc. Sự gắn bó này làm cho chúng ta lớn lên cùng với nhịp lớn của quê hương. Càng trải qua đau khổ, dân tộc và con người càng lớn, càng sáng.

Tôi mong và tin rằng dòng văn chương ngoài nước sẽ còn tiếp tục làm lớn, làm sáng mãi dân tộc và con người Việt.

Bùi Vĩnh Phúc
Calif, tháng VI, 1988.

Hạ Quốc Huy

Gọi Đời Trên Dâu Bể

tặng Lê Thanh Hương
và con chim sẻ nâu

Bớ gã lãng tử hãy dừng chân lại
Đời có gì vui mà mãi lang thang
Có gì đâu mà hồn phách cứ tan hoang
Khi bếp lửa. Cơm chiều. Tro than lạnh ngắt

Này em, này con, này cuộc đời hiu hắt
Này nhân tình, nhân ngãi gọi lao xao
Ông chân xiêu chân vẹo vẫy tay chào
Xin bái biệt, trả cho đời ân sâu muôn ngả

Này bạn bè, này sông này hồ chí cả
Này yên cương , này áo gió lộng gió đường xa
Ông lãng đãng thiên nhai quang hồ chi khách
Bấm đốt tay ngời tính số oan gia

Trăm con nước vạn con thuyền lao đao sóng vỗ
Đâu phải mình ông mà kêu đời là bể khổ,
tình là dây oan

Này sông hỡi, này quán xá nhi nhô
Này con chim se sẻ bên vó ngựa hồ
Cạn thêm chung nữa rồi nhìn mưa ngâu đổ lệ

Trời tháng chạp cỏ ngàn sao ngân kể lể
Chuyện khách tang bồng quỵ giữa mưa khuya
Nắng tháng giêng gió lùa khe sổ
Đầu đập vào tường, tường dội một dãy than ôi

Rượu đã hâm nầy đây nóng hổi
Cạn đi rồi cho chắc dạ trung trinh
Cạn đi rồi theo thác xuống ghềnh
Xem vật đổi sao đời sa thân chiến bại

Nầy đau thương hãy dừng chân lại
Ta không cần sao cứ đuổi theo ta
Nầy đau thương đừng xô ta ngã
Xô làm gì khi quỵ xuống ta chẳng có vùng lên

Tháng 4, 1988.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
The University Library
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Trăng biển

Trong gió biển lồng lộng, bài ca kẹo kéo kéo dài vô vọng và vang vọng từ xa tới:

"Kẹo kéo....
kéo càng dài, nhai càng ngọt
ngọt đường cát, mát đường phèn
kẹo kéo... đ-â-y"

Tôi bỏ nước leo lên bờ lục túi áo lấy tiền rồi phóng chạy nhào tới ông kẹo kéo. Chạy thế nào, lại bay bổ vào một người đàn ông, một trang thanh niên thì đúng hơn, chắc cũng khoảng vào tuổi tôi. Chắc chàng ta cũng vừa từ dưới nước ngoi lên, mình mẩy tóc tai còn ướt đẫm, những vệt tóc quệt từng chùm rũ rượi trước trán trông rất ngộ.

Anh chàng cười:

— Bộ cũng hâm mộ kẹo kéo hả?

Tôi ngượng quá, chỉ gục gặc, cười không nổi, nói xin lỗi càng không xong. Đàn bà con gái mà ham ăn, xấu lắm. Lại vụt chạy đâm nhào vào mình người ta!

Vì tới trước nên ông bán kẹo gói bán cho chàng trước, nhưng chàng còn đứng nán lại chờ tôi.

— Bơi cừ lắm đó nha!

Anh chàng muốn nói ai? Định khen mình bơi cừ hay khen ai, sao lại nói trống không vậy? Nếu không lỡ đâm sầm vào người anh chàng lúc nãy thì tôi đã ngúyt dài một cái cho thủng da nhức xương vì cái lối nói trống không đó.

Bất ngờ chàng nói:

— Để tôi trả tiền luôn!

Rồi lanh lẹ xòe tiền vào tay ông bán kẹo.

Nắng trên biển dữ dội chói chang, nhưng mà trời lại rất trong rất mát. Hè nào về đây tôi cũng say mê bơi lội trong cái chói chang nóng rát của nắng và bù lại là cái mát rượi chan hòa của nước và cái trong trẻo ngất trời bơi mãi không biết mệt. Tôi nheo mắt vì nắng, dụi mắt vì

một giọt nước mặn từ tóc khi không rớt vô mắt cay xè, vuốt tóc cho tóc khỏi bện từng cọng leo queo bên má...

Mạnh ai đi về chỗ nấy, nhưng từ lúc đó trở đi, tôi vẫn còn ngượng thẹn lắm, không hề dám quay mặt về phía anh chàng kia ngồi.

Gặm kẹo kéo lúc này thấy như gặm đất cục! Thích thú của tôi và mấy đứa bạn: hụp xuống nước lặn sâu, hớp nước mặn cho mặn chắng cái lưỡi, lát nữa buổi điểm tâm kẹo kéo sẽ ngọt tận... trời! Ôi những miếng kẹo trắng ngần bay mùi va-ni ngọt lịm tan trong miệng mặn hòa với hột nhân đậu phụng thơm lừng! Ai có tắm biển ăn kẹo kéo mới biết được cái thú mặn-mà ngào-ngọt độc nhất thú vị này!

Không dám ngoái cổ nghinh ngang nhìn ngó thản nhiên giữa trời cao biển rộng như mọi lần, lại bỗng nhiên cảm thấy bực bội vì phải bận tâm quá đáng đến cái anh chàng phá đám kia, mặc dù đã mệt và đói, tôi thảy miếng kẹo còn lại cho đứa bạn rồi nhảy ùm xuống nước trầm mình lội thẳng ra xa.

Dũng bám theo tôi liền (dĩ nhiên sau này khi đã quen nhau rồi tôi mới biết tên).

Đang chạy xe về nhà, tôi tức cười một mình khi nhớ lại cái cảnh ban nãy: Ai đời anh chàng chắc là đi mua bàn ghế cho gia đình, tròng cái bàn vô cổ mình, tay mặt ôm tấm kiếng nắp bàn, tay trái lái xe, sau đít xe thì chồng chất cột chùm hai, ba cái ghế. Xe Suzuki chở nặng nên chạy chậm ì ì như rùa, tôi phóng xe đạp theo, réo:

— Ê, *kẹo kéo!*

Dũng đang lái xe vẫn nhìn thẳng ra trước mặt, tỉnh queo đáp:

— Thấy rồi

Vẫn kiểu nói trống không khó chịu! Thấy cái gì? Thấy ai?

Dũng liếc qua, hất hàm:

— Đi đâu đó?

Rồi ngẫm nghĩa, chợt thấy chồng sách vở cao nghệu sau lưng tôi thì giật mình:

— Uả, bộ sắp vô học lại rồi hả?

Tôi nhìn vô mắt Dũng, cố tìm một tia mắt lạ. Thí dụ một chút thoáng buồn chẳng hạn. Nhưng không có. Dũng đang đeo kính đen.

Chỉ nghe có tôi thở dài nhè nhẹ

Tôi bận lo học, lo thi, đấu láo với bạn trai, dạo phố với bạn gái, nhưng thỉnh thoảng cũng nhớ về biển. Suốt trong một năm học xa nhà, tôi có nhận được một thư ngắn của Dũng viết cho tôi, nhưng biết tin tức của Dũng nhiều thì qua thư từ của má, của em gái:

"Thằng Dũng cũng có lên chơi, nó hỏi thăm con có khỏe không, má nói con mắc học thi. Nó nhắc con hè này về ăn xoài cát, nhà chị dâu nó ở Ninh hòa, chỗ đó là xoài cát có tiếng.."

"Anh Dũng cũng thích tới chơi nhà mình lắm. Ảnh còn hẹn bữa

nào ảnh dắt em đi xi-nê nữa. Nhưng mà ảnh hay nói xạo, em không tin..."

"... hôm qua lúc đi học về, em bắt được anh Dũng đi với một cô nào, hai người đi bộ tà tà quẹo vô chỗ thương xá coi bộ tình ác! Chiều thứ bảy, trời mùa đông mà Nha Trang mình ấm lắm, thiên hạ dợt phố để khoe áo len... mỏng lét đó, chị Hai à."

Con nhỏ này thơ từ gì lộn xộn, lủng củng quá như cái thùng rác công cộng. Gần tới hè, lòng tôi lại rộn ràng nôn nao với thành phố biển

Cái hôm tôi gặp Dũng chở lổng chổng một đống bàn ghế là mua về cho chị dâu. Dũng có một bà chị dâu ác ôn, Dũng mở vòng tay lớn:"Mập vầy nè, bự vầy nè, nhưng mà bả dễ thương lắm". Dũng không còn ba má, ở với anh chị từ nhỏ. Coi bộ anh chàng trẻ trung khỏe mạnh, bắp thịt này nhất định là có tập tạ, những giọt nước mặn trong bám lấp lánh trên cánh tay nâu của chàng khiến tôi mỗi khi nghĩ tới biển lại thấy lòng êm ả.

Mùa hè trên biển sắp hứa hẹn với tôi mọi điều... Nhưng khoan đã, những bài thi hóc búa, những giờ gạo bài mệt rã thiếu điều muốn ngủ gục trong thư viện... Lại bàn tán về đề thi, than thở một vụ "trật tủ" hay gặp một thằng cha "hàng xóm" bết quá, không nhắc được gì:

— Trời, tao gặp một tên ích kỷ quá mạng. Ngồi kế bên mà mình hỏi ... một chữ, cạy họng nó cũng không nói. Đồ á khẩu!

— Còn đỡ hơn tao, ngồi gần cái anh già thí sinh tự do. Mới đặt cái cặp xuống, ổng đã than: mấy cô còn nhỏ đi học có thì giờ học nhiều, tụi tui đi làm rồi kiếm thêm cái chứng chỉ để lên lương nuôi vợ con... lỡ có quên chút đỉnh, mấy "em" nhắc "qua" với nghen!

Thi xong, trả nợ quỷ thần, "ngó" vào bài thi của mình rồi thì cũng có thể bói được đậu rớt, trường đóng cửa, bọn tôi rủ nhau đi lang thang chờ kết quả. Có khi, ghé qua mấy trường bạn coi kết quả "kẻ"!

Mấy đứa con gái học Khoa Học ở chung cư xá với tôi, xong một mùa thi, đứa nào đứa nấy ngó hom hem như... bà già lỗ cốt, mà bốn đứa chỉ có một "trúng tuyển với sự tối khoan hồng của ban giám khảo!" Trời, bọn tôi cười ngất khoái trá trong khi tụi nó mếu máo. Tôi dụ khị:

— Bỏ đi Tám, tụi bây qua Văn khoa học với tụi tao!

Mấy bà già lắc đầu quầy quậy:

— Ý! đâu có được, con Dung đừng có giỡn... tụi tao... viết thơ cho ba má, *Kính thưa ba má nay con có vài lời gửi về kính thăm ba má khỏe mạnh là con mừng*... là hết chuyện, biết gì nữa đâu mà viết. Tụi bây dân Văn khoa tháng rộng ngày dài ăn rồi ngồi không... tán bậy, tụi tao không ham!

— Không lẽ tụi bay không tập tành cho tương lai, mai mốt viết thư cho "ảnh" cứ phương trình $N - M - Yêu$ là chấm hết?

Nhóm con gái Văn khoa qua trót lọt được gần hết, chỉ rớt một đứa, nhưng tụi tôi cũng còn tin tưởng nó sẽ phục hận được kỳ nhì. Con nhỏ này nó đang rầu anh bồ vô quân trường đó thôi...

Nhóm của tôi bàn tán về kế hoạch về xứ tôi nghỉ hè, bàn qua tán lại hoài mà cũng chưa tới đâu. Đứa thì than tiền tao lãnh học bổng bà già chủ trọ mượn ráo trọi chưa trả lại, đứa nói thôi, để tao ở lại, kiếm chỗ dạy hè sớm cho chắc ăn.

Tôi nổi nóng:

— Nhà tao chật, có nhét tụi bay vô cũng cực bụng lắm, sướng ích gì. Có điều tụi mày hít bụi Sài gòn dữ quá, ăn cá đồng riết cái mặt xanh dờn, ra xứ tao, ăn cá biển, phơi nắng tập lội...

Sực nhớ về Dũng tôi tán thêm:

— Có một nhân vật này, "chiến" lắm, đẹp trai như... anh Vọi.

Buột miệng lỡ lời ra rồi mới hay mình đang nói nhảm. Tôi bâng khuâng: tôi đâu phải là cái con nhỏ nhà giàu, lại càng không đỏm dáng, không làm gì có chuyện "Trống Mái" ở đây...

Dũng bận đi làm nên chỉ lội biển được với tụi bạn trai bạn gái Sài gòn của tôi một tuần một lần vào những ngày chủ nhật. Những buổi khác, Dũng đi tắm sớm trước khi mặt trời mọc, lúc tụi tôi còn quấn trong chăn.

Tôi có trời cao biển rộng, có nắng hè chói chang, có gió biển thơm nồng mát rượi, trời xanh biển cũng xanh và... kẹo kéo thì trắng nuốt. Những chiếc áo sơ-mi màu xanh có cổ vuông viền trắng cắt kiểu thủy thủ thường giúp tôi quyết định nhanh chóng mỗi khi đi mua sắm áo quần. Rồi cả cái bóp lớn xách đi học, đôi guốc Đa Kao đi làm, bạn bè lạ lùng vì sao tôi cứ thích chọn hai màu xanh trắng...

Dũng nói trống không với cả đám:

— Bơi được chưa?

Cả bọn lao nhao:

— Tụi tui uống nước quá trời anh ơi, lội lên hụp xuống thở ra hít vào tùm lum mà nó có chịu nổi lên chút xíu nào đâu!

Tôi phá lên cười. Lội ra xa, Dũng cự tôi:

— Mấy cổ không biết bơi rành, tôi lội ra, Dung lại lội theo làm gì, bỏ cả đám đứng trơ cho sóng đập.

Tôi ức quá, nói một câu vô duyên:

— Sao ông không ở lại với tụi nó đi?

Dũng lắc đầu, vẩy mạnh nước trên tóc xuống rồi vừa lội đứng một cách nghề nghiệp, Dũng vừa vốc nước khoát lên cánh tay. Tôi ngây người nhìn những giọt nắng lấp loáng trên cánh tay nâu rắn chắc, biển lấp lánh chạy dài ra xa thăm thẳm đến chân trời. Sực nhớ mình đang giận, tôi nhắm mắt vung tay hất mặt về phía mặt trời phăng phăng lội tới. Bỗng một bàn tay rắn chắc như gọng kềm nắm

chặt tay tôi lại, tôi vùng vằng Dũng cũng không chịu thả ra.

— Buông tôi ra, *kẹo kéo!*

— Quá nửa biển rồi, lội vô đi!

Chàng vươn tới, sải tay một cái đã giật phắt được cái mũ rơm che nắng trên đầu tôi, ôi chao, tóc tai xõa rơi xuống một bầy rũ rượi, cái mặt trắng hồng đành phơi ra cho nắng gió lột da sao, tôi sợ quá, quay lưng lại hướng mặt trời, úp mặt xuống nước để tránh nắng, tủi thân nghe nước mặn cay xè tận khóe mắt, vừa đâu đó thấy đôi chân của chàng bay lượn như mọc cánh, đôi chân nhẹ nhàng đang thong dong quạt nước. Rồi bỗng chàng dụm hai chân lại, trong một thế lội tuyệt vời như chiếc đuôi cá đang quẫy mạnh... Ô, chàng nhân ngư (chớ không phải ngư nhân) của tôi có lẽ từ dưới một lâu đài thành quách nào sâu tận đáy biển hiện lên đây, theo với ánh mặt trời để cùng tôi chia sẻ một mẫu số chung: Biển.

Để xin chuộc cái lỗi đã chọc giận tôi, lúc lên bờ đưa trả lại cái mũ, Dũng nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

— Tôi sẽ xin chuyển qua ngành thủy thủ hoặc học về hàng hải...

Cả bọn lao xao ăn các thứ quà vặt bán dọc theo bãi biển: Mực nướng dầm tương ớt, bò khô trộn gỏi đu đủ, chùm ruột, xoài xanh ngâm cam thảo. Dũng mua cho mình một cây kẹo kéo trắng.

Mấy bạn gái của tôi chọc ghẹo:

— Hèn chi, hồi ở Sài gòn, mày cứ kể chuyện về biển xanh và kẹo kéo trắng! Sao ông Dũng thích ăn kẹo kéo quá vậy?

Dũng nhìn ra biển xa. Vẻ mặt lạnh lùng mà tươi tắn, dáng đứng vững chãi như pho tượng lực sĩ đang giơ cao cây đèn Olympic trong cái vẻ sẵn sàng lao tới hất đổ mọi trở ngại của chàng dứt khoát một cách lạ lùng. Bỗng nhiên giọng nói của chàng hạ thấp xuống một cách bất ngờ và điều chàng nói không ăn nhập gì tới những suy nghĩ của tôi lúc này:

— Tại cái tạng của tôi chỉ thích ăn ngọt!

*

* *

Tình hè rực nắng! Mới đó mà đã qua đi, mới đó mà tôi đã ra trường và đã tình nguyện đổi đi làm một nơi rất xa quê. Những cánh tay của Dũng cũng không còn vươn lên bên cạnh tôi lấp loáng những hạt nắng tròn trên biển. Tôi lội một mình rồi ngồi một mình trên cát nóng nghĩ ngợi mông lung. Ông kẹo kéo thỉnh thoảng cũng trở lại bãi biển bán kẹo, tôi thỉnh thoảng cũng ngậm ngùi mua vài cây nhấm nháp những lúc nghỉ hè quay vội về với bãi biển ngày xưa.

Mai tôi rủ chàng về đất lạ
Đi con đường chưa có dấu chân
Tuyết giá đóng bay lừng hương cỏ
Sương khói tự ngàn năm rưng rưng (1)

Tôi chưa kịp mở miệng rủ rê chàng thì Dũng đã thình lình bỏ cuộc. Chàng nhân ngư của tôi trong buổi xuất phát chiếc chiến hạm đầu tiên trong một vùng kinh rạch xa xôi nào đó ở tận cuối miền đất nước đã hy sinh. Dũng hứa với tôi những lần từ biển trở về chàng với tôi sẽ tìm cho ra một miền đất lạ. Qua khỏi cái dãy đảo li-ti chắn ngang trước mặt biển để thấy một chân trời rất mới với mọi điều chưa bao giờ thấy, phải chăng là cái giấc mộng mà bất cứ đứa trẻ con nào lớn lên trong vùng biển mặn cũng từng ôm ấy!

Thả khói thuốc bay mù mịt
Chúng tôi yên lặng ngắm thời thu
Tóc chàng bỏ xõa như con gái
Tôi thì quỳ xưng tụng mặt trời thu (2)

Tôi và Dũng, lối đi của hai tôi chẳng thể là đường xưa lối cũ nên cỏ hoa có thể tươi cành trên tuyết giá, để chàng có thể xõa tóc thề lê thê, để mặc mọi người ca ngợi ánh trăng thu và để chỉ mình tôi và chàng lại ngơ ngẩn vì một mặt trời!

Hệt như những hạt cát khô nóng đang tuôn qua khe khẽ nơi kẽ tay tôi, Dũng ơi, và muôn ngàn vạn Dũng của muôn vạn kiếp trùng trùng, sóng gió đã đem Dũng về với biển, những hạt cát đẩy lên từ lòng sâu đáy biển và lại trở về khi con sóng tuôn trào...

Bây giờ, những buổi tối trên biển, đèn thuyền câu san sát như một vòng hoa kết sáng hực hỡ bao quanh thành phố. Bãi cát chạy dài theo nước rút tận xa xa, một phần đáy biển mà chưa bao giờ tôi đặt chân tới giờ đã lộ ra. Bờ cát phẳng màu đen thẫm, nối tiếp bãi cát trắng lồi lõm. Dẫm chân trần trên cát lạnh tôi nghe muôn ngàn vạn tiếng âm vang của nước, của gió, của ánh trăng lung linh. Trăng càng sáng nước càng long lanh nhảy múa, trăng dãi dài chiếu dọi tận nơi xa, gió lộng căng những ánh đèn hực hỡ.

Lát nữa khi khách vãn du đã ra về hết, trả biển lại một mình thâm u hoang vắng âm thầm. Hàng câu dừa đã khuya, bóng không còn ngã dài tận bờ nước mà đang nhập lại với thân cây làm một.

Trăng dãi dài trên cát.

Một người đàn ông mặc áo trắng, quần đen đến đứng gần cạnh tôi tự bao giờ:

— Cô thức khuya coi trăng biển đó à?

Tôi quay sang ngạc nhiên và bỡ ngỡ:

— Kìa ông!

— Lâu nay đi làm xa, không thấy cô về tắm biển?

Tôi ấp úng thì thấy ông già bán kẹo kéo đã im lặng ngó ra biển như không hề chờ đợi một câu trả lời. Tôi cũng tự nhiên khoanh tay trước ngực (giống như hồi nhỏ mỗi khi lên trả bài, vẫn bị thầy cô la, *bỏ tay xuống khoanh tay làm gì, ai đâu bắt em làm vậy* mà tại tật đâu còn đó, nói mấy cũng không chừa), tôi cũng ngó ra biển.

Sóng to cột bãi vào thuyền
Mù khơi đâu nẻo vô biên ngày nào? (3)

Bỗng nhiên câu chuyện do Dũng kể về một thủy thủ yêu biển một sáng vắt vả mãi mà không thể nào đưa nổi cho con thuyền nhỏ của mình ra khơi vì biển trời đang nổi cơn sóng gió. Chàng thủy thủ cô đơn thất thểu trở về với âm vang lời réo gọi của vô biên về nỗi khát khao của một chuyến ra đi hành hạ.

Tôi như chợt tỉnh. Chàng thủy thủ nhân ngư của tôi đã sớm đi vào cõi vô biên với lòng đắm đuối đam mê biển và như vậy có thể chàng sẽ không còn bị hành hạ sớm chiều vì những nỗi dục dã ra khơi để rồi sẽ có lần thất vọng.

Những ước vọng trẻ thơ vượt qua hàng đảo li ti trước mặt, cái giới hạn hữu hình thường chắn ngang tầm mắt, lớn lên rồi, những dãy đảo ấy bỗng trở thành một dãy hàng rào tầm thường. Biên giới của sự hữu hạn như nhích lùi xa thêm mãi và cái nỗi niềm khát khao một chân trời bất tận như không bao giờ dừng lại được, như cái bóng trăng càng đuổi theo lại càng lùi xa, như mọi ước vọng trên đời càng với—bắt nó lại càng thăm thẳm.

Lòng tôi sao bỗng dừng nơi đây
Tình tôi sao vẫn còn biên giới... (4)
Dũng ơi, tiếng sóng vẫn ì ầm
Có tiếng ông già nghe qua trong gió:
— Đêm nay trăng sáng nước đầy, cô nên về sớm đi...

N.T.H.B.

(1, 2) Thơ H. Bắc
(3) Thơ Lan Xuân
(4) Nhạc Phạm Duy

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Làm đẹp chữ Việt (của N N M và NĐ ở Canada), Tranh của Vũ Thái Hòa (Pháp), Con vịt một chân (truyện của DT), Đất và người, Truyện ba người rưỡi (truyện của N Y T), Weep on, weep on, the refugee (thơ Anh ngữ của H L), Tan vỡ, Người (thơ VT, Hoà Lan), Nắng tàn trên cây Kim Vũ (truyện N N D, Đức), Đọc thơ Nguyễn Bá Trạc, Đọc thơ Đỗ Quí Toàn, Sáng tối (thơ K V), Còn đâu thi vị (truyện của N T H), Nhầm lẫn (truyện V Đ K)

Ngu Yên

Khi bằng hữu biết nói

Con két trong lồng cây
Lặng im nhìn ra ngoài trời rộng
Mắt ngời bóng mây bay.

Tôi đứng ngoài lồng chim
Sao hồn vướng trong vòng đời hẹp
Rùng mình nhói con tim.

Quay lưng đi vào phòng
Két một mình hình như sợ hãi
Vội vã gọi : "Chào ông "

Quay lại lòng vui lây
Âu yếm vỗ lồng chim trò chuyện
Két đáp : "Tổ cha mày!".

Ngoài trời mây vẫn bay !

Ngô Nguyên Dũng

Chốn tâm tình ẩn náu.

Những lá thư của người đàn bà tên Tâm đôi lúc khiến Nhượng bối rối ra mặt. Chàng không biết phải xử sự như thế nào cho hợp lý. Không đọc, nhận được là vất ngay vào sọt rác hay dành ra chút thì giờ nghiền ngẫm và tìm hiểu tâm ý nội dung tờ thư. Nếu Nhượng rảnh rỗi, nhàn nhã thì đã không có chuyện để tự thán. Đằng này, việc làm của chàng ở cơ quan nặng về những hoạt động từ thiện và xã hội này ngày càng lấn át, nuốt chửng những tự do của cá nhân chàng. Dễ dàng và tự nhiên như thế đó là những kết quả có xếp đặt từ trước. Trong ngày làm việc, Nhượng mơ sao chóng tới cuối tuần. Những cuối tuần ngắn ngủi lại bắt chàng ham hố ao ước một dịp nghỉ phép thường niên, hai hay ba tuần lễ, ở đâu đó miền Nam Âu. Hay ít ra phải thấy biển, hít thở không khí pha muối nắng nặng. Biển Bắc Âu cũng được, dù đang bị ô nhiễm.

Đầu óc Nhượng — đôi khi chàng láo lếu so sánh — là chiếc bọc chứa đủ mọi thứ rác, vì lười nên không đi đổ. "Rác" ở mọi nơi túa về phủ lấp chàng. Những rắc rối giấy tờ về vấn đề bảo lãnh, chuyện học hành, giáo dục con cái ở xứ người. Những xáo trộn phải có trong đời sống vợ chồng á-đông khi tiếp xúc với xã hội tây phương đầy cám dỗ. Rồi hội hè, lễ lộc, ma chay, giỗ tết... Hầu như mọi người đều cần tới Nhượng. Hoặc họ chỉ gọi điện thoại hỏi lấy lệ vậy thôi, như để có một sự hỗ trợ nào đó, ít ra về mặt tinh thần, trước khi lo liệu hay đối phó với một vấn đề gì. Tính Nhượng lại cả nể, ai nhờ gì chàng cũng làm. Thích thì hết lòng. Không thích mấy thì làm cho có, để khỏi bị mang tiếng là hờ hững với người đồng hương. Vì vậy, Nhượng được đa số đồng bào tại đây quý mến. Mỗi năm, tới ngày họp mặt thuyền nhân tị nạn, Nhượng lại được đề cử làm thông dịch viên cho toàn buổi lễ.

Sau vài lần, chàng nhận được lá thư đầu tiên ký tên Tâm trơ trụi, không họ không chữ lót. Ngẩn ngơ mở ra đọc vì cái tên... chao ơi, làm sao chàng quên được người con gái cùng tên của Sài Gòn dạo nào vào

cuối thập niên sáu mươi... Nhưng người tên Tâm viết lá thư này hoàn toàn khác lạ. Chữ viết nghiêng vẹo, nhỏ li ti và run gẩy. Đầu thư tới cuối thư, chỉ thấy vài ba cái chấm phết. Viết mà như nói. Biên thư là hành động suy nghĩ dễ dàng nhất vì dư giả thì giờ, ấy mà bà ta viết như kể lể qua điện thoại, lại ở quá xa nên cố nói thật nhanh, không thôi tốn tiền; lời nói đâm ra lọng ngọng, vấp váp. Nhượng đọc qua một lần, không hiểu gì cả. Thêm một lần nữa, hiểu được lờ mờ. Rồi chàng gấp lại để đó định bụng sẽ mang về nhà đọc trước khi đi ngủ. Dù sao cái tên Tâm vẫn bám lấy trí óc chàng. Một mùi hương, giờ đã xa, nhưng vẫn còn dư vị mỗi khi nhớ lại. Một hình bóng đã nhoà ảo, chao gợn như rớt xuống một mặt nước bất an, vậy mà vẫn gợi lên trong trí tưởng Nhượng một tấm ảnh dịu dàng. Quá khứ qua những tờ thư loạn trí lao xao tìm về, Nhượng chộp bắt lùng bùng những ảnh sắc, tâm tình và ý nghĩ nhốn nháo như bầy ong vỡ tổ. Chúng bắt chàng phân định rõ ràng: một dĩ vãng mù sương với một hiện tại mơ hồ không thật.

"Thầy Nhượng,

Hôm họp mặt của dân tị nạn mình ở Troisdorf, em thấy thầy đứng thông ngôn trên sân khấu từ xa. Bạn của con gái em nói thầy Nhượng đó vì nó theo học lớp sinh ngữ của thầy hồi nó còn trên đảo. Nó tới chơi nhà em mà cứ nhắc tới thầy hoài làm em cũng tò mò muốn biết mặt mũi thầy ra sao nay thấy rồi nên em viết lá thư này gởi thầy hỏi thăm thầy và gởi lời chúc thầy may mắn mạnh giỏi. Người ta nói với em thầy vẫn còn sống một mình nhưng nhiều cô ngắm nghé thầy mà thầy chưa để ý tới ai, con em nói tại thầy thích làm chuyện bao đồng ăn cơm xong rồi xách xe chạy lo chuyện giùm thiên hạ thì còn đâu giờ rảnh mà tìm cô này cô nọ rồi còn cho tương lai chính bản thân thầy nữa thầy cũng không màng mà. Con em nói em nghe mà ứa nước mắt không biết tại sao nhưng em nói điều này thầy nghe xong rồi bỏ qua đừng để ý là em thấy thầy lần đầu tiên vậy mà cứ tưởng đã quen thầy từ hồi nào tới giờ. Thầy đừng cười em nói thiệt thà mà không phải mình em nghĩ vậy đâu cả người ta cũng nói cho em hay như vậy đó...".

Đọc tới đây, Nhượng khựng lại, châu mày tự hỏi: "Người ta là ai vậy nhỉ?", rồi chậm rãi xem tiếp.

"... Ai nói em không tin chớ người ta nói thì em tin lắm. Họ nói trong đầu em nghe rõ mồn một mà. Ở bên này con em qua trước được đi học đàng hoàng nên nó nói tiếng Đức giỏi như tiếng Việt Nam mình, còn em thì mắc cỡ quá thầy ơi em không biết một chữ tiếng Đức mà bác sĩ kêu em phải ở nhà nghỉ ngơi cho khoẻ chớ họ đâu có cho phép em đi học như mọi người thành ra qua đây mà em như câm như điếc tối ngày chỉ thui thủi ở trong nhà mà con em nó đâu để cho em

làm gì nó bắt em ngồi chơi hay nằm nghỉ khơi khơi vậy thôi, riết rồi cũng chán nên em muốn nấu cơm làm bếp trở lại hay phụ nó giặt quần áo chùi nhà lau cửa kính hay rửa chén mà nó cũng không cho luôn làm em buồn lắm và người ta nói là con nó không thương em nên mới đối xử như vậy, tự dưng bảo lãnh em qua bên nầy rồi bỏ ngồi đó chơi như con búp bê như một món đồ chơi vô hồn nằm trong tủ kính vậy mà khi em hỏi nó có phải vậy không thì nó rầy em sao nói chuyện tầm bậy rồi còn khóc lóc kêu em phụ công nó lo lắng giấy tờ đưa qua đây rồi em còn cằn nhằn cử nhử trách móc này nọ. Nó nói vầy mà người ta nói khác khiến em khó nghĩ quá thầy ơi nhiều khi em chỉ muốn ngủ một giấc thiệt dài lâu để khi thức dậy em hy vọng sẽ có những thay đổi ở chung quanh ở trong tâm hồn em cũng như trong ý nghĩ của con em và của người ta nữa, mà đâu có được...".

Nhượng buông tờ thư đọc dở dang xuống bàn. Tự nhiên chàng nghĩ tới buổi sáng này, thấy một con nhện nằm chết trong bồn rửa mặt với những ngón chân khẳng khiu co quắp. Nhượng phân vân nhìn ra cánh cửa sổ mở hé rồi lẩm bẩm, khi không chui vào đây rồi chết thảm thương thế này.

Rồi chàng ví von lẩn thẩn, đời sống mình từ dạo sang đây tới giờ cũng bưng bít dại khờ vậy thôi. Trốn chạy một nơi chốn để tự trói thúc chân tay, tim óc vào mảnh đất này. Con người đang sống với trăm vạn nghịch cảnh dằn vặt vây bọc, bỗng có phép lạ đưa tới đây một khung cảnh hoàn toàn mới mẻ, họ phải có những đổi thay tâm lý, không nhiều thì ít. Người đàn bà tên Tâm đó có lẽ đang rớt hụt hẫng vào cõi hư không. Tay và chân quơ quẫy tìm cách bám víu vào một mốc điểm của dĩ vãng để cố trồi lên mặt nước của tháng ngày hiện tại. Phải có một lý do nào đó để bà ta chọn Nhượng, gọi thầy xưng em ngọt xớt, để dàn trải những nỗi tâm tình khúc khuỷu... Nhượng nát óc suy nghĩ tìm ra nguyên nhân ấy: trong lúc nấu cơm, khi hai mắt dán vào màn ảnh truyền hình, trước khi thiếp vào giấc ngủ mệt, lúc thả hồn trên những trang thư thăm hỏi bạn bè ở xa. Chàng loay hoay trăn trở với những ý nghĩ rối bung. Chỉ có điều, cái tên Tâm ấy nhắc Nhượng nhớ lại một quá khứ thanh xuân. Chàng tưởng tất cả đã theo năm tháng dần xa, trôi biền biệt vào góc tối lãng quên. Ấy mà những lá thư nối loạn ngộ nghĩnh tới bắt chàng phải nhớ về. Những trưa nắng trong căn nhà của một người bạn miệt Gia Định. Giàn hoa giấy tím lắc lư theo gió ngoài ban-công khi mở cánh cửa sổ ra. Ánh sáng lùa vào căn phòng tối lờ nhờ. Mùi da thịt quen thuộc của Tâm. Chỗ trũng của thân thể trên giường nệm hâm hấp nóng. Vị mồ hôi mằm mặn khi chàng cúi xuống úp môi lên bờ ngực con gái.

Nhượng rùng mình, da thịt nổi gai. Chàng chận cây bút lên tờ thơ đặt trên bàn viết, ngả người ra lưng ghế. Từng lớp kỷ niệm ùa về hôm nay khiến lòng chàng mềm nhũn như sắp sửa quỵ xuống.

Nhượng ứa nước mắt nhớ về ngày tháng cũ.

*
* *

Người con gái mặc váy ngắn màu hồng, áo thun sát nách, tóc dài thẳng, chẻ đường ngôi ở giữa. Nhượng thoáng thấy khuôn mặt dễ thương ấy ngay khi bước vào căn phòng đèn màu mờ mờ, âm nhạc nhốn nháo trẻ trung. Ghế xếp thành hàng sát tường. Ở một góc là giàn máy quay dĩa đặt cạnh chiếc bàn bày nước ngọt. Lố nhố trong vùng ánh sáng chập chờn no ứ tiếng động, dăm ba cặp trai gái đang nhún nhảy theo âm thanh mở lớn.

Nhượng tìm tới bên Hiroshi, người bạn lai Nhật, đang xử dụng giàn âm nhạc, hỏi vu vơ:

— Hôm nay "ghế" coi bộ tới ít!

Hiroshi cười, hàm răng trắng muốt :

— Mới bắt đầu mà, còn tới nữa.

Giọng Nhượng đểu giả :

— Mấy con "ghế" còn đang ăn cơm với rau muống luộc chấm mắm tôm, tráng miệng bằng trái chuối sứ, uống một ly trà Blao rồi mới đánh răng, tròng cái mini-dzýp vào, miệng nhóp nhép kẹo cao su và rón rén xin bà già 10 đồng đổ xăng; còn nói láo, qua nhà bạn ôn bài, nhưng không quên bỏ vào cặp cây son và hộp phấn để trang điểm trước khi đèo nhau đi "bùm" lậu.

Hiroshi bật cười hô hố :

— "Ghế" của mày ẹ quá vậy. Ghế đẩu, ghế cây mới vậy chứ ghế xa-lông lót nệm bọc da gờ ghề lắm, đừng tưởng bở.

Vòng vo thêm một đoạn, Nhượng mới hỏi khẽ :

— Có biết con bé mặc váy hồng tên gì không?

— Váy hồng nào ?

— Chỉ có một đứa mặc áo hồng thôi chứ mấy?

— À, tên Tâm, đi chung với thằng Jean Paul Minh.

Nhượng hơi thất vọng khi nghe tới đó, nhưng cũng rán hỏi tới:

— Gì Tâm ? Đào của thằng Minh à ?

— Không, em họ. Tâm khơi khơi vậy thôi.

Nhượng hỏi thế bởi dạo ấy, tuổi trẻ thành phố đang có mốt kèm thêm tên Tây, tên Mỹ chung với tên cúng cơm. Hôm nay, tự dưng nghe một cái tên Việt độc âm thuần túy, không vướng víu bởi một Cathy, Julie, Christine hay gì gì đó, tâm tư Nhượng không khỏi dao động. Chàng như bắt gặp giữa muôn hồng ngàn tía một nhánh mắc cỡ màu tím nhạt nằm e ấp.

— Để một bài *slow* đi Hiroshi !

— Mày thích bài nào ? *"Unchained Melody"* của Righteous Brothers hay *"Only You"* của The Platters?

— *"Only You"* dễ thương hơn.

Trong giọng ca rên rỉ của người ca sĩ da đen tối hôm đó, Nhượng đến mời Tâm nhảy. Những ngón tay Tâm quấn lấy tay Nhượng. Chàng quàng qua eo người con gái, không dám kéo sát vào, có cảm tưởng đang dìu một khối ảo mộng màu hồng theo tiếng hát nức nở. *Only you can make all the darkness bright...*

— Tôi tên Nhượng. Có phải "bồ" tên Tâm, em họ của Minh?

Chàng thấy người con gái ngẩng lên nhìn, hai vòm mắt long lanh.

— Sao anh biết ?

Nhượng khựng lại, cười :

— Mới vừa hỏi Hiroshi xong.

Tâm cũng cười bâng khuâng trong bóng tối nhạt nhoà. Bên giàn máy quay dĩa, có lẽ Hiroshi nhận ra đôi nhịp chân quyến luyến của hai người, nên để tiếp theo đó *"Aline"*. Có vài tiếng huýt sáo phản đối. Tất cả "đào kép" đều trở lại chỗ ngồi, chỉ còn mỗi mình Nhượng và Tâm xoay chậm rãi giữa sàn nhảy. Bỗng dưng Nhượng thấy mình giống như chiếc quạt máy quay thật chậm, lười biếng và lơ đễnh thổi mát cơn nóng nhiệt đới. Căn phòng cửa đóng bưng bít. Những chụp đèn đỏ vàng tối ám. Khói thuốc và hơi người quyện thành một hương vị thanh xuân khó phai mờ. Những đêm cuối tuần dạo ấy, trong cái "bùm lậu" ở nhà Hiroshi. Hay vui chơi đâu đó trong một ngôi biệt thự ở đường Công Lý, Pasteur. Hoặc lạc lõng trên sân thượng của một cao ốc ở đường Gia Long. Với Hiroshi. Với Tâm. Chỉ biết bơi lội trong dòng sông vô tư của tuổi trẻ, mặc ngoài ven đô lửa cháy ầm ĩ.

Đêm đầu tiên quen nhau, Nhượng xin được đưa Tâm về. Đêm thành phố trước giờ giới nghiêm thở thoi thóp. Những con đường trống. Hai bên phố, hàng cửa sắt chỉ còn chừa một khoảng hẹp, chờ sập lại khi tiếng còi hú vang báo hiệu giờ giới nghiêm bắt đầu, Tâm bảo Nhượng thả nàng ở đầu một con hẻm, đường Ngô Tùng Châu. Chàng vòng trở lại, cuống quýt rượt đuổi thời gian cấm. Gió đêm thổi tóc chàng bay loà xoà, chui vào áo lùng bùng những niềm vui không tên. Nhượng tháo nút áo cho gió đập vào da thịt phơi trống. Khi không chàng nhớ tới khuôn mặt và mái tóc lộng gió tơi bời của nhân vật Dũng trong *"Đoạn Tuyệt"* của Nhất Linh, vào một đêm từ chiến khu xa xôi tìm về thăm Loan. Chàng thèm châm điếu thuốc thứ nhất của đời sống. Muốn giơ chân tông ngã cánh cửa chắn, hiên ngang bước vào thế giới của một người đàn ông.

Một đêm mưa, Nhượng ghé nhà Tâm, hay tin nàng đã đi nghỉ hè với gia đình trên Đà Lạt. Tâm tư chàng chùng xuống. Một nỗi nhớ không định nghĩa được ùn ùn dâng lên bắt Nhượng rùng mình như ớn lạnh. Chàng lái xe gắn máy chạy vòng vòng đường phố

dưới hàng mưa mỏng. Mặt đường đẫm nước lấp lánh ánh đèn. Hè phố về đêm vắng ngắt. Những cửa tiệm đóng im ỉm, chỉ còn lại những dãy đèn nê-ông đủ màu sáng nhấp nháy. Nhượng ghé quầy thuốc lá ở đường Tự Do, mua một bao Pall Mall và diêm quẹt, rồi dừng xe ngồi khễnh chân dưới mái hiên nhà ai ở đường Gia Long, ẩn náu chờ tạnh mưa. Chỗ đó, nơi chốn đầu đời Nhượng đã bật que diêm châm điếu thuốc thứ nhất của tâm tình vừa nhen nhúm. Chàng run rẩy cắm lên môi, hít ngây ngất. Một cảm giác lạ lùng ùa tới. Ngầy ngật, bứt rứt, choáng váng và lênh đênh cùng lúc. Nhượng như hẫng chân bay là là trên vỉa hè ướt sũng. Những vòm ánh sáng loe ra. Âm thanh từ một quán nhạc đêm gần đó vọng lại bập bùng. Chàng vất điếu thuốc hút dở xuống đất, đạp máy, rồ ga băng ra đường đêm. Nhượng chạy vô hướng với cảm tưởng mình là tờ giấy đang bị đốt cháy từ từ. Nóng ray rứt. Và trí óc chàng bốc thành những sợi khói nhung nhớ bay về miền rừng núi có bóng dáng một người.

Tối đó, Nhượng gọi điện thoại về cho hay ngủ lại nhà Hiroshi đêm nay. Giọng đứa em gái hơi hốt hoảng bên kia đường dây:

— Không biết, để em gọi má.

Rồi :

— Có chuyện gì vậy con ? Sao lại ngủ ở nhà Hiroshi mà không về, rủi nửa đêm họ xét tờ khai gia đình thì sao?

Chàng nói dối :

— Con lỡ uống một tí rượu, chóng mặt không lái xe về được. Chắc không sao đâu, má đừng lo. Nhà có điện thoại mà, có gì con sẽ cho hay. Mai chủ nhật con về, má nói với ba giùm con.

Nhượng cúp máy đột ngột. Giọng má rơi rớt những "mới lớn mà đã rượu chè rồi, lại còn ngủ hoang..."

*
* *

Hiroshi sống chung với người anh và bà ngoại trong một ngôi nhà ở Gia định. Cha mẹ Hiroshi có một ngôi nhà khác ở Sài Gòn, lâu lâu mới về thăm. Chung nhà còn có một người đàn ông lưng gù, vừa câm vừa điếc, không hiểu có liên quan họ hàng như thế nào mà Nhượng chỉ nghe Hiroshi gọi là chú Cửu. Chỗ chú ngủ cạnh nhà bếp, ăn thông ra cửa sau, thấy treo đầy hình đàn bà khoả thân lấy từ những tạp chí ngoại quốc.

Ở trên lầu, phòng ngủ dành cho bà ngoại nằm trong cùng, kế đến là phòng của người anh. Bên ngoài, sát ban công là chỗ dành riêng cho Hiroshi. Những trưa nắng nóng, Nhượng hay tìm tới, mở tung cánh cửa sổ lá sách cho gió tràn vào, nằm với Hiroshi trên giường, nói chuyện mông lung. Hiroshi có một khuôn mặt dễ nhìn. Cặp mắt một mí hẹp và sâu. Mũi cao. Một chiếc miệng có duyên,

cười có lúm đồng tiền và khoe đôi hàm răng trắng muốt. Nhượng quen Hiroshi qua một người bạn khác. Từ đó, chàng làm quen với tuổi trẻ của giới trung lưu và của dân trường tây. Thường nhật của Nhượng là những bông hoa mọc bên lề cuộc sống. Chạy hụt hơi để tìm kiếm niềm vui. Quấn quýt vội vã trong dòng âm nhạc thời thượng.

Những buổi trưa trong căn phòng của Hiroshi, Nhượng để nguyên quần áo nằm dài trên giường, tay chắp sau gáy nhìn lên cánh quạt trần xoay chậm. Hiroshi nằm kế bên, nghiêng qua chàng, miệng kể liến thoắng. Về những dĩa nhạc mới. Về dự định sẽ làm gì vào cuối tuần này. Về một chương trình nhạc phát thanh trên đài quân đội với Mỹ Linh, người nữ xướng ngôn viên. Một lần, Nhượng khoan khoái thiếp ngủ, giữa chừng tỉnh dậy, ngơ ngác như trẻ nhỏ lạc lối. Chàng ngẩn ngơ nhìn ra ngoài cánh cửa sổ. Bóng nắng chao nghiêng trên giàn bông giấy màu tím. Gió lay nhẹ rèm cửa. Mồ hôi vã ra đầy lưng áo Nhượng, ướt đẫm tấm *drap* giường. Hiroshi không còn ở đó nữa. Trong ngôi nhà vắng lặng, chàng nghe vẳng lại một bài hát của The Carpenters: *"We've only just begun to live..."* Cùng ở nơi đó, trong chiếc giường nệm gây gấy hơi người, chàng và Tâm đã bắt đầu một đời sống có thật. Không còn những trao hôn vội vàng đầu ngõ. Từ một buổi hẹn hò đầu tiên vào một sáng chủ nhật tại một quán cơm tây ở chợ cũ, Nhượng đã nghe lòng mình cất tiếng. Nhân một ngày, không có bà ngoại và người anh ở nhà, Hiroshi cho chàng và Tâm mượn căn phòng làm chỗ phơi bày tâm tình ẩn giấu bấy lâu nay.

Cánh cửa sổ lá sách khép lại, cả khung cửa lớn dẫn ra ban công. Chiếc quạt trần vẫn xoay vòng biếng nhác. Trên tường, hình tài tử, ca sĩ ngoại quốc dõi mắt nhìn xuống Nhượng và Tâm đang mò mẫm khám phá phần thân thể thanh xuân.

"... Tôi nghiêng xuống bờ vai trần của em. Những sợi tóc vướng víu trên má, lấm tấm mồ hôi. Một mùi hương dấy lên của da thịt và nước hoa lẫn lộn. Cả hương vị thanh tân của cánh tay, cặp chân sóng soải. Tôi rơi trên vùng ngực trần mười tám, muốn nằm chết ở đó không chỉ vào buổi trưa này mà luôn cả những đêm mưa. Tôi mở hết những khe cửa hé ra trong em, chui vào vùng ánh sáng kỳ diệu của tình yêu thể xác. Mọi thứ chung quanh tôi đều mềm nhão, hoá lỏng bởi da cọ da, thịt ghì thịt, hơi thở hoà thành một cơn giông cảm giác. Tôi duỗi chiều dài trên thân thể em, nghe như mọi lỗ chân lông đang nhú mầm. Tuổi trẻ tôi và em đang nhảy múa trên mặt đất mùa xuân. Như loài bò cạp, khiêu vũ ngày này qua ngày khác trước khi nhập tình..."

— Anh... Chết em !

Tâm kêu hãt ra như thớ dài. Nhượng úp mặt vào một bên má Tâm, bật thành một tiếng rên, cảm xúc nhẹ nhõm như vừa để rớt một gánh nặng đeo dai dẳng bên mình bấy lâu. Mười ngón tay nới lỏng vòng ôm trên lưng chàng. Nhượng hôn dịu dàng lên má Tâm, bật nằm ngửa. Cánh quạt vẫn xoay những vòng nhạt nhẽo. Không hiểu Tâm nghĩ gì mà úp mặt lên ngực Nhượng, khóc rấm rứt. Chàng mơn trớn bờ vai người con gái, vỗ về:

— Nín đi em ! Sao lại khóc ?

Tâm không trả lời, mân mê sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ Nhượng. Tâm thôi khóc. Im lặng bưng bít bởi cánh cửa đóng. Nhượng nhẹ nhàng đẩy Tâm qua một bên, mặc quần đùi, tới mở tung cánh cửa lá sách. Nắng loé bên ngoài. Nhượng nheo mắt nhìn giàn bông giấy rung rinh theo gió mỏng. Con chim sẻ thấy bóng người, nấn ná mổ thêm vài cái trong chậu đất, rồi choét kêu hốt hoảng, bay mất biến như một giấc mộng. Nhượng khoan khoái vươn vai, hai tay dang rộng như muốn ôm cả không gian và thời gian hôm nay vào lòng. Mốc điểm của đời sống bắt đầu từ giây phút ấy. Thể xác này có thật vì biết hân hoan. Trái tim biết đập vì là chốn ẩn náu của tâm cảm. Trí tuệ phát sinh vì đã reo vui... Bên ban công nhà đối diện có một bóng người con gái lướt qua, Nhượng kéo rèm voan, quay lại. Tâm không còn ở đó nữa. Nhượng hấp tấp mặc quần áo, chạy xuống thang lầu. Nàng đang ngồi trò chuyện với chú Cửu, bằng tay. Người đàn ông tật nguyền khoa tay múa chân, cổ họng lật bật những âm thanh ư ử như tiếng núi động bị chận lại bởi vách đá. Nhưng thấy hai chiếc miệng cùng cười, Nhượng cảm thấy vui lây. Khi chú Cửu nhận ra sự có mặt của Nhượng, nét mặt chợt sầm lại. Hai cánh tay rũ xuống như người máy hết điện. Chú hấp tấp ngồi dậy, lùi chạy khập khễnh ra sau nhà bếp. Tâm ngạc nhiên, hết nhìn Nhượng rồi quay sang ngó chiếc lưng gù vừa khuất sau tấm màn chắn. Nhượng lắc đầu không hiểu. Trong trí chàng lởn vởn những tấm ảnh đàn bà khoả thân treo trong phòng ngủ của chú Cửu. Nhượng kéo tay Tâm đứng dậy, nói như an ủi:

— Thôi, mình đi !

Buổi chiều thứ bảy, trên tầng một của thương xá Crystal Palace, trong một quán nước vắng khách. Những quầy hàng đang dọn dẹp khoá cửa. Nhượng gọi một ly trà đá. Hiroshi một chén xương-xa sơn thủy. Người con gái bán hàng đang lơ đễnh đọc một cuốn sách trong vòng ánh sáng mù mù màu vàng cam. Máy nhạc đang phát ra dòng âm thanh ray rứt: *"Nha Trang ngày về, mình tôi trên bãi khuya. Tôi như là con ốc, bơ vơ nằm trên cát, chui sâu vào thân xác lưu đày..."*

— Chú Cửu ấy à ? Có gì đâu...

Hiroshi cười dòn, vỗ vào vai Nhượng, tiếp :

— ... Thật ra, cũng có chứ không phải không. Dù nghe và nói đếch được, nhưng cứ chỉ của chú khiến tao đoán lờ nhờ rằng chú đang bị dồn nén dữ dội.

Nhượng trố mắt, ngơ ngẩn hỏi :

— Chuyện gì ?

— Giỡn hoài, không hiểu thật sao? Bộ không thấy những tấm hình dán đầy tuong trong phòng chú à? Mà mình phải thông cảm chú chứ. Tàn tật lại xấu xí. Thằng gù Anthony Quinn còn có một con điếm Gina Lolobrigida để lãng mạn, còn chú thì chẳng có ai cả. Tội nghiệp.

Hiroshi bắt Nhượng phải tò mò. Chàng hỏi thăm về người đàn ông đáng thương ấy thì nghe Hiroshi kể :

— Ba tao sang đây theo đoàn quân viễn chinh tìm thuộc địa mới, có ý định đánh bật thực dân Pháp ra khỏi Đông dương. Giữ được vài năm, Nhật thua đồng minh trong thế chiến thứ hai và mất luôn Việt Nam. Ông ở lại vì lúc đó đã lỡ thương má tao. Sau khi lấy nhau, ông xin một chỗ làm trong toà đại sứ Nhật. Thỉnh thoảng nghe má tao vui miệng thổ lộ, thoạt đầu bà ngoại tao chống đối cuộc hôn nhân dị chủng này dữ dội, nhưng không cản được. Thật ra, tao cũng không biết rõ mối liên hệ giữa chú Cửu với gia đình tao ra sao. Chỉ biết, khi tao bắt đầu nhận thức được mọi chuyện thì đã có mặt chú ở đó rồi. Lớn hơn nữa, đã có nhiều lần tao hỏi má và ngoại về chú, chỉ nghe những câu trả lời ậm ừ, qua loa cho xong chuyện. Tao nghi ngờ, dường như có một điều bí ẩn nào đó mà người lớn vẫn cố giấu...

Hiroshi ngập ngừng, cúi xuống quậy lanh canh chiếc muỗng trong cái chén trống. Một hồi, có vẻ chán với trò chơi ấy, nó ngẩng lên kêu một ly chanh muối. Cô bán hàng uể oải gật đầu, nóithêm, giọng đủng đỉnh như bị quyến tiểu thuyết lôi sâu vào cơn đồng thiếp:

— Khoảng nửa tiếng nữa tiệm đóng cửa.

Nhượng nói :

— Còn sớm mà.

— Sớm gì, sắp tới giờ đóng cửa thương xá rồi.

— Ờ, ờ. Mà cho nghe nhạc gì vui vui đi! Đang buồn thấy mồ đây!

Cô gái cười :

— Nhạc trẻ nhé ?

— Gì cũng được, miễn đừng rầu rĩ quá.

Tưởng gì, cô gái cho chạy một băng nhạc của The Carpenters. Lại Carpenters với những *"Rainy Days and Mondays"*, *"For All We Know"* và *"We've Only Just Begun"*. Trời, Nhượng rên thầm,

sao mình không trốn khỏi những ngày mưa và những buổi sáng thứ hai đáng chán. Sao mình vẫn mù mờ ngủ mê trong thế giới hôm nay: thời đại của *hippy, flower power,* của triết học hiện sinh, của cuộc chiến Nam Bắc rách nát. Tại sao mình chỉ vừa mới bắt đầu khai mở đời sống một cách thú vị thì bộ mặt trơ trẽn của thực tế đã lừng lững chắn ngang. Những lo âu cơm áo của người lớn. Mối lo sợ phải bỏ dở học trình của giới trẻ. Thêm vào đó là đủ mọi rắc rối bủa vây. Những sáng biểu tình dồn dập. Lựu đạn cay tung ra. Chạy về nhà với cặp mắt hoe đỏ. Nơi này, mỗi năm chỉ có hai muà mưa nắng, ấy mà có tới biết bao mùa xuống đường, tuyệt thực, phản đối, bãi khoá, đình công. Lại thêm những đầu óc lãng mạn theo cách định nghĩa: "Sóng đập vào mạn thuyền." Con thuyền này sẽ đưa mình về đâu?

Cô gái bưng ly chanh muối ra đặt trước mặt Hiroshi, nói như muốn khoe công trạng:

— Để nhạc ngoại quốc rồi đó, chịu chưa?

Dù đang bay bổng với những cảm giác không đâu, Nhượng vẫn cười đáp:

— Hay lắm. Cám ơn.

Hiroshi vớt một thỏi nước đá tròn trịa xinh xắn như hòn bi ve, cho vào miệng nhai rào rạo. Chợt nó cười chúm chím:

— Mà chú Cửu khoái con gái lắm nghe. Nhất là lúc họ tỏ dấu hiệu làm quen trước, chú còn khoái dữ nữa. Dâm lắm. Một tính dâm đáng thương hơn là đáng trách, phải không? Có lẽ vì đời sống tình dục không được thỏa mãn nên tao thấy chú khó tính vô cùng với bọn đàn ông con trai tụi mình. Ganh tỵ ấy mà. Vậy mày cũng đừng lấy làm lạ khi thấy thái độ chú Cửu hơi kỳ quái. Cũng nên kể lại cho Tâm nghe để con nhỏ thôi thắc mắc.

Tâm hết thắc mắc, cũng hết dám dây dưa chuyện vãn bằng tay với chú Cửu. Những dịp thuận tiện như khi bà ngoại viếng chùa, thăm bà con hay đi thâu hụi, Hiroshi lại cho Nhượng và Tâm mượn căn phòng làm tổ ấm. Người anh của Hiroshi biết chuyện, chỉ lờ đi.

Hết một muà nắng. Cuối tháng tư, cơn mưa đầu muà rớt xuống thành phố. Sang tháng năm, tháng sáu, mùa mưa thật sự bắt đầu. Nhượng không còn bị ám ảnh bởi những cánh quạt máy xoay chậm quẩn trí nữa, mà tiếng mưa vỗ trên mái nhà, tiếng nước lách chách đập xuống sân tráng xi-măng khiến chàng đôi lúc khựng lại giữa chừng trên thân thể Tâm. Một nỗi xao xuyến bồn chồn tách chàng ra khỏi khối thịt da màu trắng ngà tê tái trong vùng bóng tối của một ngày mưa ảm đạm. Cánh cửa sổ quên không gài then, một cơn gió mạnh lướt qua, bung mở, đập bốp vào tường. Rèm cửa bật phần phật như phơi giữa mùa gió. Căn phòng

chợt heo hắt lạnh toát như cảm nặng... Nhượng không ngăn được khoái cảm đang dâng, quần quại mạnh mẽ trên người Tâm. Chàng giữ chặt hai nắm tay nàng, căng thành hình chữ thập. Ngoài trời sấm sét lùng bùng. Gió. Ánh sáng từ thinh không loé lên từng chặp. Nhượng tưởng tượng ra khuôn mặt của chú Cửu. Ánh mắt đầy ghen tuông vào oán ghét đang tò mò nhìn qua lỗ khoá. Tia nhìn giúp Nhượng thêm tự mãn. Con thú đực hiên ngang ngạo nghễ phô trương nam tính. Thân thể chàng nhịp nhàng quấn lấy người con gái. Nhượng muốn cơn mưa hôm nay bất tận, làm thành cơn đại hồng thủy buổi đầu đời.

Ngày hôm sau Tâm cảm nặng. Tâm trách Nhượng, tại không chịu đóng cửa sổ. Những cánh cửa cuộc đời Nhượng đã khép, lại bị gió thổi tốc ra. Từ hiên ngoài, những giọt mưa hắt vào căn phòng tuổi trẻ chàng. Chiến tranh bắt đầu lan rộng như vết dầu loang bên ngoài thành phố. Trong đêm hỏa châu, Nhượng thường thức giấc bởi ánh sáng soi lửa vào phòng ngủ. Xa xa, tiếng đại bác chuyển mình gầm gừ như con thú dữ đang lồng lên đe dọa trước khi thực sự tấn công. Nhượng chỉ còn cách thủ thế để khỏi lao vào cuộc chiến đẫm máu, bằng việc học. Qua một kỳ thi. Xong một kỳ thi nữa. Nhượng phủi tay, lau những bụi phấn hoa niên bám trên áo, gỡ từng bông cỏ may sân trường bấu chặt ống quần. Chàng nhớ lại một chiều gió lộng vùng ngoại thành, dưới bóng mát của hàng dừa soi bóng bên con kinh nước trôi lặng lờ. Với Tâm.

Hôm ấy, Tâm mặc áo dài nội hoá màu vàng hoa cúc, nổi sáng những đường nét hồi văn. Hai tà ngắn, quần xa-teng trắng ống rộng. Tâm ngồi trong vòng ôm của Nhượng. Một tay chàng đặt trên ngực Tâm, bên trái, cảm thấy nhịp đập chơi vơi của trái tim. Buổi chiều rớt nắng chết đuối trên dòng nước đục. Lúc ngẩng lên, Nhượng bắt gặp một đàn dã điểu chấp chới thành hình chữ V lật úp. Nếu không có tiếng nước vỗ bờ lách tách, tiếng gió vuốt ve bụi lau sậy bờ bên kia, tiếng những lá dừa cọ vào nhau tình tứ, Nhượng đã nghĩ đó là một đoạn phim câm chiếu cảnh hoàng hôn ở miền rừng hoang Phi châu. Mà không, cũng có thể là một giấc mộng ngày khi tiềm thức đã no ứ hình ảnh, bắt buộc phải tuôn ra, bất luận thời gian.

Tâm níu bàn tay Nhượng đặt trên ngực, kéo xuống, chỉ lên trời:

— Chim gì đó anh ?

— Có lẽ vịt trời đã tới giờ bay về tổ.

Trả lời câu hỏi của Tâm xong, Nhượng ngước lên. Bầy vịt trời đã khuất sau một tàn dừa rậm lá. Chàng chợt thắc mắc, đàn vịt đang trên đường trở về tổ hay đang thiên di theo mùa? Bây giờ là sau mùa thi. Không lẽ, mỗi năm sau mùa thi, chim lại bay tới một

nơi khác. Trời đang rực nắng hay đã vàng lá ở "một nơi khác" đó? Nhượng bị ý nghĩ này quấy rầy mãi, kể từ hôm chàng nộp đơn du học. Trái tim và đầu óc Nhượng bị tù đày giam lỏng từ mười chín năm nay. Đời sống quanh đây tuy thân tình nhưng chật hẹp quá, lại đầy cạm bẫy. Vì vậy, Nhượng không khỏi bâng khuâng mỗi khi ngước nhìn lên khung trời trong xanh, bềnh bồng từng cụm mây trắng. Đi, Nhượng ơi, phải đi! Tìm một nơi có tuyết tháng mười hai. Có những ngọn nến soi ấm áp trong những khung cửa kính đêm giáng sinh. Và réo rắc tiếng nhạc chuông của cỗ xe nai băng qua cánh đồng tuyết phủ sáng lấp lánh dưới ánh trăng ngân nhũ. Đi, Nhượng ơi, phải đi! Một con mắt Nhượng reo vui. Con mắt kia lại nhỏ lệ nhớ thương. Tự dưng những hình ảnh thời thơ ấu hiện rõ mồn một trong trí óc chàng. Con công chết co quắp sau một đêm mưa lớn. Con chó nhỏ mang chứng bụng õng khi cậu bé Nhượng trở về lại sau một chuyến nghỉ hè xa, cuối cùng cũng chết. Những cây bông móng tay màu tím được bàn tay trẻ con nâng niu trồng xuống mảnh vườn phía trước nhà, bên cạnh hồ trồng súng nước trong vắt vào muà nắng, lật một dĩa lá lên, lũ cá kiểng hốt hoảng bơi xa... Và những buổi trưa tha thiết nằm bên Tâm trong căn phòng của Hiroshi. Ba cánh quạt trần quay chậm, biếng nhác mệt mỏi, thờ ơ hay đã bắt đầu chán ngán.

— ... Anh.

— Gì ?

— Bao giờ thì đi ?

— Tháng mười một.

— Thôi... đừng đi nữa !

Nhượng cười, những ngón tay tìm cách mở hàng nút bóp dưới nách Tâm. Tâm không phản đối, nhìn quanh quất. Không có ai ở chung quanh.

— Đâu có được. Đi vài năm rồi về.

— Vài năm là bao nhiêu ?

— Bốn hay năm năm gì đó, tùy theo...

— Còn tùy theo cái gì nữa ?

— Nhiều thứ ...

— Chán.

Bàn tay Nhượng đã tìm vào chỗ ẩn náu của trái tim Tâm. Chàng ấn xuống, bắt quả tang nhịp tim của đứa con gái đã vồn dập cuống quýt. Tâm ỡm ờ úp bàn tay lên năm ngón tò mò của Nhượng.

— Thôi anh !

Ngón tay Nhượng vấp váp, rồi dừng lại. Tâm nói thật khẽ:

— Em chỉ muốn nói, thôi đừng đi xa, ở đây học cho rồi.

Nhượng không biết phải nói gì, rút bàn tay ra, ôm Tâm thật

chặt.

— Để anh gia hạn ngày đi sang tháng mười hai vậy!

Không biết có phải đó là nỗi buồn thực sự khi Nhượng chợt nổi gai cùng mình. Hai mắt chàng cay sè, phải ngước lên để ngăn niềm cảm xúc dâng sóng. Lại thấy nhịp nhàng trên nền trời những cánh chim bay theo hình chữ V lật úp. Không biết chúng đang trên đường bay về tổ hay thiên di nhỉ, Nhượng lại tự hỏi.

*
* *

Trong những ngày còn lại với gia đình và Sài Gòn. Nhượng dong ruổi khắp mọi nơi, biến đôi mắt thành ống kính thu hình vào cuộn phim ký ức. Về nhộn nhịp xô bồ của đại lộ Đồng Khánh. Những đêm mưa bụi trước giờ giới nghiêm. Vườn cây êm rũ bóng mát ở miệt ngoài thành phố về phía Đông. Ngõ ngách chật hẹp của các khu xóm lao động. Và những buổi sáng chủ nhật đi ăn sáng với Hiroshi. Buổi chiều vào ngồi trong Rex hay vẩn vơ ngồi nghe những dĩa nhạc mới.

Tự nhiên, thỉnh thoảng tâm tư Nhượng lạnh toát, run lẩy bẩy. Chàng muốn la hét, muốn đập phá, muốn nổi loạn như một James Dean trong *"Rebel Without A Cause"*. Hay như Cal Trask gục xuống khóc lóc, van xin tình thương của người cha trong *"East Of Eden"*. Chao ơi, trong Nhượng vẫn còn đó nguyên vẹn những ước vọng kỳ lạ, gần như bất thường. Một khuôn mặt nào đầm thắm. Và đôi mắt buồn tha thiết của James Dean, của Marilyn Monroe. Cứ nhìn ánh mắt ấy, để thấy đời sống chỉ là ảo vọng trùng vây. Rất ngắn. Rất chật chội. Nát nhầu như tấm gương soi nứt rạn. Nhượng có những ý nghĩ này từ khi nào không biết, chỉ hay lúc chàng nhận thực được chúng thì tháng năm đã bắt đầu chia những khúc quanh, tách ra những ngã rẽ. Nét vô tư hồn nhiên của tuổi mới lớn đã mất. Xa Hiroshi và mối suy tư khắc khoải về sự có mặt của chú Cửu trong gia đình, những cái thắt gút vĩnh viễn không tháo được của đời người. Không còn những cuối tuần "bùm lậu". Không còn những giáng sinh ăn réveillon ở nhà bất kỳ một người bạn nào đó. Không còn những buổi chiều ngoài Cấp ngắm mặt trời lặn ngoài khơi xa. Mất cả những ngày hè Đà Lạt và tiếng chim én kêu hối hả trên mái nhà mỗi buổi sáng.

Nhượng xa Sài Gòn, xa Tâm vào một trưa nắng ngày cuối năm. Từ cái nóng ẩm thấp, Nhượng xuyên lục địa đi vào xứ lạnh. Đất lạ đón chàng bằng khung trời xám xịt và một cơn mưa tuyết. Cõi lòng Nhượng trống không, vụn vỡ tang thương những thành quách kỷ niệm. Chàng trôi theo dòng đời như dãy xe cộ ngược xuôi trên xa lộ chẳng chịt ngõ ra, lối vào. Mở mắt nhìn thời gian lùi dần vào vũng mô ký ức. Những bến tình cảm mà Nhượng đã ghé

qua, thiết tha hay hời hợt. Chàng đã đi trên những chặng đường nơi đây mà tâm tình vẫn còn gởi lại chốn nào rực nắng. Từ đó cho tới lúc đất nước đổi thay, Nhượng vẫn liên lạc thư từ đều đặn với Tâm. Thỉnh thoảng, sau ba tháng làm việc mùa hè, chàng mua ít quà tặng gởi về. Một dĩa nhạc *"The Best Of The Carpenters"*, một chiếc xắc tay bằng vải nhung xanh, quai gỗ để Tâm đựng sách vở cho giờ học thêm mỗi chiều và một cái áo T-Shirt trắng có hình những cành hoa cúc cánh nhỏ vàng tươi. Nhượng vẫn còn nhớ bao nhiêu đó... Cho tới một năm, tự dưng chàng cảm thấy hụt chân rớt xuống giữa đời sống. Gia đình Tâm phải đi về một vùng kinh tế mới nào đó, lâu lâu nàng mới có dịp trở lại Sài Gòn thăm những người quen, nhân tiện gởi vài dòng cho Nhượng. "... Anh ơi, em không có đạo, nhưng hôm qua em có vào nhà thờ để nguyện cầu Đức Mẹ ban ơn phúc cho anh, cho em và gia đình..." Nhượng mang theo những dòng chữ ấy sang trại tị nạn tên một hòn đảo ở Phi Luật Tân. Chàng tìm kiếm suốt hai năm dài làm việc thiện nguyện một khuôn mặt, một mái tóc, một mùi hương quen. Nhắm mắt lại quán tưởng, chúng hiện ra với toàn vẹn hình hài. Mở ra, tất cả đều biến mất. Nhượng đã sống chập chờn như thế một khoảng thời gian dài, với những trông ngóng vô vọng. Đợi một cái vuốt vai thân ái. Chờ một tiếng gọi thân thuộc, anh Nhượng, Tâm đây mà. Rồi ngày tháng qua đi, Nhượng vẫn mải miết đuổi theo bóng dáng ai chưa phai trong tâm thức.

Hai bàn tay Nhượng nắm lại, cố giữ những nụ cười và tiếng khóc buổi đầu xuân. Nhưng khi xoè ra, chàng chỉ còn thấy những đường chỉ tay chập chùng. Mất âm thanh nào rất huyên náo. Đâu rồi màu sắc tinh khôi của những ngày nhiệt đới. Vòm hoa giấy lung linh bên rèm cửa dần dần nhạt phai. Màu tím đổi sang hồng lợt lạt. Cuối cùng hoá thành màu trắng tha phương chơi vơi. Vẫn bãi tuyết này, ngày xưa Nhượng đã từng háo hức chiêm ngưỡng trên màn ảnh, giờ đây chỉ là một manh vải trắng lê thê buốt giá. Nhạt nhoà lấp liếm vào mảnh đời tê lạnh. Nhượng thèm có lại những buổi trưa với Tâm ở quê nhà. Cả đôi cú vọ của chú Cửu hay ngó chàng đầy ác cảm.

Cảm giác khi nằm úp người lên thân thể Tâm ấm áp, ánh mắt chau mày của chú Cửu, nụ cười lúm đồng tiền của Hiroshi vẫn bám lấy Nhượng như rượt đuổi. Chúng thoắt trở lại vỗ về ký ức chàng, nhảy múa chập chờn trên những dòng chữ khùng điên của người đàn bà nào đó cũng tên Tâm. Nét chữ màu xanh, nhỏ và nghiêng xéo như say rượu trên trang giấy học trò kẻ ô lớn.

" ... *Thầy ơi, người ta mới vừa đưa ba em lên chùa ở đó. Có xin tấm hình để cúng vong và hỏi ngày sinh tháng đẻ nữa mà em đâu có nhớ phải lục lại giấy tờ mới rõ. Trời đất, em tưởng ba vì*

tuổi già nên hay ngủ nào ngờ khi thấy ba ốm o gầy mòn mới kêu bác sĩ tới thì đã trễ chỉ còn có nước cho đem lên chùa. Em tưởng tượng chắc cái chết cũng nhẹ nhàng và dễ dàng vậy thôi như một giấc ngủ say nên khi ba chết em không có khóc nhiều chỉ buồn vì thiếu bàn tay ba gầy guộc ấm áp mà em thường ve vuốt mỗi khi em vào ngồi bên giường bệnh. Có hôm em cứ tưởng như mọi lần, buổi sáng vô phòng để hỏi thăm bệnh tình thì chỉ còn thấy cái giường phủ khăn trắng hếu tới lạnh người rồi em rùng mình nhớ lại là ba đã thí phát quy y chỉ còn lại trong phòng một chút mùi mỡ hôi quen thuộc mùi thuốc tây hăng hăng và dường như có cả mùi của một đời sống đã tàn lụn. Mùi thơm của một cánh hoa đang độ nở cũng đâu có giống mùi thơm lúc nó héo úa phải không thầy? Biết so sánh như vậy nên em bớt buồn bớt nhớ nhiều lắm... Ả mà dạo này sao em hay nghĩ về những kỷ niệm mơ hồ của ngày xưa ở quê mình dù chúng mờ nhạt quá như có ai lấy một tấm vải mùng bọc kín mà không chịu mở ra cho em coi để em cười vui một thoáng. Thầy ơi, nếu hôm nào thầy không có bận chuyện bừa bộn em mời thầy xuống nhà em chơi mà thầy nhớ cho biết trước để em kêu con gái đi chợ nấu cơm ngon đãi thầy cho tử tế...".

Nhượng cười, chợt cảm thấy đói bụng. Chàng vất tờ thư đọc dở lên bàn, xuống bếp mở tủ lạnh lấy hai quả trứng, hai khoanh bánh mì bỏ vào máy nướng. Bật lò, đặt chảo lên, chờ một chút Nhượng mới lấy dao xắn một thỏi bơ cho vào. Mùi bơ chảy bốc thơm lừng khiến cơn đói càng thêm nao nức. Căn nhà im lặng quá. Nhượng chạy ra phòng khách, vớ một dĩa nhạc nào đó bất kỳ bỏ vào máy rồi bật nút. Chàng vội vàng trở lại nhà bếp, đập trứng bỏ vào chảo bơ nóng... Trời ơi, lại Carpenters, lần này là *"A Song For You"... "I love you in a place where there's no space and time. I love you in my life, you are a friend of mine. And when my life is over, remember when we were together..."* Bàn tay Nhượng run lật bật cầm cái sạn chờn vờn trên hai quả trứng chiên. Vô ý thế nào, chàng làm vỡ lòng đỏ, một dòng nước sền sệt màu vàng ứa ra, gặp bơ nóng đông quánh lại tựa những giọt lệ hoá học"... *I know your image of me is what I hope to be. I've treated you unkindly but darlin' can't you see. There's no importance to me. Darlin' can't you please see through me...."* Nhượng cắn môi muốn toé máu, bàn tay cầm sạn ấn xuống một đường. Quả trứng vỡ làm hai, rồi làm ba, làm bốn và tan nát như từng mảnh vụn của tâm tình chàng. Nhượng bật khóc hồi nào không hay. Chàng tưởng tượng ra ánh mắt mênh mông u ẩn kỳ diệu của James Dean, cổ họng vang lên tiếng nấc nghẹn ngào. Nhượng mở nắp thùng rác, đổ úp chảo trứng vào rồi ngồi xuống bàn ăn, khóc ngon lành như một đứa trẻ.

*
* *

Con đường dẫn đến nhà người đàn bà tên Tâm nhỏ và thơ mộng. Vào mùa này, sau hàng dậu đã xanh lá, cây anh đào nhật-bản đơm nụ hồng chi chít. Những cây anh đào tây phương lại có bông trắng, nhỏ hơn những nụ hoa táo. Nhượng để ý thấy trên ban công, những chậu hoa bát tiên đã kết chùm màu xanh nhạt, lẫn với bụi anh thảo xoè cánh màu vàng cam mịn màng.

Nhượng nói với người bạn đi cùng ngồi bên cạnh:

— Dò giùm tao số nhà 49.

— Mới có 27 thôi, cứ thong thả lái thêm một đoạn.

Một cơn gió thốc qua, thổi những cánh anh đào rơi lả tả trên kính xe, vướng víu một đoạn rồi thờ ơ tản mạn ra hai bên. Tâm tư Nhượng trong phút chốc, như những nhánh hồng rơi rớt xuống chợn vợn. Ẻo lả nhẹ nhàng như cái đuôi của một con diều ngập ngừng trong gió thoảng.

Giọng người bạn thốt lên mừng rỡ :

— Số 49 đây rồi.

Nhượng ngừng xe lại, tắt máy, gài thắng tay. Chàng bước ra ngoài đất trời đang mênh mông vào xuân. Ngôi nhà mang số 49 có bốn tầng, tường vôi xám chia những khung kín ô vuông khép im lìm, bên trong những rèm cửa voan trắng thả rũ. Phía trước nhà có sân cỏ hẹp, cạnh bờ tường là luống đất trồng lẫn lộn uất kim hương với thu hải đường và phong lữ thảo màu sắc loè loẹt, gợi trong Nhượng một niềm hoan lạc không tên.

Nhượng cầm trên tay bó hoa cẩm chướng màu đỏ rực, men theo lối lát gạch đi vào. Người bạn đi cùng lầu bầu vô cớ:

— Ở chỗ gì mà tiêu điều thấy mẹ. Buồn chết được.

Nhượng dò tên trên hàng chuông bấm, ngón tay dừng lại ở chữ Nguyễn. Một hồi chuông vang lên từ một nơi rất xa, vọng thấp thỏm trong trí Nhượng tiếng kính coong của ngày xưa mỗi lần tới thăm Tâm. Âm thanh nhàn nhã trong vắt đó vẫn còn nguyên vẹn, chưa có đường nứt nào hằn dấu.

Chờ cánh cửa phát ra tiếng "xè", Nhượng mới đẩy vào. Cả hai bước vào trong. Hành lang thoảng mùi thịt chiên bơ, bữa ăn ngon trưa chủ nhật của những gia đình bản xứ.

Nhượng cất giọng bối rối :

— Ở tầng nào hả mày ?

— Lúc nãy mày bấm hàng chuông thứ mấy ?

—Trên cùng cả.

— Vậy thì tầng bốn.

Leo vừa tới nơi, hai người còn đang đứng thở thì một trong ba cánh cửa khép kín hé mở. Một khuôn mặt con gái ló nhìn, rồi từ từ khe cửa nới rộng vừa đủ cho thân hình mảnh dẻ lách ra đứng hẳn bên ngoài. Một nụ cười tươi tắn trên khuôn mặt đầm ấm.

Nhượng chết sững, phải tựa lưng vào tường vôi trắng. Bó hoa cầm trên tay rơi xuống, tưởng như những chòm hương thơm kỷ niệm đang khoan thai nhẹ nhàng từ một mõm đá lao xuống vực sâu, không cuống quýt, không hối hả, mà từ tốn tách ra những cánh hoa dĩ vãng đầy màu sắc xuân thì, bay tứ tán trong không gian mờ mịt mây khói. Chân Nhượng tê điếng, bủn rủn, muốn quỵ xuống. Chàng phải nẩy cong người để khỏi ngã gập... Chàng đã tìm cách gấp lại những trang lưu bút ngày xưa, chợt giây phút này, có những ngón tay hoài niệm đang mở tung ra. Những trang giấy chi chít nghìn dòng chữ mực tím bay phất phới như những cánh bướm xập xoè điệu múa dậy thì.

Tâm đây mà, Nhượng mấp máy đôi môi xám ngoét, nét mặt chàng tái nhợt mòn mỏi. Có phải Tâm đó không? Tâm của Sài Gòn yêu kiều đã mất. Những câu hỏi vang dội trong trí Nhượng, mở lớn ra những vòng âm thanh dao động. Nhưng không bật thành tiếng. Người bạn và cô con gái mở to mắt bàng hoàng nhìn Nhượng như đang chứng kiến một bi kịch câm. Người bạn chạy tới, quàng tay qua lưng Nhượng, hấp tấp hỏi:

— Sao vậy ? Trúng gió hả mày? Trời đất, người lạnh ngắt như nước đá rồi đây!

Rồi quay sang người con gái :

— Cô ơi... Mà tên cô là gì vậy?... Nhà có dầu nóng hay cái gì đó không?...

— ... Cháu tên Tuyền, con của bà Tâm đây... Để cháu vô nhà gọi má...

Nhượng bắt được loáng thoáng câu nói của đứa con gái. Hai tai chàng bỗng ù điếc. Trước mặt là tấm màn đen. Nhượng chậm chạp tiến tới, hai cánh tay dang rộng như muốn ôm vào lòng hình bóng của ngày xưa. Chàng đang dò dẫm từng bước chân trở vào lại bóng mát của chốn tâm tình ẩn náu.

NGÔ NGUYÊN DŨNG
(5-1988)

Ngô Nguyên Dũng

Mùa xanh vô cùng

trời biêng biếc và lá rất xanh
hoa mùa xuân nở vội trên cành
con nhện đỏ giăng sợi im lặng
treo mơ hồ vệt sáng long lanh

con kiến nhốt vùng xanh trong mắt
bò an nhiên dưới nắng một ngày
cọng râu nhỏ chứa nghìn biển rộng
đã mênh mông ngày tháng phai phai

trong thinh vắng có đôi cánh bướm
vướng trong hồn cây một tình yêu
và gió rắc lên từng âm điệu
hoa co mình rớt nhánh buồn hiu

sâu rất nhỏ cuộn người trong lá
ngủ bình yên giấc mộng sang mùa
thu lá đỏ phơi phơi mầu úa
phủ quanh đây lướt thướt chiều mưa

ong cánh bạc lạc qua khung cửa
đậu hồn nhiên trên vách tường vôi
đời chật hẹp lụn dần ánh lửa
đừng lao vào chốn tạm cùng tôi.

(18.4.88)

Tạ Chí Đại Trường

TIỀN ĐÚC ĐÀNG TRONG: PHƯƠNG DIỆN LOẠI HÌNH VÀ TƯƠNG QUAN LỊCH SỬ

I. Tiền, tiền đúc lại và vô khảo phẩm.
II. Vị thế tiền đúc ở Đàng Trong đối với toàn bộ tiền không khảo chứng được.
  1. Vô khảo tiền và tiền Việt.
  2. Tiền Việt Đàng Ngoài và Đàng Trong.
III. Tiền Đúc ở Đàng Trong và những căn cứ lịch sử, khoa học.
  1. Một ít suy luận tổng quát.
  2. Tiền ở Hà Tiên.
    a. An pháp nguyên bảo và Thái bình thông bảo.
    b. Các tiền khác của Hà Tiên.
  3. Tiền Thuận Hóa.
    a. Những biến đổi của việc sử dụng tiền trong bối cảnh cảnh của Đàng Trong.
    b. Tiền Thái bình.
    c. Tiền đúc lại từ mẫu của các triều đại.
    d. Tiền đúc lại xa cội nguồn hay lẫn lộn mơ hồ nguồn gốc.
  4. Tiền đồng đúc ở Đàng Trong, một truyền thống ngắn ngủi nhưng cũng bảo tồn được qua các phe phái đối lập.
  5. Tiền kẽm.

Phụ lục I : Một ít số liệu về kích thước và trọng lượng tiền
Phụ lục II : Niên biểu đối chiếu Nam Bắc phân tranh (thế kỷ XVII-XVIII).
Phụ lục hình ảnh : Hai cái *vỉ tiền*.

Dù không tiện nêu danh tính, chúng tôi vẫn thấy có bổn phận phải nói lời cám ơn nơi đây, những bạn hữu đã giúp chúng tôi đi tìm tiền các năm 1970 và về trước.

I. TIỀN, TIỀN ĐÚC LẠI và VÔ KHẢO PHẨM.

Không kể về thời xa xưa, các loại tiền đồng nhỏ vành tròn, lỗ vuông, trên mặt ghi niên hiệu các đời vua trị vì lúc phát hành, là thứ hóa tệ được sử dụng hàng ngày để trao đổi, không những ngay nơi xuất phát hình mẫu của nó là Trung Quốc mà còn lan ra đến những vùng chịu ảnh hưởng văn minh Trung Quốc và cả đến những vùng khác ở Đông Nam Á, trước khi người Tây Phương đến tước đoạt quyền uy chính trị của các chủ nhân trong vùng và đem áp đặt những khuôn mẫu tiền tệ của họ làm thay đổi truyền thống cũ.

Lúc đầu, hình dạng vành tròn lỗ vuông có vành gờ trong ngoài, trước sau được cố định với danh xưng một đơn vị trọng lượng, tiền "thù" (1/24 lượng) ghi ngay trên mặt tiền: ngũ thù nhiều và sống lâu dài nhất trong nhóm (khoảng 740 năm trước khi tiền Khai nguyên thay thế). Hình thức cố định vành tròn lỗ vuông này thành *khuôn mẫu chuẩn* kéo dài đến hơn 2.000 năm mãi đến thế kỷ XX và đồng Bảo Đại (1935?) (hình 1) có lẽ là phẩm loại xuất hiện sau chót -- xuất hiện với tính cách níu kéo quá khứ hơn là vì nhu cầu thực tế. Nhưng sự tiến triển về dấu hiệu trên mặt đồng tiền (chữ ghi trên đó là chính) cũng phải trải qua những biến đổi trước khi tìm ra hình thức được chấp nhận lâu dài nhất.

Đầu tiên, các ông vua chiếm độc quyền đúc tiền thấy cần có dấu vết quyền uy của mình nên cho kèm niên hiệu của mình trên các đồng *thù:* Hiếu Kiến *tứ thù* của Tống Hiếu Vũ đế (454-456) là đồng tiền ghi niên hiệu xưa nhất được biết. Nhưng trước khi niên hiệu độc chiếm vị trí ghi trên tiền thì ý thức tộc hệ cũng còn lấn áp ý thức cá nhân -- dù là cá nhân ở vị thế chủ tể. Các đồng tiền không phải là của một ông vua mà là của một dòng vua, là vật mang *quốc hiệu.* Cho nên, trong thế kỷ X có các đồng tiền Hán nguyên thông bảo, Đại Chu, Chu nguyên, Đại Tề, Đại Đường, Đường quốc... Tống nguyên thông bảo (và triều Tống có những đồng tiền khác tương tự mang tên Thánh Tống, Hoàng Tống, Đại Tống). Kiểu mẫu này sẽ lan tràn đến các vùng ngoại biên chịu ảnh hưởng Trung quốc, tất nhiên có sự cô đọng, dồn ép các hình thức đã từng xuất hiện ở Trung quốc: Triều Tiên có Đông Quốc thông bảo, Tam Hàn thông bảo với các tiền niên hiệu riêng, Việt Nam có tiền Thái Bình hưng bảo chữ *Đinh,* Thiên Phúc trấn bảo chữ *Lê,* tiền niên hiệu Đông A với chữ *Trần*...

Chúng ta sẽ không bàn tới các đơn vị tăng bội mà chỉ dừng lại ở đơn vị nhỏ nhất, người Trung quốc gọi là "tiểu bình tiền", đơn vị tính bằng "đồng" đã vẫn còn lưu dấu tới nay, dù trải qua hệ thống tiền tệ khác rồi. Chúng ta cũng không đả động tới cách tính đếm của các cấp bực đơn vị tương quan, đến vấn đề hệ thống cân lường xưa cũ, tính chính xác của nó, đến sự sử dụng trong thực tế của các đồng tiền... Đã có khá nhiều người Tây phương khi tiếp xúc với hệ thống cân lường,

tiền tệ này phải nhức đầu, kêu rêu vì tính phức tạp -- có thể nói là rối loạn của chúng. Vấn đề xét đến ở đây dừng lại phạm vi các tiểu bình tiền mà dân chúng trong sinh hoạt xưa cũ bình thường hầu như chỉ biết có nó, và ngay trong giao dịch lớn ở một mức độ nào đó, các tiểu bình tiền này cũng được sử dụng để làm vật trung gian trao đổi bắt buộc, dù chúng nặng nề, cồng kềnh.

Hãy nhìn qua một đồng tiền như thế. Tiền thông thường có cỡ đường kính 23-25mm. Có đường viền quanh mép ngoài và quanh lỗ vuông ở hai mặt – hầu như bắt buộc phải có ở mặt phải (trừ một số tiền "bán lượng" có trước tiền "thù"). Bởi vì trên mặt phải, phần đông nằm giữa 2 vành thường có ghi 4 chữ (1) trong đó hai chữ đầu thường là niên hiệu của ông vua đúc đồng tiền -- vào dịp lên ngôi, nhưng không hẳn lúc nào cũng thế. Hai chữ tiếp theo mang ý nghĩa "tiền", báu vật, của cải: nguyên bảo, trọng bảo... thường là thông bảo .

Bốn chữ như thế xếp trên mặt đồng tiền thứ tự theo hai lối: trên - dưới - phải - trái hay trên - phải - dưới - trái (sau đây sẽ gọi là đọc chéo - đọc vòng). Chính vì có 2 lối sắp xếp như thế mà các nhà khảo sát về tiền của khoa kim thạch học ngày xưa cứ tranh luận mãi xem nên đọc một đồng tiền thuộc loại "mạnh" là có tên Khai nguyên thông bảo (lối thứ nhất) hay Khai thông nguyên bảo (lối thứ hai), đọc cách nào cũng có nghĩa (hình 4). Từ đời Nguyên trở đi, và từ đó như trở thành qui ước nhất định, thứ tự thông thường là trên - dưới - phải - trái. Cũng vì đọc theo hai lối mà về sau có những mẫu tiền đúc lại, do tâm lý thời đại sai lạc đi, đã có những tên tiền hoặc vô nghĩa hoặc hay ho một cách quái gở

Ví dụ với đồng Tường Phù của niên hiệu (1008-1016) Tống Chân tông, ta có 2 loại nguyên bảo và thông bảo đọc vòng. Người sau đọc chéo sẽ thấy có các đồng Tường nguyên, Tường thông... phù bảo. Đồng Thiên Thánh nguyên bảo cũng của Tống sẽ thành Thiên nguyên thánh bảo; do đó, ta lại có thêm các chữ mới (phù, thánh) đi kèm với chữ bảo. Người ta sẽ đúc ra các đồng Tường nguyên thông bảo, Tường thông thánh bảo (hay Tường thánh thông bảo đọc vòng). Khi ghép cả hai chữ nguyên, thông vào tên một đồng tiền Tường phù gốc, thì tùy lúc hai chữ trên đổi cho nhau nơi hai vị trí *phải, dưới,* ta có đồng Tường nguyên thông bảo hay Tường thông nguyên bảo chỉ khác nhau ở cách đọc (vòng hay chéo) và chúng sẽ trùng tên nhau khi ta đọc chéo cho một loại rồi đọc vòng cho loại kia rồi ngược lại (Hình 2)

Sự lựa chọn cách đọc tên tiền có khi tùy thuộc vào một định kiến vì cấm kị hay phe phía... Một đồng tiền, các nhà nho xưa không chịu đọc là Chính pháp nguyên bảo vì sợ nghĩa "xui" của chữ chính pháp (xử trảm) mà chịu đọc chéo là Chính nguyên pháp bảo – may mắn thay lại đúng với chuỗi thân tộc của nó (2), bắt đầu từ đồng Chính Long nguyên bảo (vòng) của nhà Kim. Tiền Thiên phù nguyên bảo

được đọc vòng như thế (3) vì người ta cứ đinh ninh là của Lý Nhân tông với niên hiệu từ 1120- 1127. Và thói quen đọc chéo dễ gây ra lầm lạc trong danh hiệu tiền, không phải chỉ ở nơi những "tiểu dân vô tri" như các nhà cổ tiền học xưa rầy rà (4), mà các nhà nho cũng bị lôi cuốn theo thông tục đương thời mà gọi, ví dụ nhà nho nào đã viết cho Lê Hiến tông lệnh về tiền Nguyên thông năm 1745 (5). Đó chắc là các mẫu Nguyên Phong, Nguyên Hựu, Nguyên Phù thông bảo (đọc vòng) được đọc chéo – có thể với các đồng mới đúc lại, chứ đồng Nguyên thông thông bảo -- đọc kiểu nào cũng là Nguyên thông (Hình 3), là một đồng tiền hiếm, bây giờ đem đối chiếu thì thấy xưa hơn các đồng Cảnh Hưng nhiều -- mà cũng không phải là loại Nguyên thông Lê Quí Đôn nghe kể chuyện tiền "bay nhiều", "chốc lát hóa thành đất" năm 1737 (6)

Điều cần nói là sự phân tích theo khía cạnh duy lý trên không nhất thiết đặt ra điều kiện bắt buộc một loại tiền có tên theo lối suy diễn phải xuất hiện sau hay trước một loại tiền suy diễn khác. Bởi vì, thực tế đương thời lúc đúc tiền sẽ qui định sự lựa chọn một đường hướng.

Cùng là Hi nguyên, ở 2 miền Nam Bắc, chúng không bắt buộc phải xuất hiện đồng thời. Không hẳn là Thiên nguyên phù bảo phải ra đời sau Thiên nguyên thông bảo.

Nhân một vài chứng dẫn ở trên, ta thấy tiền đúc lại không phải lúc nào cũng là đúc trộm, là thứ "ngụy phẩm". Vấn đề phức tạp đến mức tưởng ta không thể bàn hết các biểu hiện của nó. Tiền đúc lại ngay trong đời vua đó không nói làm gì. Tên Khai nguyên thông bảo -- với ý nghĩa "mở ra một thời đại mới" là nhà Đường, bắt đầu cho loại tiền đúc năm 621 trong đời Đường Cao tổ, cũng được đúc lại năm 845 dưới đời Đường Vũ tông (841-846), được mượn dùng cho tiền của Đường Hậu chủ Lý Dực (961-975), tiền đất Mân (922) của Vương Thẩm Tri và cả đến tiền của Thái Bình Thiên Quốc ở nửa sau thế kỷ XX nữa! (Hình 4).

Tiền đúc lại chính thức là để có đơn vị trung gian trao đổi chen vào hệ thống tài chính đương thời. Bằng cớ rõ rệt thì ta chỉ mới gặp ở tờ sắc năm 1945 đã nói, xác nhận một cách gián tiếp: "Phàm những tiền Thái bình, Nguyên thông mới đúc... thì phải thông dụng." Tuy nhiên, dõi theo mục đích này thì ta lại gặp nhiều thứ tiền từ nhiều nguồn gốc với những mức độ hợp pháp khác nhau. Ta sẽ nói chuyện tiền Nhật đúc bán. Khuôn tiền đá ở núi Voi (Bắc Thái) (7) là bằng cớ của nhu cầu tiền thông dụng ở địa phương, ít ra là 1/4 cuối thế kỷ XI trở đi – tuy ta cũng không biết mức độ hợp pháp ra làm sao. Ở đây, thì không có sự cố gắng tạo giai phẩm hay dị phẩm, mà chỉ tạo ra tiền thông dụng, nhưng với một "ấn bản" mới mà nếu không tìm ra gốc tích thì nó phải bị liệt vào hạng "vô khảo phẩm".

Tiền không khảo cứu được, tiền không biết niên đại hình thành do rất nhiều nguyên nhân. Vì sự lệch lạc của thời đại, các từ sử dụng ở các thời kỳ đã qua không có nghĩa tương hợp với thời đại bây giờ, nhưng ta vẫn tạm dùng các chỉ định mang tính cách giai đoạn đó để tìm hiểu lý do mất lý lịch của chúng.

Trước hết, ta phải nói đến "tiền ngụy" là tiền niên hiệu, danh xưng của một tập đoàn, một triều đại đối kháng với nhà cầm quyền tự cho mình là chính thống. (Tuy nhiên, nhà Thanh chẳng hạn, cho tiền của dòng Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỉ... là tiền ngụy mà không dám gán điều ấy cho tiền Minh). Vấn đề khiến ta phải quan tâm vì tính chất khuất lấp, thiếu chính thống của những người mới nổi dậy không có thành công dài lâu, khiến tiền họ đúc không kịp được xác nhận rành rẽ, phải trở thành "tiền không biết niên đại". Nếu may ra, số lượng đúc được nhiều, còn lại nhiều thì nó cũng có hy vọng được suy đoán ra chủ nhân -- với tính xác tín mỏng manh hơn, nhưng cũng như đối với tiền các niên hiệu chính thống mà không được sử sách ghi rõ.(7 bis)

Có một thứ tiền được gọi là "ngụy phẩm" sản sinh từ nhu cầu sưu tập, tồn cổ. Và ở đây ta mới dùng được chữ "tiền giả" theo tính cách là người đương thời – và là người khảo cứu.

Ta biết, phong trào sưu tập tiền cổ không phải chỉ là của thời bấy giờ. Môn kim thạch học đã khiến cho người Trung Quốc làm tiền giả, ít ra là từ thời Tống (thế kỷ X-XIII) để giành mối lợi cá nhân cũng có mà cũng để khoe tài khéo léo, để thỏa mãn ý thức trả thù của tầng lớp thủ công đối với lớp sĩ phu, quan gia hợm chữ, huênh hoang kiến thức. Tất nhiên, thứ tiền giả như thế không phải chỉ là tiền đúc lại, mà có thể khắc lại, thêm bớt nét dựa vào một mẫu tiền cũ (tiền *ngũ thù* sửa thành tiền *tam thù).* Người làm giả lại đủ kiên nhẫn để không tiêu thụ ngay mà chôn lại dưới đất mươi, mươi lăm năm, mới đào lên tung ra thị trường. Cứ nghĩ các mẫu tiền như thế đã xuất hiện hàng ngàn năm nay! (8). Tài khéo léo, sự kiên nhẫn của con người đã lợi dụng thời gian phụ họa cho dối trá để củng cố uy tín, hay ít ra, tạo sự phân vân trong xét đoán, tức cũng là đã được nửa đường đi đến thành công.

Nhân dịp cũng nên nói đến các mẫu tiền đúc lại gần đây, ở Việt Nam để bán kỷ niệm cho du khách đến vì tò mò rồi sợ hãi vội vã ra đi, không kịp suy xét (Hình 5). Tiền giả cũng không kịp rủ rê thời gian phụ họa, và cũng lộ liễu đến mức không thể gọi là giả nữa (tiền có các khối ronde bosse cặp hình người trên nắp thạp Đào Thịnh), ai lầm được thì cứ lầm để rồi tự trách mình, nhưng đáng lưu ý là nó đã được đưa vào một quyển "khảo cứu" về "tiền Annam" với hình ảnh và ghi chú "late additions" (9).

Nhưng đó là các loại tiền giả của du hí. Tiền giả làm các nhà cầm

quyền xưa bối rối là các loại tiền đúc trộm -- dùng chữ "đạo chú" để giữ ý nghĩa thời đại, chính xác hơn chữ tiền giả bây giờ. A. Schroeder (từ đây xin viết tắc là A.S., 364) nhân cải chính Lý Tá Hiền, nhận rằng đó là chuyện của muôn đời, khắp chốn "ở Hi Lạp từ từ thời Solon, cũng như ở Trung Quốc trước công nguyên". Mùa đông năm 1419, chính quyền địa phương nhà Minh khám phá ra ổ đúc tiền lậu ở Xương Giang -- Bắc Ninh (A.S., 57) . Thuộc thế kỷ XVII, những tờ chiếu tháng 4 năm Vĩnh Thọ 5 (1662), tháng 8 Cảnh Trị 8 (1670), cho biết các năm về trước và đương thời có việc đúc tiền trộm và cuối thập kỷ 70 (Vĩnh Trị thứ 4, 1679) thì có lệnh hẳn hòi, riêng biệt: "lại lần nữa" về việc "cấm đúc trộm tiền đồng", tiếp ngay sau đó là lệnh cấm lựa chọn tiền, có chen vào việc bắt tiền lậu, trừng trị kẻ tiêu thụ, đúc trộm (10). Phía Đàng Trong thì có chứng cớ của Ngô Thế Lân, Lê Quí Đôn, cả người ngoại quốc – P. Poivre, về loại tiền kẽm ở đây. Và trong thế kỷ XIX, sử sách nhà Nguyễn đã ghi các ổ tiền giả ở biên giới Trung–Việt, và tiền đúc từ Trung Quốc lén lút đưa vào.

Thực ra, không phải kẻ đúc trộm tiền lúc nào cũng có cơ hội và điều kiện để thực hiện như mẫu đang lưu hành. Cuối thế kỷ XIX, A.S. (299) thấy rằng thợ đúc của nhà Nguyễn chỉ lấy được hơn 42% mẫu tiền đúng qui cách trên số lượng vào khuôn: một bộ khuôn có 1980 đơn vị chỉ thu được có 840 đồng tiền tốt. Ở Trung Quốc, người ta tính rằng chi phí đúc chiếm đến hơn 75% trị giá đồng tiền (11). cho nên kẻ đúc trộm phải làm tiền mỏng, pha tạp chất nhiều (giá vốn hạ vừa vì tạp chất chì, kẽm rẻ, vừa vì hỗn hợp có độ nung chảy thấp, dễ làm). Và lại cũng cần có thêm *cơ hội* thúc đẩy, do nhu cầu "đói tiền" của thời đại đưa đến. Nhu cầu này ngày xưa vốn là triền miên, nhưng cũng có những lúc thúc bách: ổ tiền giả ở Xương Giang (không biết mẫu sản xuất ra sao) ra đời vì sự cưỡng ép dùng tiền giấy của họ Hồ, vì chính quyền thu hồi tiền đồng, lớp cất trong kho, lớp chôn trong núi, nên đã làm giảm số lượng tiền lưu thông.

Sự hiện diện của người Tây phương ở Viễn Đông bắt đầu từ thế kỷ XVI, gây ra sự khích động giao thương liên vùng đến một mức độ mới khiến cho Đại Việt cũng bị lôi cuốn theo trào lưu và do đó trong thế kỷ XVII, XVIII thấy nổi lên nhu cầu tiền tệ cần cho sự lưu thông hàng hóa. Điều đó giải thích được lý do việc đúc tiền trộm đã nói ở Đàng Ngoài trước 1679 (mà chắc cũng không chấm dứt ở thời điểm này).

Tình trạng "đói tiền" như thế cũng xảy ra ở Đàng Trong lúc chúa Nguyễn cầm quyền ở đây. Ta không thấy có dấu vết việc đúc trộm tiền ở đây (trừ chuyện tiền kẽm -- và "không có dấu vết" không có nghĩa là không có). Chuyện nhà nước ở đây giải quyết bằng việc đúc tiền có lẽ cũng còn có điểm rõ rệt như tiền Lê của Đàng Ngoài, nếu Đàng Trong không ở vào một tình thế chính trị đặc biệt Xứ này phải chịu một tình

trạng tiền tệ rắc rối trội hơn những vùng khác và đã tác động ngược lại đến tình hình chính trị đương thời, nặng hay nhẹ cũng là một nguyên nhân làm suy sụp dòng họ cầm quyền.

Tiền ở Đàng Trong – trừ 2 danh hiệu, còn thì khuất lấp trong những tên có trước, có lộ ra với các tên kỳ dị thì cũng không cho thấy một chứng cớ đặc biệt nào nên chúng phải nhập vào mớ "vô khảo phẩm", để cho loại này tăng lên một cách hỗn độn, mặc sức cho người sau giải thích tùy theo kiến thức và nguồn tin họ thu nhận được. Nhưng cũng như ở bất cứ lãnh vực nào của kiến thức, cái không biết vẫn hàm chứa sự hấp dẫn lôi cuốn, tiền không khảo cứu được đòi hỏi được nhận diện, sắp xếp, dù rằng phần lớn chúng đều xấu xí, không đẹp mắt lắm.

II. VỊ THẾ TIỀN ĐÚC Ở ĐÀNG TRONG ĐỐI VỚI TOÀN BỘ TIỀN KHÔNG KHẢO CHỨNG ĐƯỢC.

1. Vô khảo tiền và tiền Việt.

A.S. (378-391) khi lập 4 trang liệt kê theo thứ tự abc "các tiền nhỏ của Annam, các tiền giả, tiền lầm lạc và tiền/ có nghĩa/ không rõ rệt" (monnaies mineures annamites, monnaies contrefaites, monnaies fausses et monnaies incertaines), trong đó bao gồm những tên ghi nhận từ các tác giả Trung Quốc, Nhật, đã than thở rằng ông ta đã lập một bảng tiền không khảo được "dài hơn của những người trước". Ông nhận rằng công việc tìm ra chủ nhân và thời đại của các loại tiền này thật là khó. "Các tài liệu đã đưa ra, cũng như sẽ nói đến về sau/ trong sách/ cho chúng tôi biết rằng một phần quá lớn chỉ là những giả thuyết của các người đi trước chúng ta mà chính họ cũng được thông báo một cách thiếu sót". Ông ước ao rằng "các nhà khảo cứu về sau may mắn hơn sẽ lục tìm được các biên niên sử, sẽ soi sáng được cái mù mờ hôm nay".

Điều ông mong mỏi, nếu xét riêng cho tiền Đàng trong, ít ra cũng có một trường hợp thực hiện ngay được: sử quan nhà Nguyễn không nói, nhưng nếu lục tìm *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quí Đôn thì biết chắc là đồng An pháp nguyên bảo được đúc ở Hà Tiên năm 1736. Ngay nếu lục tìm sử Việt thì sẽ không phủ nhận đồng Gia hưng (1797) với lý lẽ rằng người anh (em) cả của Tự Đức có Gia hưng công phủ, như vậy không hợp với thói tục kỵ húy (trang 71). Có đáng trách chăng là khi Désirée Lacroix (12)(Từ đây viết tắc là D.L) đưa ra niên đại mơ hồ của đồng An pháp (Minh thuộc 1417-1427) không nói rõ lý do thì Mathias Tchang (13)(từ đây viết tắc là M.T.) tiếp theo, rồi cho đến mãi ngày nay, các nhà khảo cổ học Việt Nam lại cứ bằng vào đó mà dùng để định niên đại di tích không chút gì thắc mắc!

Thực ra, dựa vào thư tịch cổ tiền học Đông Á mà suy nghĩ thì

cũng có thể giải quyết được một số vấn đề về hình loại, nguồn gốc. Tiền cổ Việt Nam nằm trong loại hình Trung Quốc nên có thể tìm thấy trong các cổ thư, các nghiên cứu ở Trung Quốc. Ví dụ, trong *Tuyền chí* của Hồng Tuân, bản thảo ghi năm 1149, in năm 1603 (14) đã có nhắc tới đồng Thái bình hưng bảo, đồng tiền đầu tiên của nước Việt (15). Nội trong các sách về cổ tiền học xuất hiện ở Trung Quốc, A.B. Coole đếm được 623 tựa đề, trong đó có quyển *Cổ tiền Đại từ điển* của Đinh Phúc Bảo được ông nồng nhiệt giới thiệu là "a *must* for anyone interested in studying numismaties in Chinese"(16)

Nhưng trông đợi ở sử quan, sử gia thì phạm vi tìm kiếm thật hạnh hẹp. Tất nhiên bám víu vào danh hiệu trên đồng tiền rồi lần mò xem có niên hiệu ông vua Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản nào đó để gán ghép thì tuy lầm lạc có thể rất xa, nhưng cũng là có nơi để bám víu. Không phải chỉ những nhà cổ tiền học Trung Quốc lầm lạc từ xưa, không phải chỉ D. L. lầm lạc với tiền Việt hồi đầu thế kỷ này mà bảng danh sách tiền trong *Niên biểu Việt nam* xuất hiện năm 1984 cũng vẫn còn dựa trên bám víu đó. Lầm lạc về tương quan niên hiệu và tên tiền khiến M. T. đem cả tên tiền cho trở thành niên hiệu hết !

Lối suy đoán đơn giản này dễ bị thực tế cải chính. Khảo cổ học thường dựa vào các đồng tiền cho là biết rõ thời đại để định niên đại một di chỉ. Nhưng hãy coi chừng các nhận định hấp tấp! Về sự sáng suốt này, có thể lấy kiểu mẫu nơi ông Giám đốc Viện Bảo tàng Mỹ thuật Đông Á ở Cologne: xét một bức tượng tìm ra ở Trung Á, ông cho là vào thế kỷ VII, nhưng thấy có đồng tiền Khai nguyên (tưởng là của niên hiệu Đường Huyền tông từ 713-741), ông giải quyết mâu thuẫn bằng cách cho tiền đến sau ngôi mộ, nhưng nếu ông biết rằng tiền Khai nguyên đúc lần đầu năm 621 như đã nói thì khỏi cần để độc giả có một ít thắc mắc vướng víu về luận cứ (17). D. L. (74-75) từng ngạc nhiên sao tiền có niên hiệu Hồng Vũ (1368-1398) được tác giả thấy lại chôn ở vùng ngoại ô gần Sàigòn, "làm sao nó có thể đến xứ này, xứ lúc bấy giờ còn là của đế quốc Khmer" thật mâu thuẫn với luận cứ của ông, rằng loại xấu này phải là của quan lại nhà Minh đúc vào đầu thế kỷ XV ở miền Bắc, (cho lính viễn chinh dùng). Tuy chắc chưa biết chuyện tiền Tống tiêu ở Nam Dương thời đoàn Magellan đi qua, tuy chưa biết chuyện tiền Đàng trong, nhưng ông cũng không chịu thấy rằng giả thuyết nếu mâu thuẫn với thực tế thì phải hủy bỏ đi, hay điều chỉnh lại.

Một đồng tiền "xuất thổ" khi mang tính chất mù mờ thì không thể định niên đại cho một lớp đất văn hóa mà lại phải nhờ lớp đất ấy định niên đại cho nó. Tất nhiên mọi kết luận đều cần phải tính đến tất cả các yếu tố có liên quan có thể nêu ra được.

Tiền -- nhất là vô khảo tiền, xuất hiện trong thư tịch ở những giai đoạn khác nhau cũng hé cho ta một vài yếu tố để tìm ra lý lịch của

chúng. A. S. tập trung chúng lại trong một bảng liệt kê chỉ khiến cho vấn đề thêm rắc rối, mù mờ thêm lan tràn. Và ở mục đích cố gắng tách biệt thời đại xuất hiện của các danh hiệu tiền, thì cách biên tập theo kiểu Á Đông đã đem lại ích lợi thiết thực một khi sách xưa ít khi còn nữa -- dù rằng người khảo cứu vẫn thấy khó chịu vì phải lý luận qua trung gian. Lối chép lại bản cũ rồi thêm lời bàn hay không "as a rule" (A. R. Coole) của Đinh Phúc Bảo cho ta một bản tiền vô khảo kết tập của Lý Tá Hiền (19) có sách in năm 1864, ông này dẫn Ông Nghi Tuyền (Thọ Bồi) (1790-1822), chưa kể tác giả này chép lại, ví dụ như của Trần Lai Hiếu (khoảng 1740-1780) chẳng hạn, nhưng thời điểm quả có ích cho chúng ta suy luận ở đây.

Bảng giá tiền ĐPB ghi giá trên thị trường vào các năm soạn sách để người sưu tập có căn cứ mà mua, lại cho ta một gợi ý khác: cho tới những năm cuối 30 của thế kỷ này mà tiền Đồng Khánh, Thành Thái thuộc cuối thế kỷ trước, giá còn rất cao. Vào lúc giao thương đã rộng mở rất nhiều thế mà mấy mươi năm sau tiền Việt còn hiếm ở sưu tập Trung Quốc thì các sưu tập cuối thế kỷ XVIII hẳn phải nhận tiền Việt thuộc về một thời kỳ lùi về trước khá nhiều hơn nữa.

Bảng tiền vô khảo của Việt Nam do Kim Phẩm Nguyên viết năm 1939 cuối sách *Đại từ điển,* tuy chưa kể hết vì "phẩm loại cực đa", nhưng so với bảng tiền vô khảo đã kể thì có thể lọc ra, bao gồm các tiền mới biết đến, *những tiền có thể là mới đúc* trong khoảng thời gian một thế kỷ cách biệt của hai bảng kê. Đó chỉ mới là nhận định mà không thể nêu bằng cớ rõ ràng. Duy có điều sự trùng hợp danh hiệu giữa các loại trong 2 bảng tiền, một chỉ rõ là của Việt Nam và một bao quát cả tiền Đông Á giúp ta rút ra kết luận:

— Xác định những đồng tiền Việt giữa các loại tiền Đông Á không khảo được:

— Xác định các tiền có danh hiệu trùng hợp này có thể xuất hiện khoảng cuối thế kỷ XVIII trở về trước.

Không nói đến chuyện Ông Nghi Tuyền đương thời chưa nhận ra tiền Vĩnh Thọ (1658-1662) Vĩnh Thịnh (1705-1719), Cảnh Hưng (1740-1786) là tiền Lê, các nhà cổ tiền học Trung Quốc cuối thế kỷ XVIII, đầu XIX, khi tả dạng tiền, xếp loại tương tự, đều cho ta thấy rằng tuy họ dùng chữ "tiền ngoại quốc" chừa chỗ cho một phạm vi suy đoán rộng rãi hơn, nhưng đều hàm ý để một vị thế khá lớn cho "tiền An Nam". Đối chiếu thêm với các bản dập được ghi là "An Nam đúc của ĐPB và với kinh nghiệm riêng, chúng tôi thấy:

— Trên bảng vô khảo tiền của Lý Tá Hiền, mục "tiền chưa dập bản được", có hơn 70% là tiền Việt (cả đồng lẫn kẽm) trong 52 mẫu được kể ra;

— Ở mục "tiền chưa thấy" (mà đã nghe nói?) thì tỷ lệ đó là 40%.

Tỷ lệ đó thấp có lẽ vì tiền ở đất Việt xa xôi không tới được nhiều. Huống nữa, loại tiền "mỏng, nhỏ, xấu xí" này không phải là đối

tượng của nhà sưu tập đồ cổ. Người ta thường chú trọng đến các *tên lạ*, nên ở bảng trên chỉ kể một vài đồng tiền Tống đúc lại thôi. Cộng thêm với tên ở các trích văn của ĐPB, lương tiền Việt còn nhiều hơn. Chúng tôi thấy rõ ở đấy có tả những mẫu tiền như D. L., A. S. và chúng tôi thu nhặt được, nhưng không có trong bảng kê của Lý Tá Hiền. Ở đây, quả có những đồng tiền niên hiệu của Đại Việt mà tác giả không biết vì thật khó kiếm như Thiên Tư thông bảo của Lý Cao tông, Chính Bình thông bảo của Trần Thái tông, Tuyên Hòa hựu bảo của Trần Thăng..., có lẽ cả Trùng Quang, Vĩnh Ninh... nhưng đồng thời cũng lọt vào danh sách những đồng tiền theo tác giả là khó kiếm, lại tương đối dễ thấy ở Miền Nam, nếu không nói là quá dễ...

2. *Tiền Việt Đàng Ngoài và Đàng Trong.*

Người ngoại quốc phân loại tiền ra từng quốc gia như thế là tạm đủ, nhưng đối với người trong nước, sự hiểu biết cần phải chi li hơn. Tiền từng khu vực, tiền từng thời đại rành rẽ giúp cho việc tìm hiểu lịch sử chính xác hơn không phải là điều đáng bàn luận nữa. Lấy ví dụ khuôn tiền đá ở Bắc Thái xuất hiện sớm nhất là ở 1/4 cuối thế kỷ XI với qui thức khuôn đúc từ Tần, Hán trong lúc nhà Tống đương thời đã có qui thức khác thể hiện trên các vật chứng tiền mẫu còn lại. Tiền xấu xí dễ bị nhà sưu tập chê, nhưng lại có ích cho sử gia, nhất là khi sách vở chỉ nhấn mạnh về các sự kiện chính trị, quân sự mà xao lãng phần kinh tế, tài chính như đã từng thấy.

Nhưng ở đây, sự phân biệt tiền Đàng trong, Đàng ngoài – đầu tiên là tiền đồng, trên các mẫu vật thu nhặt được có nhiều trở ngại. Tiền là vật trung gian trao đổi, và khuôn mẫu thông dụng như đã nói lại là thứ được chấp nhận trong cả vùng Á Đông, không phân biệt nước nào. Đàng trong, Đàng ngoài tách biệt trong 200 năm không phải là không có giao tiếp những khi ngưng chiến. Thời kỳ thống nhất sau lúc phân ly – hay sớm hơn, thời kỳ phá vỡ phân ly (1774-1802) khiến đồng tiền chan hòa trên cả hai miền làm cho sự xét đoán tiền thu nhặt hay từ trong đất ra khó có căn cứ vững chắc, chưa kể công việc lại không phải do những người có chuyên môn thực hiện.

Một lý do khiến người ta hờ hững với cổ tiền học Việt Nam là tiền Trung Quốc hiện diện quá nhiều nơi các tập họp tiền "xuất thổ", trong đó tiền Đường, Tống – nhất là Tống, trội hẳn lên. Lô tiền ở Quần ngựa Hà Nội hồi đầu thế kỷ có 37 đồng tiền Việt so với 22.295 đồng Trung Quốc (A. S., 373-375), trong đó khoảng 1/10 là tiền Đường, gần 9/10 là tiền Tống với đa số áp đảo là tiền Bắc Tống. Tiền Trung Quốc trên bản ảnh của sách *Văn Hóa Truyền thống Liễu Đôi (18),* tiền Trung Quốc trên các khai quật Nam, Bắc thời gần đây, tiền xa lạ với người đời nay dễ khiến người ta đưa ra các lò đúc trong làng...

Thực ra, số tiền nằm dưới đất để đem lại những mẫu niên hiệu Việt không có ghi trong sử sách để từ đó ta tách ra khỏi tiền Trung Quốc . Tiến lên bước nữa là tách chúng khỏi tiền Đàng Trong: Đàng ngoài về phương diện địa lý nằm trong khu vực cai trị của các triều đại Đại Việt có trước thế kỷ XVII nên chứa đựng tiền của các đời đó được sử dụng mãi đến sau này. Ví dụ khi phân biệt tiền Nguyên Phong Tống và Trần (Đường Thái tông có niên hiệu Nguyên Phong nhưng không có tiền), ta sẽ thấy các mẫu Nguyên phong đúc lại từ mẫu Trần hay Tống.

Những năm gần đây, trong các khai quật khảo cổ học ở miền Bắc, người ta bắt đầu chú trọng đến các đồng tiền hơn. Nhưng kết quả có thể mang lại nhiều mong đợi hơn nếu những nhà khảo cổ học bây giờ không phải là những người lạc đường vào cổ tiền học (19).

Trước nhất là vì không quan tâm đến cổ tiền nên sự thu hồi, bảo quản không có và sau đó có những liệt kê hờ hững về các mặt tiền còn thấy. Hàng vài chục kilô ở Hoa Lư (thập kỷ 60), kinh đô có dấu vết không chỉ của Đinh , Lê mà còn là Lý, Trần, hơn 70 kí tiền ở núi Thành (Nghệ Tĩnh - 1980) đi vào lò đúc y như thời của người dân Đàng trong trước Nguyễn Phúc Trú...

Cách thế đọc tên những đồng tiền và sự giải thích gán ghép thật là cưỡng đoạt: đồng đọc là Thiên Thánh, Thống Thụy được coi là của Lý Thái tông trong lúc niên hiệu của ông này được sử ghi là Thiên Thành, Thông Thụy -- y như D. L. đã đọc Thành Quan, Thạnh Đô vương Trịnh Trang từ Thánh Quan, Thanh Đô vương Trịnh Tráng (20). Bản văn không có hình kèm theo, nên người ta không thấy tiền đành phải theo học giả đọc: An pháp thông bảo, đọc tên những đồng tiền mà "chủ nhân và niên đại đúc còn rất bí mật": Trị nguyên phong bảo, Trị bình phong bảo, Duy chính thông bảo, tuy cũng có ngờ rằng đó là các đồng An pháp *nguyên* bảo (đọc vòng), *Thiệu* nguyên phong bảo, *Thiệu* bình phong bảo (Hình 21), *Ung* chính thông bảo (đọc chéo -- đồng tiền sau cùng là của Thanh Thế tông) (21). Còn đối với những đồng tiền trùng danh hiệu mà khác kiểu, nghĩa là của những thời đại khác nhau, không có hình thì cũng đành chịu thôi !

Cách giải thích không dựa vào việc đoán định trên vật có trước mắt mà lại thường theo D. L, của năm 1900 (như ta đã nói, ông này đã đoán định không cho biết căn cứ vào đâu, mà khi ta thấy được căn cứ lý luận của ông thì rõ ràng là rất sơ hở). Từ đó, các tác giả khảo sát mộ hợp chất thấy có đồng Thái bình thánh bảo do Lê Tương Dực đúc (theo D. L., 84, nên đưa ra luận điểm đảo lộn đầy tinh thần yêu nước là mộ hợp chất có sớm hơn thời Lê Trung hưng và riêng mộ thì thuộc một loại riêng biệt đáng quí trọng hơn các mộ cùng loại lại có chôn tiền Trung Quốc! (22).

Việc nghiên cứu có tính kỹ thuật -- bằng phương pháp phân tích

quang phổ, được đề ra như "một phương hướng... mới" theo đó các kết quả sẽ cho ta biết "tuy là cùng một thứ tiền nhưng có khả năng đã được đúc trong những vùng khác nhau... tuy là những vật đồng đại, nhưng có khả năng chúng đã được đúc vào những niên đại cụ thể khác nhau" (23). Nhưng trong một kết quả thí nghiệm cụ thể (24), thông tin về các mẫu đem làm thí nghiệm quá ít, mặt khác ta cũng không biết học giả đã lựa chọn chúng theo tiêu chuẩn đại diện nào -- điều này vốn là căn bản cho mọi cuộc thí nghiệm. Tuy vấn đề người nghiên cứu đưa ra nhằm mục đích chưa dễ đạt tới vì lộ ra ý tưởng chưa quan niệm hết tính chất phức tạp của nó, nhưng chúng tôi cũng sẽ sử dụng thành quả này trong mức có thể được.

Dù sao, những phát hiện khảo cổ học trên vùng đất một thời là Đàng Ngoài cũng đem lại cho chúng ta những danh hiệu tiền Việt cần thiết: An pháp nguyên bảo, Chính nguyên pháp bảo, Trị bình thánh bảo, nguyên bảo, Thái bình thánh bảo, Tường nguyên thông bảo, Thiệu phong nguyên bảo, bình bảo,... An pháp trong mộ Mường Thanh (25) Thái bình thánh bảo ở mộ Dương Xá, Hà Long (26), Thánh nguyên thông bảo ở núi Thành (27).

Ngoài ra, ta còn gặp tiền ở các mộ hợp chất được chăm chút khảo cứu kỹ.

Những tìm hiểu của chúng tôi trên các loại tiền dưới đất thuộc miền Nam đem lại những gợi ý cho riêng mình. Tất nhiên, như đã nói sự giao thương có thể đem lại xáo trộn về sự hiện diện (khắp nơi) của một đồng tiền "khu vực" như đồng An pháp chẳng hạn. Nhưng chênh mực về số lượng giữa các vùng khác nhau chắc vẫn còn. Những đồng tiền xưa như Hóa tuyền của Vương Mãng (9-20) có thể thấy thật xa về phía nam trong các kho tiền lớn của vua Chàm, và chúng tôi cũng nghe nói chúng có ở Tây nguyên làm tiền bùa. Nhưng tính theo một khoảng thời gian quan sát nhất định như trong khoảng 1955-75 thì các tiền đào dưới đất lên từ Huế trở vào thật khó có Hóa tuyền.

Thế mà người ta đã gặp chúng trong những khi rào ấp chiến lược giữ làng ở Trị Thiên trong các năm đầu 60. Ở Triệu Phong, Sịa, Truồi, ngoài Hóa tuyền, người ta còn gặp các tiền Đại Việt Đàng Ngoài, tiền niên hiệu hay không: Thiên Phúc (Lê), Đại Trị (Trần), Cảnh nguyên thông bảo, những mẫu tiền không dễ có trong các vùng phía nam xa hơn. Một kết luận sơ khởi nhưng có tác dụng suy đoán xa hơn: Đồng Cảnh nguyên (từ niên hiệu Cảnh Đức, Cảnh Hựu của Tống) là của Đàng Ngoài (Hình 6)(27 bis). Từ đó, quyết định gốc tích của các đồng Thiên nguyên (lớn), Chính nguyên (lớn), Thái nguyên thông bảo... Nhiều loại có thể xuất hiện trước thế kỷ XVII.

Kỹ thuật đúc xưa -- và cả sự tính toán chi li của người đúc, khiến tiền có xê xích chút ít trong từng loại, nhưng có thể gồm vào 2 cỡ: cỡ lớn khoảng 23-24mm đường kính và cỡ nhỏ 20-21mm. Như vậy, tiểu

bình tiền trở thành *tiền lớn* đối với loại *tiền nhỏ* khác mỏng hơn. Ta sẽ dùng 2 ý niệm này trong các phân tích về sau và để thêm ý niệm tương đối chính xác, chúng tôi đem vào đây một ít số liệu đo được (Phụ lục I).

Nếu xét về phương diện cỡ tiền thì Nam, Bắc gì cũng có 2 loại ấy. Tiền lớn thì trừ tiền gốc Trung Quốc ra, các tiền vua Việt (hay người tự cho có quyền chủ quản đất nước -- các lãnh tụ nổi loạn) cũng có thể nhận ra tương đối dễ dàng khi có mẫu từ trong đất để đối chiếu với những thứ đã được biết. A. De Rhodes cho ta một chi tiết quí báu về sự sử dụng 2 loại tiền ở Bắc Nam trong thế kỷ XVI và 1/2 đầu thế kỷ XVII.

"Những đồng tiền lưu hành ở *Tunquin* gồm có 2 loại lớn và nhỏ. Loại lớn được tiêu dùng khắp nơi trong xứ và phần lớn được mang vào do thương dân Trung Quốc và Nhật Bản hồi trước. Nhưng loại tiền nhỏ chỉ lưu hành ở Kinh đô và 4 tỉnh chung quanh và không dùng ở các tỉnh khác trong xứ; xứ *Cochinchine* cũng không dùng. Tiền này chắc là đem vào khi 4 tỉnh chính này cách biệt với các tỉnh khác bởi cuộc loạn mà tôi đã nói ở trên/ phân tranh Lê Mạc" (28).

Ở đây ta không bàn đến vấn đề phân biệt cổ tiền - sử tiền, tiền quí - tiền gián, tuy vấn đề đang bàn tới có dính dáng chút ít. Ghi nhận của A. De Rhodes cho biết tiền nhỏ lưu hành ở Thăng Long và 4 tỉnh chung quanh (Tứ trấn, Tứ chính: Sơn Tây, Sơn Nam, Hải Dương, Kinh Bắc), không dùng ở Thanh Nghệ và các xứ ở vòng ngoài bốn tỉnh trên. Tiền lớn thì lưu hành khắp nơi trong xứ không phân biệt. Lê Quí Đôn cho biết dân Nghệ gọi cổ tiền là thư tiền, *tiền cái, tiền to* (29) tức là nối ý A. De Rhodes. Ông này đến Hội An cuối 1624 đến tháng 3-1627 ra Thanh, năm 1630 bị trục xuất khỏi Miền Bắc, 1645 bị trục xuất hẳn từ Đàng Trong, từ các mốc thời gian ấy để đối chiếu với trích văn trên, ta thấy tiền nhỏ có bằng cớ lưu hành ở Đàng Ngoài trước 1630 - và chắc vẫn tiếp tục ở đấy; tiền nhỏ trước 1645 không thấy dùng ở Đàng Trong (nhưng lại có dấu vết sử dụng ở thế kỷ XVI như ta sẽ thấy). Có điều, ta không biết các tiền nhỏ ấy có danh hiệu gì, có tính chất thân xác ra làm sao.

Các công bố khai quật, như đã nói, không cho ta một giải đáp thỏa mãn. "Nhóm hiện vật ở núi Lạch Lăng (Hải Phòng)" có đồng An pháp, tuy là có chiếc rìu đồng kèm theo để dễ hấp tấp lôi về thời đại Đông Sơn, nhưng trong ấy lại có đồng Khải Định (1916-1925) cho nên cái hốc đá có chôn người ấy có lẽ mới bị lấp sớm nhất là vào đầu thế kỷ XX! Khu vực mộ Mường Vang chắc phải được tách ra các thời đại chôn khác nhau mà không dựa vào đồng An pháp, hay ít ra là đồng An pháp ở đó phải được đối chiếu trước với An pháp Hà Tiên chứ không nên chỉ tin ở D. L.

Trong một trường hợp khác, ta tưởng chừng như khảo cổ học

giúp ta nắm chắc được quê quán của một đồng tiền nhỏ. Nơi "Bảng thống kê (sơ bộ) những mộ hợp chất đã phát hiện ở Việt Nam" (30), ghi mộ Dân Lực của một bà phi do7ng họ Trịnh có chôn theo đồng Thái thánh thông bảo (đọc vòng). Không có mẫu vẽ, nhưng theo ta biết, chỉ có một thứ, cỡ nhỏ, chữ nguệch ngoạc (Hình 7). Nhưng chỉ dẫn nơi khác trong tạp chí, số nói trên cho biết mộ ở Thanh Hóa, gần đó có tấm bia niên hiệu Vĩnh Trị (1676-1680) của Lê Hi tông. Sử chép chuyện Thần tông (31) phải lấy thím dâu họ của mình là Trịnh Thị Ngọc Trúc mà lời nói đau khổ "Trót đã xong việc, lấy gượng vậy" không đủ lọt vào tai các gián thần ưa sỉ diện với danh giáo, quên thực tế. Bằng quyền lực, Trịnh Tráng đã thành công trong việc gả chồng cho đứa con gái lỡ làng của mình mà cũng thành công trong mưu đồ chính trị có đứa cháu ngoại sẽ làm vua: khi Thần tông chết, Hi tông còn ở trong bụng mẹ, mới 4 tháng (sinh 1663).

Vậy *nếu* tấm bia Vĩnh Trị có liên quan đến ngôi mộ Dân Lực thì ta có thể cho "bà phi người họ Trịnh" đó là Trịnh Thị Ngọc Trúc. Và căn cứ vào đoán định này, xét việc tiền Đàng Trong chỉ có thể bắt đầu đúc vào cuối thế kỷ, ta có thể cho đồng Thái thánh là tiền Miền Bắc, không biết chừng thuộc loại A. De Rhodes thấy. Nhưng vì mộ chưa được xác định rõ nên còn có điều phân vân.

Tiền phạm hàm mang ý nghĩa ma thuật, nên dù lúc bấy giờ hẳn không hiếm tiền Tống rõ, đẹp, người ta vẫn lựa đồng xấu xí này vì chữ "thánh" của nó mang theo. Cũng như ở mộ Dương Xá, đồng Thái bình thánh bảo chôn theo không phải vì người xưa bị lôi cuốn bởi tinh thần yêu nước mà loại bỏ tiền Trung Quốc. Tiền *Thánh* Tống, Thiên *Thánh* của Tống lại không đủ hàm ý bao quát như các danh hiệu trên! Huống hồ là vì tiền Đàng Trong, hiếm quí đối với Đàng Ngoài (ví dụ mộ khá xưa, nửa đầu thế kỷ XVIII chẳng hạn) nên tiền được chọn lựa (vì càng tăng giá trị "thánh" của nó lên).

Chúng ta hãy làm một cuộc suy luận tổng hợp từ các sự kiện địa lý, lịch sử khu vực và xuất phát từ chính bản thân các mẫu tiền để rút ra kết luận về tiền Đàng Ngoài trong tập hợp tiền Việt chưa khảo được cho đến nay. Tất nhiên từ lý do tài liệu cung ứng không kịp với đòi hỏi của phương pháp đề ra mà kết quả phải chịu mức độ chuẩn xác khá bấp bênh, nhưng không phải tất cả suy luận đều là vô ích. Luận cứ -- mà ảnh hưởng sẽ lan đến việc đoán định tiền Đàng Trong, sẽ được điều chỉnh khi có dữ kiện mới.

a. Đất Bắc có đồng -- tuy có những giai đoạn ngặt nghèo nhưng dù sao vẫn lấy được đồng ở các mỏ trong nước -- nên các tiền đúc không bị thúc bách phải là tiền mỏng, nhỏ. Các tiền lớn Hi nguyên, Thánh nguyên (nếu không tìm ra bằng cớ là của Hồ Quý Ly)... là gốc ở Miền Bắc. Các đồng Nguyên thông thông bảo, Phúc bình nguyên bảo, Huyền thông tuân bảo được các nhà cổ tiền học cho là "cổ kính" và

xét ra có dáng Bắc Tống rõ rệt, biết đâu không phải là xuất phát từ lò Xương Giang 1419 (nên nghi rằng đây là một lò đúc của người phương Bắc -- thành Xương Giang là đồn binh Minh)...

b. Vùng Trung châu sông Hồng có truyền thống đúc tiền lâu đời nên ngay các thợ đúc trộm cũng vẫn là tay lành nghề -- hoặc có khi họ dựa vào việc đúc cho nhà nước để lấy đồng pha chế thêm chì, thiếc... đúc riêng thủ lợi, như ta thấy trong lệnh cấm năm Vĩnh Thọ thứ 5 (1662): "Quan chức giữ việc đúc tiền phải răn bảo nghiêm nhặt những dân xã quen thạo nghề đúc tiền..."

Ta đã nhắc đến việc tiền Thái bình, Nguyên thông được công nhận là của nhà nước đúc trước năm 1745. Một vài đồng Thái bình sẽ được bàn sau, các đồng Nguyên Phong, Nguyên Hựu, Nguyên Phù thông bảo (nếu đọc chéo sẽ thành tên Nguyên thông) chắc là xuất hiện vào trường hợp này.

Một đồng tiền Tống đúc lại (Hình 8), có dáng là của năm 1787 và do quan xưởng đúc: đồng Thiệu Thánh nguyên bảo cố gắng giống với mẫu nhưng mặt sau có chữ "chính" trên lỗ là chữ ở mặt sau (dưới lỗ) của đồng Chiêu Thống mà A. S. (185) dựa vào văn tự xưa giải thích là "chính" viết tắt, tiền của Nguyễn Hữu Chỉnh đúc. Nên chú ý thêm là tiền mặt sau có chữ "chính" này chỉ có đồng Chiêu Thống (có thể Nguyễn Hữu Chỉnh sử dụng một chữ mới lấy ý nghĩa trung ương để luồn tên mình vào vì dưới đời Cảnh Hưng, muốn chỉ lò ở kinh đô thì dùng chữ "trung" hoặc chữ "kinh").

c. Một suy luận dựa trên khía cạnh tiêu cực: một anh hiệu tiền (tiền nhỏ cũng vậy) nếu ít thấy ở các lô tiền trong đất Miền Nam (với một chừng mực phong tỏa thời đại cần thiết rồi) thì có thể suy ra là tiền Đàng Ngoài. Tất nhiên là phải dè dặt -- như bất cứ lúc nào: đồng Hán nguyên nhỏ có 2 loại (Hình 9), loại *thông* bảo tương đối nhiều hơn loại *thánh* bảo có thể vì chữ thông gần mẫu cũ và thông dụng hơn; các tiền đúc lại bịa tên căn cứ trên tiền gốc cũng phải có giới hạn cho sự phóng tay, cho nên cả tiền Thái thánh thông bảo, Tường thánh thông bảo có thể nằm trong trường hợp có số lượng ít.

Đồng Vĩnh định thông bảo tuy có niên hiệu của Mạc Phúc nguyên nhưng không phải của ông này. Lập luận của chúng tôi khác với tác giả *Đông Á tiền chí* (32) vì thấy rằng nó không ở trong truyền thống tiền Mạc dù rằng chúng tôi cũng công nhận như tác giả trên là nó cùng loại với một loạt tiền khác (xét trên mẫu thực): Chính nguyên thông bảo (nhiều thứ), Khai kiến, Sùng minh. Vả lại, một ông vua đúc tiền niên hiệu của mình là đủ, sao lại đúc lan man, tản mạn như thế? Hầu như tất cả đều là tiền miền Bắc vì rất hiếm thấy ở Miền Nam (Hình 10)

Xem tiếp kỳ sau : Tiền đúc ở Đàng Trong và những căn cứ khoa học lịch sử.

PHẦN CƯỚC CHÚ CỦA BÀI

(1) Trừ phi ở các loại tiền cả 2 mặt không có dấu hiệu gì hết vì người thợ úp 2 khuôn trái vào với nhau. Chúng tôi biết có những đồng Quang Trung như thế và một đồng có thể là Thiệu nguyên phù bảo.

(2) A. Schroeder, Đại Nam hóa tệ đồ lục. Annam Etude numismatique, *Paris, 1905, 498*

(3) Ví dụ ở Niên biểu Việt Nam, *Hanoi, 1984, 133, phần của ông Đỗ Văn Ninh "Bảng tiền đồng Việt Nam qua các triều đại".*

(4) Đinh Phúc Bảo. Cổ tiền đại từ điển, *Đài Bắc, 1964, 414a*

(5) Phan Huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí, *Lưỡng thần Cao Nãi Quang dịch, phần* Quốc dung chí, *Sàigòn, 1957, 422-423*

(6) Kiến văn tiểu lục, *II, Đàm Duy Tạo dịch, Sàigòn, 1965 t. 370*

(7) Bản ảnh chụp lại trong Trần Quốc Vượng và ctv., Cơ sở khảo cổ học, *Hà Nội, 1978, 364.*

(7 bis) Trường hợp đồng Ninh dân thông bảo vẫn được các nhà cổ tiền học (vd. ĐPB III, 361b, V, 445) cho là thuộc loại không biết gốc tích. Chúng tôi nghĩ rằng đó là tiền của Nguyễn Tuyển người Ninh Xá cầm đầu cuộc nổi dậy chống chúa Trịnh năm 1740, dựng cờ 'Ninh dân' (Nguyễn Phan Quang, Khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nghiên cứu Lịch sử, *1984, số 6, tr. 56).*

(8) Đinh Phúc Bảo, I, 66a, 69a.

(9) Nói về quyển này, Arthur Bradden Coole (Encyclopedia of Chinese coins. *Vol. I.* A bibliography of Far Eastern numismatology and a coin index, *Denver, 1967, 345) nhắc đến một quyển sách của tác giả Bernard J. Pelmar* (Coins of the Annam — Việt Nam, *1963, Vol. I & 88pp, 75 plates) khác với tựa sách chúng tôi có* (Catalogue of Annam Coins — 968-1955, *Việt Nam, 1963, 71 trang roneo, 77 bản ảnh) nhưng nội dung được kể ra thì cũng giống như vậy, tuy không có tên thứ 2 của tác giả (Walter Loroski) và không có dấu hiệu bằng cớ sao, chụp từ A. Schroeder. Ở Sài gòn có một thoại về quyển sách này, khác với lời J. Pelmar phân trần với A. B. Coole, chắc không làm vui lòng tác giả mấy. Về phần chúng tôi, vì không có bản ảnh sách của A. S. nên đã mượn ở sách này để suy luận.*

Ông Đỗ Văn Ninh đã thông báo về chủ nhân lò đúc tiền giả này ("Những đồng tiền cổ giả tạo" trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978, *Hà Nội, 1979, 368-371). Nhưng cũng đừng nên vì sự lệch lạc của thời đại mà cho rằng mục đích của chủ nhân đã đạt được. Người sử dụng không phải chỉ là nhà cổ học -- dù là thoáng chốc, bị đánh lừa: loại tiền này được dùng trong trang trí nội thất, mang một hơi hướng hoài cổ trong giai đoạn các ngân hàng phát triển rầm rộ, được dùng theo phong trào ưa thích hình tượng porno. (tiền này đúc*

công phu, có một chừng mực mỹ thuật hơn), cả đến việc dùng làm vật nặng chặn giấy tờ...

(9 bis) Không thấy A.S. ghi xuất xứ trích dẫn. Nhưng đây có phải là ông muốn nói đến chuyện Lê Ngã (có đốt thành Xương giang) mà Toàn thư *ghi - trong đó có việc đúc tiền, vào 1/2 tháng sau năm 1420 hay không ? Nghi vấn không có giải đáp nên chúng tôi cứ theo ý của A.S. cho đây là một ổ tiền lậu.*

(10) Lê triều chiếu lệnh thiện chính, *Nguyễn sĩ Giác dịch, Sài gòn, 1961, 122-123, 144-145, 148-151.*

(11) W. Eberard. Histoire de la Chine. Paris, 1952, 219.

(12) Desiree Lacroix. Numismatique annamite, *Sài gòn, 1900, 77.*

(13) Mathias Tchang. Synchronismes chinois, *Chang hai, 1905, XL.*

(14) A. B. Coole, 24. Các dữ kiện về niên đại tác phẩm, thời đại tác giả đều lấy ở đây.

(15) Đinh Phúc Bảo, IV, 149b.

(16) A. BC. chỉ rằng (trang 49) sách in tại Thượng Hải năm 1938 qua năm 1939 in thêm phần "thập di" gom chung dưới tên Cổ tiền đại từ điển. Sách chúng tôi dùng cùng tên trên chắc là cùng nội dung của bản in năm 1939.

Có điều nên nói là một số hình tiền trong sách không phải từ mẫu thật, chụp ảnh hay dập, mà là mẫu vẽ, có lúc hình như bằng cả bút sắt. Xem đồng Hán nguyên thánh bảo và Thiên Đức nguyên bảo.

(17) Verner Speiser. Chine — Esprit et Société, *Paris, 1960, 112. Giá biết rằng tiền Khai nguyên còn được* đúc chính thức *vào thế kỉ IX, X thì ông còn biện minh nhiều hơn nữa! Lúc bấy giờ, ông* phải nhìn vào mẫu tiền, *nghĩa là không phải đi bên lề cổ tiền học. Lại còn chuyện tiền vẫn tiêu dùng hàng ngàn năm sau khi xuất hiện nữa!.*

(18) Đinh Phúc Bảo, V, 413b, 414ab. Danh sách này được ghi là từ Tiền hối. *A.B. Coole (39) nhắc rằng Đinh Phúc Bảo đã trích từ đây cả 100 lần và ngờ rằng đó là quyển* Tân chí *của Hồng văn An đời Bắc Tống (X-XII), nhưng không quả quyết lắm vì ông đã rời Trung quốc từ 1948 nên không kịp hỏi lại ĐPB. Tuy nhiên xét nội dung đoạn văn trích thì thấy có viện dẫn Ông Nghi Tuyền, trong khi đó, A.S. (360-364) cũng nói đến bảng kê của Lý Tá Hiền tác giả* Cổ tiền hối *1864. Cho nên có lẽ* Tiền hối *của ĐPB là* Cổ tiền hối, *quyển sách, theo nghe ngóng của A.B.C. được các cổ tiền gia của Trung quốc khen là đệ nhất đương thời.*

(18 bis) Bùi văn Cường-Nguyễn Tế Nhị Khảo sát Văn hoá Truyền thống Liễu Đôi, *Hà nội. 1981, 39?*

(19) Chúng tôi chỉ sử dụng các tập có trong tầm tay: Những phát kiến mới về khảo cổ học năm 1977-1978, 1980, 1982.

(20) Hồ Đức Thọ. "Phát hiện ngôi mộ đời Trần ở Thành thị" trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1977, *205. Chúng tôi theo một bản chữ Hán đọc là Thông thụy, nhưng* Niên biểu Việt Nam *vừa ghi Thông thụy (t. 57), vừa ghi Thống Thụy (t. 20). Cũng nên nói thêm là các bản in rất cẩu thả, chữ Pháp, chữ Anh không còn nghĩa đã đành mà tên Việt, năm tháng cũng loạn lên !*

(21) Trịnh Minh Hiên. "Nhóm hiện vật ở núi Lạch Lăng" trong Những phát hiện mới... năm 1977, *233-234. Giá như có hình đồng An pháp* thông *báo này !*

— Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Vinh Hùng. "Phát hiện một sưu tập tiền cổ ở Đa Tốn (Hà Nội)", Những phát hiện mới... năm 1982, *229-231. Về việc đọc "thiệu" ra "trị" xem ĐPB, IV. 631a.*

(22) Tống Duy Tín.— Nguyễn Thị Đơn. "Mộ hợp chất Dương Xá" trong Những phát hiện... năm 1978, *354-356.*

(23) Diệp Đình Hoa — Nguyễn Văn Bửu — Nguyễn Đăng Thăng. "Vấn đề hàm lượng trong tiền (? !) cổ"— Một phương hướng mới " trong Những phát hiện... năm 1982

(24) Diệp Đình Hoa. Thành phần hoá học trong một số loại tiền cổ qua nghiên cứu răng đồng, *trong* Những phát hiện năm 1980 ,169-171. *Mỗi chữ trên mặt tiền có khi viết theo mỗi lối khác nhau, thế mà tác giả thu gọn là "chữ thảo", "chữ lệ". Mẫu số 3 (Trị bình phong bảo), chúng tôi ngờ là Thiệu bình phong bảo (xem trước).*

(25) Phạm Quốc Quân. "Khai quật mộ Mường Thanh , Dũng Phong, Hà Sơn Bình" trong Những phát hiện... năm 1980, *234-236.*

(26) Phạm Như Hổ-Đặng Kim Ngọc. "Khai quật mộ hợp chất Hà Long (Thanh Hóa)" trong Những phát hiện... năm 1978, *356-359.*

(27) Bùi Thiết. "Thành cổ núi Thành (Nghệ Tĩnh)" trong Những phát hiện... năm 1982, *239-241.*

(27 bis) ĐPB, V, 404b dẫn ông Nghi Tuyền nói về một loại Cảnh nguyên như An pháp mà hơi lớn hơn, có chữ nguyên giống mẫu Đàng Trong. Sách không có hình loại này kèm theo, chúng tôi cũng không có mẫu nên khó suy đoán.

(28) Trích của A. Schroeder, 323, 324.

(29) Bản dịch Hà Nội (164, 241) dịch là tiền mái, *chú thích là "tiền xấu" không hiểu căn cứ vào đâu. Dịch là tiền cái sẽ cho thấy ý nghĩa tiền lớn, có giá trị và điều này thông suốt với ý tưởng Lê Quí Đôn chê dân Nghệ loại bỏ là "quá ngu". Ông đã chứng kiến việc dân chê tiền đồng lấy tiền kẽm mà không chịu hiểu vì sao họ bỏ tiền lớn.*

(30) Lê Xuân Diệm. — Đỗ Văn Ninh. Tạp chí Khảo cổ học *(12-1971) 11-12: 162.*

(31) Toàn thư, *IV, 1973, 255, 335.*

(32) Đinh Phúc Bảo, tập V, thập di, mục lục, 38b.

(Hình chụp những tiền cổ sẽ đăng trên các số tiếp)

Thường Quán

Đón Đêm Vào

Có phải bàn tay ngâm trong nước
Khi lùa trăng lạnh động lách lau
Vẫn giữ nguyên si hình với bóng
Cho dù đã nát mọi mầm đau!

Những mảnh sao bay vào vô tận
Mang trong lửa cháy ước mơ gì
Đêm xanh mắt đá buồn như ngọc
Bao nhiêu ngõ lạc vỡ lưu ly?

Khi gót quay đi màu son nụ
Sẽ nhạt về một góc biển nào
Những phố tắt đèn thu cúi mặt
Ôm bao chiều nắng để xanh xao?

Rừng lá chớm vàng mưa đã rụng
Tường câm mái nặng đón em vào
Giòng chữ nghiêng nghiêng nền giấy mực
Đêm dài hơn mộng để khát khao.

Đỗ Kh.

Hình chụp ở Đồng Đăng

Jeff bật người ra trên chiếc ghế bành đặt ngoài vườn, hai chân đạp vào thành cái bàn có cắm lọng, co đi duỗi lại:

— Ê, tụi mày ngưng lại, đừng làm tao hứng ẩu, ướt hết quần!

Y hét to, có người cười, nhưng hình như cười chuyện gì đó khác. Anh chàng mặt trắng như tài tử phim tàu bôi phấn làm như không nghe, vẫn tiếp tục ôm cô đào mùi mẫn. Người tình bé nhỏ dạng hai chân trên giày gót cao ra giữ tấn, chiếc váy mini bó chặt lằn mông co dãn theo tác động của bàn tay. *Black Fisnet/ Panthyhose!* Jeff sặc sụa mấy tiếng, chiếc ghế cuối cùng ngã ngửa, y dang tay sõng soài trên bãi cỏ không buồn dậy, mặc ngọn đèn rọi kiểu Malibu cắm dưới gốc dừa hắt vào khuôn mặt rũ rượi từng lọn tóc dài quăn. Cô gái ngồi ngay cạnh khúc khích mà không quay lại, bộ ngực 40D bần bật rung rinh.

Ngọn gió Santa Ana lùa thốc tháo.

— Thôi, cứ để nó nằm đó. Có người nói. Coi chừng nó dậy lại té xuống hồ bơi.

— Ở đây đâu có pool! Ai đó trả lời.

Hắn vẫn nhìn bộ ngực trầm bổng rồi từ từ ngưng hẳn lại. Thỉnh thoảng, một cái nấc còn sót lại làm chòng chành những thớ thịt phía trên không được nai nịt kỹ càng. Lúc nãy, có nghe Sue tự vỗ vào hông mà bảo "Đít bự như tao..." nhưng hắn không thấy nói gì về cặp vú, biết đâu người ta lại mặc cảm cái chuyện quá khổ đó. Dám đến 42 không. Không lẽ lại hỏi ê mày đeo nịt size bao nhiêu, hay là 46, cứ thắc mắc về con số. Cái thùng rác năm mươi gallons hôm nay dùng để chất đá và la de có vẻ chừng đã cạn, có người thọc tay vào mò mãi mới ra một chai Corona. Gió dữ quá, hắn đứng dậy bỏ vào trong nhà.

Seems it never rain in Southern California. Mà tại sao Philip Marlowe cứ phải bận áo mưa dựng cổ lên và đội mũ kéo vành xuống? Chỉ vì tại gió. Ở đây xa Mid-Wilshire West L.A., không có đèn néon xanh đỏ chớp nháy hình ly rượu có chân trước tiệm cocktail hay quán

Liquor, bao giấy rác bay trên mặt nhựa đường tróc vẩy trước lối ra vào các chung cư có phòng cho thuê tháng, có giường ghế sẵn và bao điện nước. Không có building dựng cổng tân hy-la, cửa kính ra vào kèm sắt tân gothic, Lobby trang trí tân ba tư ả rập và hành lang tân trang cổ phục hưng hay thoái hóa. Ở đây xa, chỉ cùng chung một ngọn gió mà ngay giờ trên Mid-Wilshire cũng chỉ rặt những khu phố thương mãi người Đại Hàn vừa mới nở, mái giả lợp ngói xanh bằng nhựa theo kiểu Á Đông. *Vẳng ra ngoài hành lang từ căn phòng nào đó tiếng radio khập khiểng của một điệu nhạc Jazz.* Không phải thế, bài hát, bây giờ, ở đây, từ compact disc âm thanh từng nốt digital mastered "gì đó... in Suburbia". Khu nhà riêng rẽ từng căn để ở, có thảm cỏ ở sân trước, vườn tược ở sân sau, circle drive ở cuối đường, no-where America. Đèn driveway tự động bật sáng khi chiều xuống, chuyện trinh thám của những năm tiền chiến chỉ còn sót lại trên vài tấm bảng cấm ở lối ra vào: "Neighborhood Watch". Ở chẳng phải vẽ hình Marlowe hai tay thọc túi so vai hay sao. Đêm nay lễ Maureen tốt nghiệp đại học, không có án mạng vừa mới hay là sắp sửa xảy ra, hắn bước vào nhà trong, không mặc trench coat nên trong túi áo phải bàn tay thọc vào không siết khẩu súng nòng ngắn xi kền có bá nhỏ bằng xa cừ cẩn hoa. *Suburbia*. Ê, Chandler, chỉ chung nhau một ngọn gió Santa Ana.

*

* *

Lễ mãn khóa ra trường thường chỉ mời được hai lứa bạn. Lứa ở trên, đã học xong, đi làm và lứa ở dưới vẫn còn đang dùi mài B.A., B.S. Dĩ nhiên, những bạn học chung lớp, chung năm, cùng tốt nghiệp thành tài thì tối nay ai cũng có party riêng mở tại nhà, làm sao mà đến chơi được với nhau. Cái đám bạn Maureen ở bên trong thuộc vào phe lớn tuổi hơn nàng, chững chạc ngồi phòng khách có vẻ bàn tán con đường công danh sự nghiệp, tình trạng cũ trong văn học nghệ thuật và ý thức mới việc khai thuế lợi tức có nên mua bán nhà. Bọn trẻ ngoài hiên thì ôm nhau rờ mó, hát hỏng theo điệu nhạc lời ca, gọi là hai thế hệ khác nhau cũng được. Cách nhau vài tuổi, lúc tao đã có bằng, mượn được Station wagon của mẹ tối chở đào vào rạp drive-in nó còn đi xe đạp gắn hình Batman, lúc tao vào Cal State (Fullerton) nó vẫn còn ở (Placentia) Junior High. Giờ, thỉnh thoảng, tao vẫn phải đi mua bia hộ để tụi nó uống chiều thứ sáu ấy mà. Hai thế hệ, chỉ một cách tương đối. Bốn mươi, năm mươi năm nữa, ai nấy cũng một cái motor-home lái vào national park để xài tiền hưu phây phả như nhau thôi. Hắn đứng nghe The Pet Shop Boys, ngắm hết cô giò dài đeo kính đang khép nép lại đùi đến cô tóc đỏ tàn nhang đang ngồi kéo lại vạt áo. Lơ lửng giữa đàng, hắn phủi vội cái gạt tàn vừa làm rơi trên tấm thảm bàn bi-da, tựa đít vào, gắng nhớ lại tên từng người lúc vừa giới thiệu.

Bọn này trấn đóng bộ salon kỹ quá , nhìn ngang ngửa chẳng có chỗ nào để mà chen vào.

— Mày ở ngoại quốc sang phải không?

Anh hỏi câu này vừa đứng lên lại gần hắn để xã giao hay là tại hắn là chặng bắt buộc của đoạn đường từ bộ ghế đến cái thùng rác ngoài kia đựng rượu. Không, người ta tử tế, chai wine cooler trên tay còn quá nửa.

— Ừ, tao sang đây được vài tháng.

— Đằng kia cũng có một thằng người Anh. Nó ở miệt Bắc Luân Đôn.

Hắn nhìn theo tay chỉ, ờ, cái quần xếp pli coi cũng có vẻ Luân Đôn mà hồi nãy mình không để ý. Ở đây, gặp chỉ những người đi xa nhất trong đời là đến Los Angeles. Hỏi ai hôm nay cũng trả lời: "Tao là người Anaheim", hình như nếu sinh đẻ ra ở Brea đã là exotic khác người rồi. Ở quê hương của Disneyland, nếu có hỏi "Mày có đi đâu chơi không?" thì lại trả lời "Có, lúc bé tao theo bố mẹ sang tận Florida nghỉ hè, ở Orlando, Disneyworld, mày biết không?" Nhiều khi chỉ một lần ranh county thôi cũng đã ghê gớm, bên đó, tụi nó có "gang", có cả drive by shooting, giờ lan đến tận Buena Park rồi. L.A. là bên kia, nhắc đến vừa ái ngại vừa hấp dẫn. Hollywood, có người nói đến mơ màng trong ánh mắt. Đĩ đực ở Santa Monica một lần dọn nhà hộ ai, Universal Studio năm nào theo trường đi thăm. Chỉ ba mươi dặm, hơn hai mươi năm đầu của cuộc đời đi hoài không tới nổi, không biết ngày xưa, đời ông cụ hắn, từ Hải hậu đến Lạc quần chắc cũng chẳng được xa hơn.

— Tao cũng đi đó đây ngoài nước nhiều rồi, anh này tiếp, lúc trong Marines tao có đóng ở Germany.

Frank vào khoảng trên hai dưới ba mươi tuổi gì đó, có lẽ nhìn thấy trẻ hơn là tuổi thật, tóc húi hai bên, ở giữa một lọn tém chải ngược, coi sạch nước cản. Người Mỹ điển hình, đẹp trai, khoẻ mạnh. Ừ, com-lê chỉnh tề, có thắt cà-vạt hẳn hoi tuy com-lê loại thời trang bằng vải bóng, vạt chéo hai nút chỉ ngắn ngang đến lưng như áo spencer, tay ngoài xắn lên đến khuỷu và cà vạt là sợi dây da như dây buộc giày được giữ trên cổ bằng một đồng tiền bạc có đầu người da đỏ. Semper Fi. Hắn nhớ lại trong đầu những thành phố trấn đóng Tây Đức, Bitburg rầm rì tiếng phản lực cơ, chị em đón khách ngoài Frankfurt am Main, bar uống rượu dành cho quân nhân Mỹ, Blue Hawaii với lại Miami. Hành quân phối hợp Nato, xe tăng từng đoàn kẹt đường xa lộ. Autobahn, Mercedes, VW, và M1 Abrahms nối đuôi nhau. Xe quân cảnh có gắn đại liên M-60 hú còi trong thành phố, Military Police, Curfew, Off-limits, một người Đức đơn thân biểu tình phản chiến, bò dã chiến giữa nơi qua lại trong bộ đồ trận hóa trang có cả nón sắt, băng qua đường trên khuỷu tay và đầu gối trước

những mũi xe bị cảnh sát đến xốc nách lê sền sệt lên xe ca miệng vẫn hô hào giễu cợt, hay là thảm thiết, có thảm thiết, mỗi một tiếng còn âm vang: "Deutschland!".

Deutschland vào mùa thu, có công viên lá vàng, vài người cởi truồng nằm phơi nắng, hàng ngàn bước chân lạ nhởn nhơ giày đinh, giày gót cao, giày vernis, giày chạy bộ, giày đá banh trên phố và tiếng gọi vọng từ phòng gương lịch sử của điện Versailles "Deutschland". Bismarck, polizei. Métro-Plizei và Fritz Lang.

— Mày có đóng ở bên Đức hả? *Bước chân ngỗng vào giờ đổi gác bên kia cổng Brandenburg*. Có bao giờ đến Gottingen chưa?

Gottingen thơ mộng hơn. Frank trả lời:

— Không. Tao có sang Ai cập chơi một lần.

Fort Quantico, Virginia, Camp Lejeune, North Carolina. Lại còn cả Ai cập.

Ai cập.

Người Ai cập, sống dưới một thời tiết cá biệt, bên một giòng sông tính chất rõ ràng khác hẳn mọi giòng sông khác, nên tập quán và nguyên tắc, về hầu hết mọi mặt, đều ngược lại với những dân tộc lạ.

— Tao chưa bao giờ được sang Ai cập.

Hắn thú với Frank, trong đó có gì ước ao và khao khát. Herodote, Strabon, không, hình như Strabon chỉ nói có chuyện Ethiopia thôi thì phải, vệ sĩ Mamluk, Nã Phá Luân từ trên Kim tự tháp này bốn mươi thế kỷ, giòng Nil, thác nước thứ nhất, nhì, Mohamad Ali, Chéops, Gizeh và vua Farouk. Vua Farouk ngày 26 tháng 7, 1952 lên du thuyền Mahroussa mang theo hai trăm va li hành lý để vượt biên sang Ý Đại Lợi định cư, lúc ra đi ký tên vào tờ giấy thoái vị, run rẩy không rõ nét lại còn đánh vần sai tên mình bằng chữ Ả rập (Thế thì Ali Jinnah lúc đọc tuyên ngôn độc lập Hồi quốc hô chữ "Pakistan zindabad" tức là Hồi quốc muôn năm mà lại không đúng giọng bản xứ làm nhiều người tưởng ông nói tiếng Anh "Pakistan is in the bag", đã có sao. Nhưng chuyện này chẳng ăn nhập gì, độc thoại nội tâm và giòng suối ý thức, OK, nhưng vừa vừa thôi, chuyện này chỉ ăn nhập có tí ti.) Rồi, vua Farouk lúc ra đi, chua xót một câu: "Trên thế giới, có lẽ sẽ chỉ còn được năm vua. Bốn vua cơ, rô, chuồn, bích và vua Anh Cát Lợi". Thế mà Già này lúc chết cũng có người mang xác về lén lút dúi vào cái lăng nào đó ở ngoại ô thành Caire.

— Mày có ở Cairo? Hắn hỏi.

— Tao ở Cairo mấy ngày.

Ali Kahira và những Ghanem của truyện Naguib Mahfouz. Tản bộ ở đường Kasr el Nil để véo đít đàn bà qua lại. Ra bờ sông picnic vào ngày lễ Sham el Nessim đầu mùa xuân, lúc gió Khamsin sắp sửa năm mươi ngày liên tục mang bụi đỏ vào thành phố mờ mờ ảo ảo.

-- Nói thật với mày, có mấy bữa mà tao thất vọng. Tao tưởng phải có lạc đà mà kiếm mãi chẳng đâu thấy, Cairo đường xá bé xíu, người đông chui rúc mà không đâu có lạc đà.

Anh này phải tội coi phim Mỹ. Ai cập phải có lạc đà và du mục Bedouin đầu quấn khăn Tarha. Hắn nhớ lại rạp Louxor trước trạm Métro Barbès ở Paris, ngày cuối tuần có những cặp tình nhân Bắc Phi dè dặt, lễ độ nắm tay nhau vào xem phim Ai cập không có phụ đề. Cairo, Hồ Ly Vọng của miền cận đông. Farid Chaoui quái kiệt linh thiêng của màn ảnh bạc, Faten Hamama, nữ hoàng rực rỡ của phòng tối Ả rập, Samir Sabri, đệ nhất anh tài của hình ảnh kéo đuôi nhau hai mươi bốn cái một giây. Phim nào mà tụ được cả ba thì hết xẩy, nếu chẳng may có thêm tiếng đàn của Omar Khorchid trắc trở điệu "Love Story" hòa âm ả rập hóa thì khóc không đủ nước mắt. Cairo ngày nay, làm gì có lạc đà, chỉ có thiếu phụ (Faten) bị ông chồng phú thương (Farid) ruồng rẫy nức nở trong vòng tay vô tình của một đại tá trẻ đầy chiến công của quân lực quốc gia Ai cập (Samir) lại đã lỡ hứa hẹn đắng cay với cô con gái riêng của ông phú thương kia. Không cần éo le vào chi tiết cũng biết đại để là làm sao mà có lạc đà ,hai bướu hay một bướu. Cairo ngày nay:

— Tao không hiểu tại sao cũng có dinh điền rộng lớn, đất đai, mà người ta phải chen lấn chật chội xen kẽ, người ở nhà này nói, hàng xóm bên kia nghe. Frank tiếp. Cũng lạ đời. Mà chẳng có gì vui hết. Tao chán quá, rủ thằng bạn lấy xe ra đường chạy speeding cho khuây khoả, mày biết không, bị cảnh sát chụp ngay. Cảnh sát bên đó nói tiếng Anh rất dở, tao nghe không hiểu, mà tao nói tiếng *Anh* cũng dở nữa, nó nghe cũng không hiểu nốt. Thế là về bóp, mãi mới có người đến bail out. Tao ở Cairo, lạc đà đã không được thấy, mẹ, còn phải ngồi tù. Tao nói với mấy thằng cảnh sát tụi nó: Ê, tôi không có hiểu nhe, anh biết không, tôi là giống gì, tôi là dân trượt sóng California.

Hắn lặng nhìn Frank lại từ đầu đến chân. California surfer. Dưới bộ quần áo party óng ả chắc anh này cũng vai u thịt bắp, người ăn nắng, thân hình vòi vọi. Có thể một lúc vừa cặp ghế dài xếp, vừa ôm board trượt nước, vừa xách thùng giữ đá, vừa cầm portable stereo để mà lững thững cười với gái ở trên bãi Huntington. Tự nhiên hắn nghĩ đến những bà cô, bà bác của hắn ở ngoại quốc, dĩ nhiên chẳng bao giờ mặc quần đùi đeo kính mát mà chuyên mặc quần lĩnh, đeo kính lão. Những cụ này đã vào lứa tuổi thường khai gian tuổi lên, chứ không phải là bớt tuổi xuống, ưa buôn phiền nhưng lúc buồn không ra xe gắn radar detector để chạy Freeway tám chín chục mile hay uống la-de nằm bờ biển, thường chỉ ngồi bếp co hai chân lên ghế vò đầu cho rụng nốt mất cái tóc loe hoe còn lại. Nhưng cũng chẳng khác Frank mấy. Nếu có sang chơi Ai cập về kể lại, hắn tưởng nghe cũng phải giống chuyện của Frank. Nhiều khi dám còn có cả màn ra phố bù lu bù loa bị

cảnh sát bắt mang về bóp và cũng cãi:

— Ê, tôi không hiểu nhe, anh biết không, tôi là giống gì, tôi là dân trượt cá chợ Trần Quốc Toản.

Điều đó làm hắn an ủi hẳn. Người ta ưa than phiền những khoảng cách văn hóa với lại ngăn chia thế hệ. Có gì đâu, bà cụ tỵ nạn và anh chàng beach boy, chỉ cần đặt Cairo trước hai người là thái độ và phản ứng đồng nhất ngay. Có điểm (tựa) tựa chứ. Herodote đã bảo tại người Ai cập chẳng giống người nào cả, đàn bà đái đứng, đàn ông đái ngồi. Bao giờ được đọc "Du Ký Ai cập của các bà bác tôi và anh thủy quân lục chiến Mỹ". Nhưng chắc không cần phải Ai cập hay Cairo. Gì cũng được, Zanzibar, Tequlcigalpa, Nouattchok, Curacao.

*

* *

Hắn bước lại gần giá đựng sách. Bách Khoa Thế Giới, Grosser xuất bản, ấn hành 1963. Loại sách này, giờ vô khối ở những tiệm đồ cũ Goodwill, Thrift Store, người ta khuân ra thí lúc dọn nhà. 1963, Maureen chưa chào đời, có lẽ quà đám cưới của bố mẹ rồi để đó, chẳng ai nhàn rỗi để mà đọc. Hắn ghé một mắt nhìn ra vườn để kiếm nàng. Thấp thoáng trong một góc gần bụi, một đôi chân con gái mang vớ đến ngang đùi, màu đen nên không thấy rõ, chỉ thấy ẩn hiện khoảng thịt trần trắng ở khúc trên. Cặp giò co lên trên thảm cỏ, dạng ra, có ai nằm ở giữa đè lên. Để lát ra xem, hắn cười, ở phía ngoài loạn rồi, đầu này anh tài tử lúc nãy vẫn ôm giai nhân nút lưỡi, bàn tay không còn sờ soạng ở giữa đùi mà kéo hẳn cái váy chật lên phía bụng, du dương đặt lên cặp mông nhuyễn màu ngà, vớ chân—quần lót một mảnh. Không thấy Maureen ở đâu, là cặp đùi nào, tội nghiệp đứa em trai trong nhà hì hục mấy két bia và bao đá cục chất tiếp vào cái thùng rác đựng. Giờ có phải lúc ra tìm Sue hỏi về bộ ngực lớn bầu, hai bên ôm lấy nhau như khít lại, tìm mãi không thấy lằn chia giữa. Hắn lật quyển sách về Nam Á Châu và Đông Nam Á Châu tìm tiết mục Việt Nam xem ảnh. Angkor, đầu Bayon, vũ điệu Lào, người Thượng cỡi voi và uống chum. Có tấm hình chụp ở Đồng Đăng đã cũ, cũ hơn 1963, hẳn là vào thời Pháp thuộc.

Trên tường ngang của một căn nhà vài ba từng đặt ở ngã tư có hàng chữ kẻ thật lớn "Visitez Đồng Đăng" bên cạnh hình vẽ một anh Tây viễn chinh đeo súng, nét vẽ như hí họa của con chuột Mickey của Disney—làm sao thoát khỏi được Anaheim—nhưng đi giày trận và mặc quần cộc. Ngay dưới, đặt ở lề đường góc ba là tấm bảng bằng béton hướng dẫn của nha kiểu lộ thuộc địa theo hình hai mũi tên. Một hướng chỉ "Cao Bằng" và một hướng chỉ "Nam Quan". Dựa vào tấm bảng có sẵn, chắc lại vài anh lính thực dân đóng đồn buồn không có việc mang ra bày vẽ, là hai mũi tên bằng gỗ nhưng chữ kẻ sơn phết cẩn thận: Bên trái, hướng Cao Bằng, cũng là hướng "Paris, 12740 km". Và bên phải, hướng Nam Quan, mũi tên gỗ đề; "Peking, 2910 km" ./.

Đỗ Kh

Thúy Lịch Buổi Sáng

Những nhát đinh đóng vào guốc
Những nhát đinh đóng vào da
Những ngón chân kẻ cạ
Từng âm thầm xót xa
Trên đời này có hai người đáng kính
Thúy Lịch và đức mẹ Maria.

Jésus Christ ngứa ngáy sửa lại vòng hào quang
Em ngay ngắn ngồi nói chuyện nhạc
Beethoven nhện Phi châu và rượu vang
Đàn con gái cười ngặt nghẽo nhìn Siddharta.

Beethoven nhện Phi châu và rượu vang.

Thánh Phao-Lồ đon đả mời khách vào thiên đàng
Đức chúa trời chán mấy xương sườn cũ
John Wayne gắn một ngôi sao lên mũ
Adam Eva giành giật nhau nửa trái táo hoang

Beethoven nhện Phi châu và em.

Những nhát dao đâm vào gỗ
Những nhát dao đâm vào tim
Những giọt máu nhỏ xuống
Từng tia nhìn cúi xin
Trên đời này tôi muốn hôn hai người
Thúy Lịch buổi sáng và buổi tối.

Quả đất lên cơn đói siết lại vòng xích đạo
Tôi ngay ngắn ngồi nói chuyện tình yêu
Loài người tội lỗi và con mắt của cơn bão
Phán xét cuối cùng dời lại ngày hôm sau.

Loài người tội lỗi và con mắt của cơn bão

Ngày thứ bảy vũ trụ đòi quyền được tái tạo
Các thiên thần làm biếng đi ngủ trưa
Đức Phật rã rời không ngồi xếp bằng nữa
Vòm trời từ chối hết chỗ nhận thêm sao.

Loài người con mắt của cơn bão và tôi.

THƯ CẬY ĐĂNG

Paris ngày 1 tháng 6 năm 1988

THƯ CẢI CHÍNH

Một luận án của tôi đệ trình tại Paris cách đây 20 năm về một vấn đề lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc vừa bị một nhà xuất bản người Việt tại Mỹ tự ý lấy ra in và bán khắp nơi theo một bản dịch không phải là của tôi, dưới nhan đề " *Đạo Thiên Chúa Và Chủ Nghĩa Thực Dân Tại Việt Nam*".

Ngay từ năm 1969, tôi đã từ chối mọi đề nghị dịch và xuất bản luận án của tôi. Vắng mặt ở Việt Nam, tôi không muốn công trình nghiên cứu bị đem ra khai thác vì một mục đích nào đó khác hơn mục đích khoa học. Lập trường của tôi vẫn không hề thay đổi trong 20 năm qua.

Vì vậy, tôi rất đau lòng và công phẫn khi nhà xuất bản Hương Quê mang tác phẩm của tôi ra làm thương mãi một cách ngang ngược, chẳng cần xin phép tác giả, với một bản dịch quá sai lạc mà tôi chưa bao giờ đọc trước.

Tôi tha thiết mong các nhà nghiên cứu, tất cả bạn bè quen biết, và quí vị đã cầm cuốn sách trên tay chia sẻ nỗi đau lòng này với tôi, và đừng gán cho tôi một trách nhiệm gì về một bản dịch mà tôi không thừa nhận hoặc những ẩn ý mà tôi không hề biết.

Cao Huy Thuần

Hồ Đình Nghiêm

Đi thực tế.

Người đàn bà nói trong tiếng khóc của đứa bé: Anh ngồi chờ chút, ba thằng cu ra liền chừ. Gã thanh niên không ngồi, đứng xớ rớ giữa nhà nhìn đứa nhỏ nằm trên giường tre quờ quạng dong đôi tay khóc ngất; phát ra những tiếng khằn khặc, nghẹn nấc trong cần cổ.

Buổi trưa, nóng dữ dội. Người thanh niên cởi những hạt nút áo, tháo cái nón tai bèo xuống khỏi đầu để phe phẩy quạt từng chặp vào lồng ngực rịn ướt mồ hôi. Bức màn vải lem luốt không tài nào nhận ra được màu sắc nguyên thủy treo trước mặt chẳng lay động. Gió không có đã đành, người đàn ông ở gian nhà sau cũng chưa xuất hiện để xô dạt nó qua bên.

Từ góc nhà, có lẽ nơi đặt cái giường tre, phả tới mùi hôi khai của nước tiểu thấm thấu lâu ngày, và quanh quẩn đó đây mùi nồng của đất ngập ngụa vây tràn. Tháng tư, trời nắng và nóng làm đất cát dộp phồng bốc hơi. Không có tiếng gà eo óc gáy, chẳng có kẽo kẹt tiếng bụi tre trở mình theo gió đưa. Vùng trời này hoang vu và mới lạ quá. Chỉ có bần thần rã rượi. Chỉ có tiếng khóc khản tiếng kia là nói đủ mọi điều, làm lòng gã thanh niên vốn đã bất an giờ thêm chao ngã nỗi bức rức phiền hà.

Cuối cùng gã cũng đặt đít xuống một cái ghế đẩu. Nền đất nện không được phẳng hay vì bốn chân ghế ọp ẹp lung lay làm gã tưởng mình vừa đi gian nắng xong và đang ngồi say. Gã nhìn người đàn bà làm im tiếng khóc của đứa bé. Nó đang run rẩy gục đầu vào bầu sữa căng. Những sợi tóc lưa thưa sói rụng một nạm sau ót, những hột nút bóp ngời sáng, cái kim băng cài giấu một đường rách trên thân áo bạc màu và vòng tròn nâu đen của đầu vú bỏ trống một bên. Tiếng nút sữa chút chít nghe được từ miệng đứa nhỏ làm gã thanh niên chợt nhận ra sự vắng lặng nặng nề của buổi trưa hè ở đây. Gã nhìn thấy màn vải, nhìn quanh sự trống trải ở

trong căn nhà. Chẳng có gì cả. Nên mắt đảo quanh dừng lại ở vùng ngực trần người đàn bà, thoáng nhớ mơ hồ đến những bức tranh của Gauguin. Cả gần tháng nay gã chẳng vẽ được cái gì hết. Bốn mươi tờ giấy báo. Hai mươi tờ giấy croquis được phát ra dùng cho ba tháng đi thực tế vùng kinh tế mới Nam đông còn trắng sạch, trống rốc như sự bày biện của căn nhà này. Vẽ? Vẽ làm gì và vẽ cho ai? Vẽ vì quần chúng và vẽ cho nhân dân. Nghe ghê gớm quá cái câu nói khẳng định lần cuối để ôm hành trang lao vào chuyến đi ba cùng. Cùng ăn cùng ở cùng làm. Bà con ăn gì ta ăn nấy. Bà con làm gì ta làm phụ và bà con ở ra sao ta ở theo. Thằng Kim bỏ nhỏ bên tai trên chuyến xe cuốn bụi giã từ thành phố: Khoái thiệt, cầu trời cho ta được ở với một gia đình đầy nhóc con gái. — Cầu trời? Đừng duy tâm mày. — thì duy vật. Chẳng biết gái kinh tế mới có khoái trai thành thị đây không?

Gần một tháng, giở hai tấm bìa cứng dùng làm cặp vẽ ra, thằng Kim đã khoe những portrait rất "tới" bằng màu nước họa những bông hoa chốn hoang vu chướng khí: "Thu dưới nét vẽ Kim". "Huệ qua mắt nhìn của Kim...". Mấy cái này vẽ thiệt sướng tay. Không có chi chán bằng vẽ một tốp người mặt mày sầu đời khó nhọc dựng cái nhà tranh làm trụ sở hợp tác xã như hôm rồi. Làm sao để truyền đạt nét đẹp hiện thực xã hội chủ nghĩa qua đó? Thiệt là "lửa tắt bình khô rượu". Thiệt là nhảm nhí đặt điều...

— Huy. Đợi lâu không ?

Người đàn ông đã lộ diện. Tấm màn vải còn lung lay sau lưng. Mùi mồ hôi tuôn mãnh liệt với mùi khét nắng còn vướng trên đầu trần.

— Làm cho xong cái giàn bầu thành có hơi lâu. Trời ơi, chẳng có lấy một ly nước cho khách.

— Không thấy người ta làm chi đây răng. Muốn hắn khóc cho bể nhà ra à. Có rảnh tay mô mà nói.

Người đàn bà phân trần với chồng trong dáng ngồi y nguyên. Đầu vẫn cúi nhìn đứa nhỏ, thử thu mình rút vú ra khỏi miệng nó ngậm thăm dò giấc ngủ đã thực sự đến với nó chưa. Đầu vú móp ướt, li ti những sợi gân xanh vây quanh thấy được từ chỗ ngồi của gã thanh niên. Người đàn ông rút từ túi quần xà lỏn vải ca rô nhàu nát ra bao nylon. Làm một điếu không? Rồi đặt gói thuốc vấn lên bàn, tới giường tre thay áo quần.

— Mạ con bây cần chi nữa không ?

— Anh đi mô đó ?

— Đi có chút công chuyện với cậu Huy.

— Có xuống dưới phố mua cho tui ít con cá khô.

— Phố mô chừ nữa, đâu có kịp.

Người đàn ông cúi người hôn hít đứa nhỏ rồi cạ đầu tóc chởm

vào ngực người đàn bà.

— Để cho hắn ngủ, mới thét có một chặp thôi đó.

— Ai đụng chi tới hắn. Ui chao có mùi răng mà hôi chua răng mà dễ ghét, lỡ đi mô rồi cái mùi ni cũng hành cho nhớ quắt nhớ quay.

— Mấy giờ về đó để tui liệu cơm nước.

Người đàn ông bỗng làm thinh, tới bàn quấn một điều thuốc vừa nhìn ra sân, mắt nheo nheo.

— Mình đi Huy hè.

Gã thanh niên đứng lên, chụp cái nón tai bèo lên đầu khi chưa ra khỏi bực thềm hực nóng. Ở đuôi mắt thấy người đàn bà cài lại những hạt nút bóp, đưa tia nhìn buồn rầu đuổi theo sau lưng chồng. Khuôn mặt người đàn bà còn giữ chút sắc đẹp thầm kín. Nếu ở thành phố hoặc sống trong một điều kiện khác nét đẹp thầm kín ấy hẳn sẽ bộc lộ rõ. Dễ làm bắt mắt hơn là sau khoảng mười lăm phút ngồi quan sát thầm vụng gã thanh niên khi quay lưng mới khám phá ra.

— Ủa, quên mất. Uống nước chè không ?

— Thôi khỏi anh.

Trời đứng gió. Phía dưới thấp, nơi trũng đất vàng khè làm trụ sở Ủy Ban Xã, lá cờ màu đỏ nằm rũ liệt ở cột gỗ xám mốc. Từ đây nhìn tới trông nó như một con diều thảm thương bị vướng mắt trong tay thả vụng về của một đứa trẻ nít. Chết cứng, không vùng vẫy trên trời rộng và sẽ chịu giam mình tơi tả dưới nắng mưa. Gã thanh niên vừa đi vừa nhớ tới những cánh diều tuổi thơ của mình. Đã hết rồi thời vàng son. Giả như cuộc đời trôi đi êm đềm, có bao giờ mình nhớ đến những kỷ niệm cũ? Hay những hoài niệm vốn luôn khởi đầu bằng những hoàn cảnh sống trái ngược, trong một điều kiện không được như ý để nảy sinh những so đo chẳng tính toán, tự hiển hiện trong trí.

— Huy đi vậy tụi bạn trong lớp có biết không?

— Không.

— Nếu có ai nghi ngờ cứ nói tui dắt lên buôn Thượng đổi đồ.

— Còn chị. Anh đã tâm sự chị chưa ?

— Ai dại mà nói lúc ni. Chưa có gì bảo đảm cả mà.

— Nhưng nếu trơn tru, anh để chị ở lại à?

— Huy thấy đó, hoàn cảnh tui biết làm sao hơn. Bạc tóc ra cả đây nè, suy nghĩ dễ sợ chứ phải không răng.

Gã thanh niên cúi đầu nhìn những bước chân vẫy bụi của người đàn ông. Nhìn đôi dép Nhật và mấy ngón chân đen đúa của mình. Không nói. Trong mắt nhìn câm lặng chợt thoáng lay động ảnh hình người bạn gái: "Cho anh đôi dép mới để lên đường, lon Guigoz muối sả để tẩm bổ, hai bánh đường đen để ăn chùng ăn

vụng ban đêm và cuốn vở ni để ghi chép cảm nghĩ khi thấy buồn. Gắng lao động giỏi, vẽ tranh đẹp để cuối năm thi ra trường có được nhiệm sở gần thành phố...". Hoà bình đã hai năm, chuyện học hành giữa thời khắc im tiếng súng có ngờ đâu giống hao hao hình ảnh một cô gái tiễn bạn trai lên đường làm tròn "nghĩa vụ" trong cuộc xâm lăng vào Nam đánh Mỹ. Sanh Bắc tử Nam. Mình sinh ở Trung không chừng chết ở biển Đông mai này. Người con gái sẽ nghĩ gì khi chờ hoài không nghe tin gã bạn trai trở về? Người đàn bà trạc áo cho con bú sẽ có hành động gì khi người đàn ông có tóc bạc đi bên sẽ bỏ trốn đành đoạn? Tình yêu và những mưu toan ngầm. Chuyến đi thực tế và những tình cờ sắp đặt dựng lên nước cờ mạo hiểm. Cái chết ngoài biển vì những tràng đạn của tụi biên phòng đuổi theo? Cái mạng sống trao cho Hà-bá hay xuôi tay cho Ôn Mệ rước về bên kia bờ vực có đáng nói tới không? Đắn đo là ở cái sợ, sợ trao lại khoảng trống cho người trên bờ, sợ vất lại những khó khăn mình họ tự xoay xở đối phó. Cái đó dễ thường làm chùng lòng người đi.

— Nếu như anh nói thẳng ra, chị có vui lòng ở lại không?

— Ai biết được... Từ khi tụi tui lên sống trên ni ngoảnh đi ngoảnh lại đâu có bà con họ hàng, tui sợ bỏ đi chắc mụ ấy buồn phải biết.

Người đàn ông vừa đi vừa lục tìm bao nylon ở túi quần ra, vấn một điếu thuốc bằng đôi tay run. Gã thanh niên nhìn những ngón tay u nần thô thiển, mường tượng ra những khẩu súng trước đây ông ta từng nắm trong tay. Garant, Carbine, M-16. Từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi. Những viên đạn bay ra bên này sông Bến hải, những tấc đất trì kéo giành giựt với đối phương ở Cổ thành Quảng Trị. Cái giá hai năm phải trả trong trại tù. Bàn tay cầm cuốc cầm cày. Bàn tay chính mình dựng lên kèo cột cho căn nhà vùng kinh tế mới đèo heo hút gió này. Và bàn tay đó sẽ còn đào bới những thùng dầu chôn bên biển vắng một đêm khuya, lật một con bài mới trong canh bạc may ít rủi nhiều.

— Nếu như tôi không đi, chỗ trống đó để chị thế vào có được không?

— Họ đâu có chịu cho con nít trẻ em đi theo, nghiệt cho tui là ở chỗ đó.

Người đàn ông dừng lại mồi lửa điếu thuốc. Cái bật quẹt nội hoá thời cũ nghi ngút ngọn khói đen trong tay bao. Trời rất đứng gió. Một thói quen khi thắp lửa hay một che đậy chút khó xử ở lòng vừa lúng túng thố lộ ra? Gã thanh niên thấy trong bàn tay người đàn ông có nhiều cục chai màu vàng làm bào mòn gần hết những đường chỉ tâm đạo trí đạo. Đời sống này thật ra có còn cần đến cái số mạng được chuyên chở trên những lằn vạch kia không?

Gã thanh niên chẳng hiểu được. Bây giờ, ở thành phố người ta có vẻ sống được và sống thoải mái bằng nghề xem chỉ tay lắm. Cả bói bài nữa. Tràn đìa như nấm.

Người đàn ông đổi hướng. Thay vì tiếp tục băng qua một dãy ruộng bắp nằm thoai thoải sườn đồi, ông ta vạch lau lách để đổ người chạy xuống một lối đi nghiêng thấp. Gã thanh niên nghe có tiếng nước chảy đâu đó, nghe lấy hơi thở nặng nề người dẫn đường vọng lui, và của chính hắn. Hổng hộc.

— Từ đây ra đường lộ là lối đi gần nhất lại ít có ai để ý. Huy nên nhớ lấy địa hình để lỡ sau này có chi mà sử dụng thoát thân. Đi khoảng mười phút nữa là mình sẽ gặp đường rầy chận ngang, nằm ở đó nhìn ra sẽ thấy quốc lộ một. Phía tay phải là vào Đà Nẵng, tay trái là Huế. Tàu Thống nhất sẽ ngang qua đó khoảng sáu giờ chiều, tụi mình sẽ đu lên tàu đi kẻ tới gần Vinh-hiền là xong xuôi.

Người đàn ông dừng chân, quay đầu nhìn gã thanh niên đang ngó quanh quất nhận diện lau sậy cây cối với những dòng mồ hôi chảy đầm mặt hắn.

— Tụi mình ngồi nghỉ chân một lát rồi về. Bên kia có khe suối, tiếc là chẳng thể uống được. Huy có khát không?

Gã thanh niên lắc đầu, ngồi chồm hổm theo người đàn ông. Thế ngồi phổ thông, thống nhất, kiểu của những tay bộ đội thường ngồi trốn nắng bên hè phố nhìn ngác ngơ cảnh sinh hoạt phồn thịnh, sau khi đã ngờ vực chẳng hiểu nổi thứ giải khát trên tay cầm cớ chi lại tan chảy đi quá vội. Gã cũng nhớ thằng Kim những ngày đầu mới lên đây, nhớ ly cà-phê pha chế nhạt loãng vì hà tiện, vài hòn sỏi nhặt dưới suối thả vào trong ly, tay lắc lắc trước khi uống mắt nhắm lim dim, rồi phát một tiếng khà như thể tợp xong chén rượu cay: — Mày thấy không và đỡ thèm chưa, cũng là cà-phê đá như ai, mà là cà-phê-đá chính hiệu con nai vàng. Uống cũng "gỡ ghẻ" lắm... Thằng Kim, một đứa bạn thân. Có hoa tay, vẽ đẹp nhất nhì trong lớp. Cũng sư tổ bỏ đề về mục đùa cợt, đôi khi nói năng "phản động" nghe đến giật mình. Gia đình Phật tử, có người chị sống ở Mỹ từ đại nạn và là nguồn tiếp tế duy nhất cho cả gia đình. Hắn thường tâm sự dài dòng rồi kết luận: "— Ai vớt ta đi gặp chị ta, ta thờ người đó hết mình như Triệu Tử Long thờ Lưu Bị vậy". "— Thiệt không đó?" "— Thiệt, cả mày nữa. Không chừng vì công lớn của mày mà từ bạn, mày có thể nhảy lên làm ông anh rể của ta." Để chấm dứt câu nói, hắn chắc lưỡi như là thần lằn...

— Hôm nào anh thử dàn xếp cho gặp mặt anh Năm một lần có được không?

Người đàn ông đang ngồi để tâm nghe tiếng động cơ một chiếc xe chạy ở xa vọng tới nên câu hỏi của gã không lọt hết trong lỗ tai ông ta.

— Hả... Chắc là xe vận tải của bọn lâm-sản đi đốn cây.

— Cái anh đứng ra lo chuyện đó, mình gặp mặt có chi trở ngại cho họ không?

— Huy hỏi làm gì ? Cứ yên tâm. Tui đã trình bày chuyện Huy với họ rồi. Bảo đảm mà. Anh Năm này khi xưa cũng có quen với Thiếu-tá. Ơn nghĩa với nhau cả. Như trường hợp tui kéo Huy đi cũng vậy. Thiếu tá với tui là thầy trò khi xưa. Ông bị học tập rồi thì chừ tui trả cái tình lại cho Huy, giúp nhau được gì trong lúc ni cũng tốt cả. Phải không?

Gã thanh niên cúi đầu, cảm thấy lòng chùng xuống những rung động bồi hồi. Ngồi táy máy bức những lá cỏ, chà xát trong bàn tay rồi nhớ lại hình bóng của người anh tù tội. Mù mờ, xa cách. Một người đã khiếm diện từ lâu giữa đời sống mới này. Người có tên và nghề nghiệp đã làm khổ sở gã trong tờ khai sơ yếu lý lịch nộp cho trường. Những lần bị gọi lên văn phòng Giám hiệu ngồi đối mặt tên giáo viên chính trị. Hắn nhìn đôi tay cầm cọ lấm lem những màu của gã mà gằn: có nợ máu với nhân dân... Ôi người anh không có được một lần thăm nuôi ơi. Nỗi khổ tâm của em lần đó đã được đền bù lần này, đền bù hậu hĩ bằng tấm lòng hiệp nghĩa của một người trước đây là thuộc cấp của anh. Kim của gia đình Phật tử ơi, mày nghĩ sao về luật nhân quả? Ta thì rất muốn làm anh rể của mày nhưng ta vụng tu, hay khác hơn ta là Tề thiên đại thánh đằng vân giá vũ suốt đời cũng không ra khỏi bàn tay Bồ-tát Như-Lai.

*
* *

— Mấy giờ rồi Kim ?

— Gần năm giờ. Trời sắp sáng bạch ra rồi đó.

— Này, tau còn cả đống giấy trắng, lấy mà vẽ. Cần cọ màu gì thì giữ luôn đi.

— Bộ tính rửa tay gát kiếm luôn sao ?

Gã thanh niên trở mình, tai nghe như có tiếng sương rơi trên lá, bên ngoài cửa sổ. Hơi ẩm lạnh từ đó len lỏi qua vách tranh làm thòm thèm giấc ngủ, và giữa mù mờ của bắt đầu một bình minh gã nghe tiếng thở dài não nề của chính mình. Một câu thơ rất xưa tự nhiên trào ra tiếp theo tiếng thở.

— Sách vở ích gì cho buổi ấy.

Kim thì thầm, bằng giọng nói như ngọng bởi miệng đầy nước miếng.

— Mày sẽ làm gì sau này. Đã tính ra chưa ?

— Chưa. Ngay cả khi đeo đuổi tiếp mấy năm học còn dở dang này. Nói thảm thương là tụi mình sống cho từng ngày chứ đâu phải sống cho một mai sau. Mày thì sao Kim? Cuối năm cầm cái quyết

địnhcủa Ty Thông-tin Văn-hoá đẩy đến một nhiệm sở nào đó với lương 52 đồng một tháng?

— Chứ biết làm răng. Còn lựa chọn nào khác? Tau thì sống hoàn toàn cho một ngày mai, cái ngày mà chị tau làm được giấy bảo lãnh gửi về. Phải hy vọng mà sống chứ.

— Nếu có ai rủ rê cho đi ?

— Thì tao theo liền chứ đắn đo chi. Nhưng trường hợp của mày là một kinh nghiệm để tính toán, cho dù là leo lên núi để âm mưu vượt biển là một ngụy tạo rất giỏi.

— Cái số cả. Ở đây hoàn toàn không có sự lường gạt, anh ấy là một người rất đáng quý.

— Tau thấy rất khó an toàn ở cái lối chôn dầu lấy dầu ngoài bãi. Lý ra mày phải hiểu điều đó. Ở Vinh-hiền tụi công an biên phòng đóng cả đống, còn thêm cái bọn cung cấp hải sản nữa. Thiệt khó nuốt.

— Đổ bể không phải vì vậy. Bất ngờ là cái bọn công nhân đường sắt ở trên này thấy nên chạy theo la bai-bải cho tui quá giang, vượt biên hả, lạy anh mà, cho theo với. Mày không tưởng tượng được lúc ấy, nếu có cả chục chiếc "taxi" hoạ hoằn mới chở đủ chừng ấy người.

— Mẹ, xui thiệt. Mày mò về được đây là có phúc ông bà đó. Mấy người khác ra sao?

— Đâu có biết, súng nổ tứ bề làm mặt cắt không còn hột máu. Tau chỉ làm lạ là chỉ có mình tau chạy vắt giò trở lên. Cầu trời cho anh Năm và người đàn ông kia tai qua nạn khỏi.

Kim bắt bẻ trong tiếng cười hục hặc vướng víu chăn mền.

— Cầu trời ? Hà, có lúc rồi mày cũng phải thốt lên lời khấn nguyện như ai.

— Thôi, tau dậy sửa soạn xuống núi.

— Nằm với nhau lát nữa, biết mô chừng đây là lần chung chăn gối cuối cùng.

— Nghe ghê quá mày. Vợ chồng cũng chán khối anh biệt ly, huống chi...

Gã thanh niên ngồi dậy, đẩy cánh cửa phên nhìn ra cảnh vật nhờ nhợ ở ngoài, không trông rõ gì cả chỉ thấy cảm động lời của Kim vừa nói. Những tai họa sao thường xảy ra bất ngờ, xảy ra với một nhịp điệu thường trực ở đời sống hôm nay. Chính Kim đã khuyên gã nên trốn đi để khỏi ướt chân trước khi cơn hồng thủy sẽ liếm tới, và cũng chính hắn kéo gã nán lại hâm nóng thêm thứ tình bạn đã năm sáu năm qua trong buồn vui đắng cực. Gã thanh niên gục mặt ngồi yên, suốt đêm chạy trốn mệt mề và những giờ khắc nằm kể chuyện với con tim đập hoang mang, giờ đây họp lại cho gã cái rã rời mới lạ. Lạ hơn những trưa gian nắng leo cao phụ lợp mái

nhà làm trường học với nỗi xâm xoàng chóng mặt khi nhìn xuống mấy mái đầu xanh trẻ nhỏ xác xơ vùng kinh tế mới. Rã rời hơn những lần lội suối vào rừng bức mây chặt gỗ kéo về theo bọn người ở Ủy Ban Xã Nam Đông. Hình ảnh người đàn bà cho con bú hiện tới trong đầu óc nặng nề trì trệ của gã. Bầu sữa đầy buông thõng, làn da trắng mốc như cái chén sành ở đây không có xà phòng để rửa úp trên rá. Những cái chén từ dưới phố mang lên như thứ gia tài còn lại của họ. Người đàn ông ngồi gõ đũa giữa bàn cơm trơ trọi rau luột với muối: Người xưa nói đúng, bát sạch ngon cơm. Huy ở lại ăn với tụi tui một bữa đạm bạc thứ thiệt giữa núi rừng hoang vu ni...

Gã thanh niên vén mùng chui ra. Như thói quen rà chân xuống đất tìm xỏ đôi dép.

— Thôi tau phải đi, trước khi cả lớp thức dậy hô hoán. Mày nhớ nói cho khéo về sự vắng mặt của tau, nghe Kim.

— Lấy đôi dép của tau mà mang. Cho mày kẻ sự may mắn của tau để lọt về được dưới phố.

Gã thanh niên vuốt lại đầu tóc rối, chợt nhớ đôi dép Nhật người bạn gái ân cần trao tặng đã đánh mất khi chạy toán loạn thoát thân. Những vết sướt rách da tê tái dưới lòng bàn chân đánh thức gã khi đứng lên.

— Cám ơn nhiều nghe Kim. Sau chuyến thực tế trở về mày sẽ biết tin tau qua miệng Nguyệt.

Kim bước xuống khỏi giường, vươn vai.

— Hy vọng như thế, hơn là quy cố hương mà bạn bè đã dắt nhau bỏ đi. Cần tau đưa không?

— Thôi đừng. Chỉ nhờ mày một chuyện nhỏ.

— Cái gì vậy ?

Gã thanh niên cởi sợi dây trước ngực ra. Tấm thẻ bài ghi tên số quân loại máu của người anh giữ làm kỷ vật len ken va chạm với một vòng nhẫn vàng tròng ở đó.

— Cái khâu hai chỉ này lý ra sẽ đeo vào tay Nguyệt, lý ra sẽ đóng góp một phần vào chuyện trả tiền lương khô, bây giờ đã không cần thiết. Nhờ mày đem tới cho người đàn bà ấy, chắc là chị ta đã hiểu ra sự vắng mặt đột ngột của người chồng.

Gã thanh niên trao tay bạn, đồng thời bóp thật chặt bàn tay còn nhiệt tỏa của Kim. Đội cái nón tai bèo lên đầu dầu trời còn tinh sương, đeo ba-lô lỏng chỏng đồ đoàn một bên vai rồi xô cửa đi ra. Đôi dép của Kim lớn nên bước đi trở nên lạch bạch khó khăn. Lòng gã cũng còn nhiều điều muốn nói mà cảm thấy nghẹn họng không đâu. Kim đi chân không theo một đoạn ngắn.

— Mày còn tiền để đón xe không? Tau còn ít nhiều đây, lấy mà phòng thân.

Tiếng một con gà gáy lạc lõng phụ họa giọng Kim. Đã lâu, gã mới nghe lại được tiếng gáy của thứ loài vật tưởng là thân quen. Và gã không ngờ tới, có khi gà gáy nghe cũng buồn rầu lạ lùng. Xót ruột xót gan. Gã nhìn sương khói vây lấy nhân dáng Kim mà tưởng mình đang nhìn bạn qua một đôi mắt có ngấn lệ mù loà. Mình đâu có yếu mềm cỡ đó để phát sanh thổn thức?

Gã đứng đực mặt một hồi lâu. Lâu như thời khắc mây tan đỉnh núi thấp, đủ để lộ diện một vầng sáng ánh dương quang từ hướng biển chiếu nhạt màu phía sau. Cuối cùng như nhớ ra điều gì, gã ngẩng nhìn mặt Kim.

— Có rảnh, ông dùng tiền đó mua cho chị ấy vài con cá khô. Vậy thì cám ơn lắm lắm. Ta đi đây.

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

NHA Y SĨ
DƯ THỊ MỸ LAN
GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Thế Uyên

Đọc "Việt Nam Quê Hương Tôi của L.M. Dominici Đỗ Minh Trí

Sau sáu năm kiên nhẫn chờ đợi và phải vượt rất nhiều khó khăn đủ loại, kể cả bệnh tật và cái đói, sau cùng tôi và gia đình cũng đến được Transit Center ở Bangkok bằng một trong những chuyến bay cuối cùng của Air France năm 1986. Thủ tục y-khoa nơi này thực gay go - hồ sơ y-khoa mang theo do bệnh viện Chợ Rẫy Sàigòn thiết lập coi bộ không được tín nhiệm cho lắm ở nước ngoài - kéo dài nhiều ngày, xen kẽ với những buổi hướng dẫn về văn hóa phong tục nước sắp tới định cư. Gia đình tôi được xếp diện refugee, có tên khá sớm trên danh sách đi Bataan, Phi luật tân, nhưng phút chót các hãng hàng không quá kẹt về số lượng hành khách muốn về quê dự lễ Giáng sinh nên danh sách bay đã bị hủy bỏ. Cơ quan phụ trách việc di chuyển là ICM phải cố gắng ghê lắm mới kiếm ra chỗ trên một chuyến bay của Hàng không Thái Lan rời Bangkok vào đúng ngày 25 tháng 12. Phải ở thêm 10 ngày nữa, luật lệ địa phương lại không cho phép dân ODP đi đoàn tụ gia đình ra khỏi cái trung tâm gọi là tạm trú nhưng có cấu trúc y hệt một nhà tù - dù một nhà tù đầy đủ điện nước và thực phẩm - tôi lục lọi ngăn sách báo duy nhất có nơi này. Tôi tình cờ kiếm ra một tập bản sao các bài báo của một nhà văn có cái tên lạ hoắc: *Dominici,* Nguyệt san Tự-Do xuất bản bên Galang, Nam Dương. Tôi chỉ vì quá nhàn rỗi lại không có gì khác để trí nên mới mở ra đọc, nhưng ngay sau đó bị quyến rũ bởi nội dung cũng như lời văn của tác giả này.

Tôi cứ tưởng tác giả là một linh mục Việt Nam đáng kính nào đó đã dám rời bỏ những giáo xứ giàu có an bình của Tây phương trở về Đông Nam Á lo cho đám chiên lạc vượt biên khốn khổ xơ xác. Tôi chỉ biết tôi đã lầm khi bốn tháng sau ở trại PRPC Bataan bên Phi, một người bạn mới quen mang đến tặng tôi cuốn *Việt Nam Quê Hươnng Tôi* của *Dominici Đỗ Minh Trí.* Tôi không biết do ai xuất bản: vì không biết một chữ la-tinh nào, đọc phần ghi chú ở đầu sách, tôi chỉ

hiểu được hàng chữ *Manila, March I, 1987,* và nơi trang đầu có một con dấu tròn lớn có hàng chữ *Catholic Chaplaincy - PRPC. Bataan.* Và mặc dù có hình thức và khuôn khổ của một cuốn sách thông thường nhưng kỹ thuật in đã sử dụng lại là rô-nê-ô - chắc là đã được thực hiện bởi trung tâm ấn loát của trại... Tôi không hề ngạc nhiên về sự kiện các linh mục công giáo viết văn hay: Không kém các thế hệ trước, đồng thời với tôi thì những Thanh Lãng, Trương Bá Cần, Chân Tín, Nguyễn ngọc Lan, Nguyễn Phương, Kim Định ...đều là những người viết được, ít hay nhiều. Nhưng Đỗ Minh Trí không phải là người Việt Nam.Ông chỉ là một linh mục ngoại quốc da trắng mắt xanh đã đến phục vụ tại Việt Nam 7 năm trước khi bị trục xuất khỏi nơi này năm 1975 để rồi hai năm sau ông tình nguyện tới trại Galang, Nam Dương để lo cho dân tị nạn.

Bảy năm tại Việt nam cho một người ngoại quốc, dù cho có chăm học đến mấy, cũng chỉ biết viết biết đọc thông thạo tiếng Việt là cùng. Nhưng đối với Đỗ Minh Trí thì quả là trường hợp độc đáo: ông đã viết văn tiếng Việt hay như một nhà văn loại giỏi của Việt Nam. Bài của ông đem đăng vào bất cứ báo Việt Nam nào, nếu không chú giải, không một ai kể cả tôi có thể ngờ được đó là một nhà văn nước ngoài. Nếu ông trở thành được như vậy, có lẽ chủ yếu vì ông đã hội nhập đến mức độ có tâm hồn của một người Việt. Mức độ hội nhập của ông có thể diễn tả bằng đoạn văn sau:

Việt nam là quê hương của tôi, dù rằng tôi không được sinh ra trên đất nước Việt nam. Tôi chỉ ở đó có bảy năm. Bấy nhiêu cũng đủ để trở thành một công dân Việt nam, theo cách thế riêng của tôi, mặc dù trên phương diện huyết thống hay pháp lý tôi không được niềm hân hạnh ấy.

Việt nam, quê hương tôi! Quê hương ấy không phải là những dãy núi với hình dáng khác biệt và phủ dầy rừng xanh. Không phải là những dòng sông chi chít và tuyệt đẹp như dòng Cửu Long. Không phải là những khu rừng hoặc những cánh đồng thảo mộc lúc nào cũng xanh tươi và trù phú. Không phải là những biển cả hiền hòa dù đôi khi cũng cuộn sóng do bị thúc đẩy bởi những sức mạnh siêu nhiên.

Không đâu! Tất cả những thứ đó chưa phải là quê hương tôi, mặc dù được sống giữa bao nhiêu núi rừng, sông rạch, đồng ruộng, thảo mộc , biển cả ấy, được ngắm nhìn thiên nhiên trù phú ấy, đối với tôi thật thú vị. Tất cả những thứ đó chỉ là thân thể của quê hương tôi, quê hương Việt nam. Chưa phải là tất cả của Việt nam, chưa phải là thực tại quan trọng và chủ yếu nhất của Việt nam. Nếu xét theo tiêu chuẩn địa lý thì Việt nam quê hương tôi thật nhỏ bé: diện tích hẹp, dân số ít.

Nhưng có một nước Việt nam khác rộng lớn hơn, rộng lớn như một đại lục. Đó là Văn hóa Việt nam, Tâm hồn Việt nam, đó là Truyền

thống Tinh thần của Việt nam. Và chính đó mới thực sự là quê hương Việt nam của tôi.

Những thầy tỳ kheo mỗi buổi sáng thường xếp hàng một hết nhà này đến cửa hàng khác để khất thực, mầu áo vàng rực rỡ dưới nắng. Họ tách rời khỏi mọi thứ, không màng đến của cải vật chất, loại bỏ hết lòng tự ái; nói cách khác, họ khất thực nhưng không phải là đi ăn xin, họ đi tìm Tuệ Giác và Chân Như của đời sống. Đó là hình ảnh của Việt nam, của quê hương tôi.

Những Phật tử, theo đạo pháp, không được sát sinh dù là giết một con muỗi, chỉ sống bằng đồ chay hoa quả và rau, đặt triết lý sống trên nền tảng bất bạo động và tôn trọng quyền sống kẻ khác. Đó là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những người nông dân, nam cũng như nữ, nón lá đội đầu, suốt ngày kiên nhẫn còng lưng để cày bừa, họ có một sức chịu đựng gian khổ, một thiện chí lao động, một ý chí tinh thần bền vững lớn lao đến nỗi mồ hôi của họ đủ sức nuôi sống cả nước Việt nam. Đó là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những cô gái, những người vợ đã dâng hiến cuộc đời cho chồng và luôn luôn giữ dạ trung thành ngay trong niềm cô đơn và đau khổ xa cách, ngay cả trong nỗi ô nhục, xấu hổ vì bị phản bội. Đó là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những con chiên ngoan đạo, đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ, kể cả các em bé, bao thế kỷ trước đã sẵn sàng chịu tuẫn nạn để giữ đức tin nơi Chúa Ki-tô, những người mà người ta thường gọi là "các thánh Tử đạo Việt nam" đã sẵn sàng lấy máu mình làm chứng tích đức tin. Chính cuộc đời họ là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những người dù nam hay nữ, già hay trẻ, đã ở lại Việt nam chứ không di tản sang Mỹ, đã sẵn sàng ở lại bên cạnh anh em đồng bào để chia sẻ chén đắng của đau khổ, gánh nặng của nô lệ. Chính họ là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những người như Đức cha Nguyễn văn Thuận và một số người đã dám chia xẻ phần lương thực ít ỏi của mình để cứu các bạn tù đang đói, đã dám tự nguyện đi hốt hầm cầu thay cho kẻ khác. Chính họ là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Những người tỵ nạn, dù phải bơ vơ nơi xứ lạ, vẫn cố gắng làm việc để trở thành công dân tốt của quê hương mới. Chính họ là hình ảnh Việt nam, quê hương tôi!

Tôi được thức tỉnh nhờ những người như họ, tâm hồn của họ, nhờ tinh thần của họ, nhờ cách nhận thức đời sống của họ. Chính tâm hồn ấy, tinh thần ấy, triết lý sống ấy là Việt nam, quê hương tôi! Một nước Việt nam mà không một chế độ nào, không một cuộc chiến tranh nào có thể xóa được trên trái đất. Một nước Việt nam mà không một chế độ nào có thể chà đạp hoặc khống chế.

Tôi hân hạnh được làm công dân một nước Việt nam trường cửu, bất diệt như vậy!

Cha Đỗ Minh Trí đã hân hạnh được nhận làm người Việt nam được miêu tả như trên. Tôi cũng vậy. Và chắc nhiều độc giả khi đọc đến đây cũng có thể đồng ý chia sẻ niềm hân hạnh này. Nhưng không phải là tất cả. Cha Trí còn hãnh diện vì *những người đã ở lại Việt nam chứ không di tản sang Mỹ, đã sẵn sàng ở lại bên cạnh anh em đồng bào để chia sẻ chén đắng của đau khổ, gánh nặng của nô lệ...* Cha Trí hãnh diện về những người như cha Thuận dám chia sẻ cơm áo trong chốn lao tù đã đành, ông còn hãnh diện vì nhiều người khác dám chọn ở lại quê hương để phục vụ dân tộc mình, cộng đồng mình dưới muôn vàn khó khăn... Làm linh mục trong những giáo xứ giầu có tiện nghi ở Mỹ tất nhiên dễ dàng hơn rất nhiều lần làm linh mục trong giáo xứ dưới chế độ Cộng sản, nhất là Cộng sản Việt nam.

Đỗ Minh Trí đã nhận làm người Việt nam và quả thực ông đã là người Việt. Bởi vì có mang tâm hồn Việt, ông mới có thể viết về **Ngày Tết Việt nam** như sau:

Những người ngoại quốc đã từng sống ở Việt nam hẳn không thể nào quên được ngày Tết. Đó là một ngày lễ rất đặc biệt, người ta sẽ nhớ mãi bầu không khí vui tươi và thơ thới, nét duyên dáng và vẻ đẹp quyến rũ của ngày Tết. Tiến trình của ngày đầu năm đã chứng minh rõ ràng cái ý niệm mà người Việt nam đã có từ cuộc sống: cuộc đời là niềm vui và niềm hân hoan. Cho nên, cứ mỗi khi bắt đầu cho một giai đoạn mới trong cuộc đời, người ta phải tận hưởng. Trong ngày Tết, mọi người luôn luôn tươi cười và cố quên đi những mối âu lo, phiền muộn trong quá khứ. Ngày Tết không một ai buồn bã cả! Mọi người hân hoan bởi vì tất cả lại là một sự khởi đầu, tất cả là một sự đổi mới.

Cuộc sống xã hội cũng đổi mới: Ngày 30 Tết người ta cố hoàn tất cho xong các dự tính của mình, người ta muốn thanh toán tất cả các công việc còn dang dở để bước vào năm mới với sự tin tưởng và ổn định. Cuộc sống cá nhân và cuộc sống gia đình cũng đều đổi mới: người ta may quần áo mới, sửa sang nhà cửa, soạn tiền mới... Người ta muốn trở nên những con người mới, cho phù hợp với sự đổi mới của thời gian và không gian... Sự nỗ lực đó được thể hiện thật rõ nét vào dịp Tết. "Đêm Giao thừa, còn được gọi là đêm Trừ Tịch (đem trừ bỏ mọi thói hư tật xấu). Mỗi một người sẽ tự cố gắng, kể từ nửa đêm, trở nên "một con người mới" trong mọi lời nói và hành vi. Người ta chỉ trao đổi với nhau những điều tốt lành, người ta không thốt lên những lời chửi rủa vì họ e rằng những người bị chửi rủa sẽ bị "rông" suốt năm, còn người chửi rủa sẽ bị thúc đẩy nói lên mãi những lời tác hại ấy...

Tôi nhớ lại đêm Giao thừa Tết Mậu Thân, cái Tết đầu tiên mà tôi

đã hưởng tại Việt nam, và cũng là cái Tết cuối còn tự do và thoải mái tự nhiên, trước khi có cuộc tấn công của Việt cộng. Con đường Trương Minh Giảng giống như một khu chợ, mọi người đổ tràn ra đường phố, tiếng pháo nổ inh tai nhức óc, khắp nơi người ta bán các loại bánh mứt, bánh chưng. Vượt trên cái quang cảnh huyên náo và hỗn độn ấy, người ta cảm nhận được sự gắn bó với cuộc sống của cả một dân tộc đang bị đè nặng bởi các vấn đề và một nỗi sợ tận cùng cho một tương lai bất định. Nhưng vào dịp Tết quá khứ và tương lai kể như không có, chỉ còn hiện tại với cái phần vui tươi duy nhất, bởi vì cuộc sống hoàn toàn nằm trong hiện tại, cuộc sống không còn thuộc về quá khứ cũng như chưa có ở tương lai.

Vậy thì, đối với tôi, hình như là chính ngày Tết đã chu toàn vai trò tạo quân bình trong cuộc sống của người Việt nam... làm cho cuộc sống trở nên dễ chịu, nó giảm thiểu và xoa dịu cái dáng dấp bi thảm và đau khổ của cuộc sống. Tôi nhớ vào năm 1979 ở Kuku, các bác sĩ người Pháp đã rất kinh ngạc vì số lượng rất thấp của những căn bệnh rối loạn tâm trí giữa một số lượng đông đảo người tỵ nạn đang sống trong một tình trạng bi đát. Tôi tin rằng sở dĩ có được điều này là do cái tâm tính vui vẻ và thơ thới của người Việt nam, được biểu lộ một cách đặc biệt vào dịp Tết.

Chính ngay điều đó chứng tỏ được rằng sự thông minh của người Việt đã biết cách tạo dựng nên những điều kiện lý tưởng để cho cuộc sống của họ, dù rằng đôi khi đắng cay và bi thảm, **trở nên thật sự có nhân tính.**

Nhân tính, *đó mới chính là phẩm chất mà theo tôi, tâm hồn người Việt nam có thể tóm gọn vào hai chữ đó. Người Việt nam có rất nhiều nhân tính. Họ không khao khát một sự thánh thiện cao siêu, một nếp sống hào hùng hay những khám phá phi thường. Lý tưởng của họ là một nếp sống an nhàn, tràn đầy niềm vui đơn sơ và bình dị của con người , chẳng hạn như một nụ cười, tình yêu thương tử tế. Suốt cả năm có được một chút hương vị của ngày Tết, đó mới là sự khát khao của người Việt.*

Chính cái nhân tính đó đã làm cho người ngoại quốc rất ưu ái và gắn bó rất chặt chẽ với dân tộc Việt nam. Nhất là người Tây phương rất cần đến cái nhân tính đó của người Việt nam vì họ đã biến đổi cuộc sống thành một cuộc chạy đua điên cuồng trong lãnh vực tiến bộ khoa học và kỹ thuật, một sự tiến bộ đã làm cho cuộc sống nhân loại khổ sở biết chừng nào!

Tôi đã ghi lại đoạn văn trên của người da trắng mang tên Việt Đỗ Minh Trí với một nụ cười tán đồng. Quả thực dân tộc Việt nam có một cái gì quyến rũ người ngoại quốc—dù Pháp, dù Mỹ ai đã đặt chân lên phần đất này sống một thời gian, sau này đều thấy đó là *những khoảnh khắc không thể nào quên*. Đất nước Việt nam có núi sông

biển đẹp, nhưng Âu châu và Mỹ châu đâu có thiếu những cảnh tương tự. Gái Việt là một giòng nữ đẹp của châu Á, nhưng đâu đủ để cắt nghĩa sự gắn bó , quyến luyến đó. Đỗ Minh Trí cắt nghĩa bằng *nhân tính* Việt nam, nghĩa là bằng văn hóa, bằng một thái độ sống, một nhân sinh quan. Tôi đồng ý. Nhìn về quê hương bên kia biển, chúng ta đâu có xây dựng được công trình kiến trúc nào đáng chú ý: hoàng thành Huế của vương triều Nguyễn nhỏ và khiêm tốn so với một Tử Cấm Thành ở Bắc kinh hay những đền đài của các vị vương bên Ấn độ. Cộng đồng Việt ở Bắc Mỹ có ăn nên làm ra, nếu có đáng khen là vì yếu tố đã làm được trong một thời gian trên mười năm, chứ chưa thể bằng cộng đồng Nhật, Hoa. Và có phát triển như Hoa và Nhật thì cũng chưa thấm vào đâu với cộng đồng da trắng bản địa... Vậy nếu chúng ta có được điều gì đáng chú ý, lôi cuốn người ngoại quốc gắn bó và ưu ái với chúng ta, đó là do yếu tố văn hóa. Trong những năm gần đây, nếu báo chí của Hoa kỳ có khen ngợi người Việt, thì cũng chỉ vì thế hệ con em chúng ta chăm học và học giỏi—dứt khoát đó là yếu tố thuộc địa hạt văn hóa rồi.

Nhưng nền văn hóa nào cũng tạo bởi những con người trong một xã hội nhất định. Đỗ Minh Trí cũng hiểu như vậy, ông viết: "Ngày Tết rất dễ thương chính là vì người Việt nam rất dễ thương. Tất cả những người ngoại quốc đã từng sống ở Việt nam đều nhận thấy nơi con người Việt nam có một cái gì lôi cuốn họ". Ông nêu ra ba đức tính tiêu biểu của con người Việt nam:

1. Năm 1631, linh mục C. Borri đã viết: "Người Việt nam nghĩ rằng buông thả theo cơn nóng giận là một điều hạ phẩm giá...". Từ sự cố gắng để mà kiềm chế lại cơn nóng giận đã phát sinh ra sự trầm tĩnh ổn cố của người Việt nam... Sự trầm tĩnh và nụ cười thường xuyên trên môi họ là cả một sự khắc phục chứ không phải một chuyện tự nhiên mà có. Đó chính là kết quả của nền văn hóa và giáo dục của họ... Nụ cười luôn nở trên môi của người Việt chính là **kết quả của sự tự chủ**.

2. **Tính vui vẻ**: Người Việt nam có một tính tình hiếu động, vui vẻ, lanh lợi và tự nhiên. Niềm vui, đó mới là một sự tìm kiếm nằm trong quốc sách của người Việt nam. Trong tất cả lời nói và việc làm, họ đều tìm kiếm niềm vui và sự vui thích. Niềm vui chính là cái báu vật quốc gia của người Việt nam, sự khao khát tự nhiên và nhu cầu khẩn thiết nhất của họ.

3. **Trí thông minh:** Sự thông minh của dân tộc Việt nam không cần phải được chứng minh: nó thật hiển nhiên như mặt trời vậy! Nhưng ở đây, tôi không nói đến sự thông minh cá nhân của từng người. Đúng hơn, tôi chỉ muốn nói tới **sự thông minh cộng đồng** của dân tộc Việt nam. Sự thông minh của một dân tộc được thể hiện rõ rệt nhất qua sự cân bằng của những yếu tố khác biệt, cấu tạo thành nền

văn hóa của họ. Không có sự cân bằng này một dân tộc có thể đi đến chỗ diệt vong.

Dĩ nhiên không phải lúc nào Đỗ Minh Trí cũng nói đến người Việt Nam với những sự kiện tốt đẹp như vậy. Từ 1977 ông đã lo cho dân Việt tị nạn từ Galang tới Bataan, ông biết và biết rất rõ tới sự thoái hóa, mất phẩm chất của một thiểu số người Việt tị nạn: ăn cắp vặt, uống bia rượu, say sưa đánh lộn, tổ chức băng đảng để ăn cướp, cưỡng bách các phụ nữ cô đơn, vu cáo cho người khác là Cộng sản để có cái thú nhìn kẻ khác phải đau khổ vì mình... Nhưng ông có một cách lý giải đáng chú ý. Ông bảo: *Kinh nghiệm tị nạn là kinh nghiệm tiêu cực*, vì người tị nạn đã mất gia đình, tổ quốc và môi trường văn hóa của mình. Họ là người khổ sở và đớn đau. Ông viết:

Người tị nạn là ai?

Câu định nghĩa đúng nhất có lẽ là của một người trẻ trong trại tị nạn Pulau Bidong:

"... Là một người Việt nam yêu quê hương tha thiết, đã ép mình để được đóng góp... Nhưng cuối cùng con buộc lòng phải bỏ trốn ra đi một mình, bỏ lại mảnh đất đầy máu và nước mắt ấy: cha mẹ già, em nhỏ và bạn bè thân yêu... Cha ơi, còn đau khổ và tủi nhục nào hơn! Có nhà mà không được ở, có quê hương mà phải lang thang, có gia đình mà sống trong đơn lạnh, có tổ quốc mà phải mang danh "phản quốc"! Con muốn hét thật to để người ta phải hiểu "Vì ai?" Cha có thể hiểu nổi nỗi khổ tâm này của con không? Cha có hiểu là con 'hận' đến mức nào không?"

Nhưng mặc dù ông xác nhận kinh nghiệm tỵ nạn là một kinh nghiệm tiêu cực, là một vết thương cho phẩm giá con người thật, nhưng ông lại nghĩ rằng "Chẳng có kinh nghiệm nhân bản nào vô ích cả". Và những khía cạnh tích cực của kinh nghiệm tỵ nạn là:

Đời sống tỵ nạn có thể làm cho con người trở thành người hơn. Vì nó có thể giúp khám phá những gì là cốt yếu trong đời sống con người. Trong một trại tỵ nạn, người ta có thể bắt gặp đủ thứ loại người. Có người là cựu tổng trưởng, cựu nghị sĩ, cựu tu sĩ... Một cựu cảnh sát sống bên cạnh một cựu tù nhân chính trị, một cựu tướng lãnh sống bên cạnh một cựu quân nhân, một cựu giáo sư sống bên cạnh một cựu học trò. Mọi chức tước hoa hòe và đặc quyền xã hội như giàu có, quyền thế, giai cấp và vai trò xã hội đều tan thành mây khói. Ở đây mọi người đều là cựu. Chức tước cũ, quyền thế xưa không còn nữa! Vậy cái gì còn lại? **Còn lại con người thật, tinh khiết, không mặt nạ.**

Trong trại tỵ nạn mọi người đều bình đẳng: tất cả đều nghèo, tất cả đều vô phương, tất cả đều nhờ vả người khác. Mọi người là cựu tổng trưởng hay dân quê, đều cam chịu nhục nhã như nhau.

Đó là một kinh nghiệm đau thương! Nhưng có thể trở nên rất phong phú. Trong trại tỵ nạn, người ta có được kinh nghiệm về cái gì

là chính yếu. Nhiều người đặt hi vọng và niềm vui nơi tiền bạc; người khác nơi quyền thế, đàn bà hay nghề nghiệp. Nay tất cả những thứ ấy đã biến mất, đã bị cuộc chính biến và đầy ải quét sạch. Ở đảo vị cựu tổng trưởng cũng chỉ như người dân quê, nhà giáo cũng chỉ như người vô học, một người thợ ở Thụy sĩ kiếm được khá hơn người trí thức. Do đó ta hiểu được rằng **điều đáng kể, điều quan trọng không phải là tiền bạc, quyền thế hay vui thú trần gian, nhưng chính là con người, là con người thẳng thắn, chính trực. Một con người biết yêu thương, một con người chân chính...**

Trở lại cộng đồng Việt tị nạn thành công nhất trong những cộng đồng di dân Việt là cộng đồng Bắc Mỹ, vấn đề đặt ra là: Sự thành công về phương diện tài chính đã mang lại hạnh phúc hay chưa? Về điểm này Đỗ Minh Trí đã giải đáp bằng cách nêu ra câu chuyện ngụ ngôn sau:

Con mèo già và con mèo trẻ: Một con mèo già đầy kinh nghiệm và khôn ngoan thấy một con mèo trẻ đang đuổi theo đuôi của chính nó. Tò mò, nó hỏi con mèo trẻ:

— Này con, con làm gì vậy? Tại sao con lại đuổi theo cái đuôi của con như vậy?

Mèo trẻ trả lời:

— Con nghe nói rằng cái tốt nhất đối với một con mèo là hạnh phúc và hạnh phúc của con mèo ở trong cái đuôi của nó. Vì vậy mà con đuổi theo cái đuôi của con. Khi nào con bắt được, con sẽ có hạnh phúc.

Mèo già trả lời:

— Này con, ta đã suy gẫm rất nhiều về vấn đề hạnh phúc. Và ta cũng đã đi đến kết luận rằng hạnh phúc của ta là ở trong cái đuôi của ta. Nhưng ta cũng nhận thấy rằng mỗi khi ta đuổi theo thì không thể nào ta bắt được. Trong khi đó, nếu ta làm một việc khác nhất là khi ta lo lắng cho con mèo khác, thì cái đuôi của ta đi theo ta bắt cứ nơi đâu!.

Câu chuyện ngụ ngôn trên thật giản dị và dễ hiểu cho mọi người, bất kể theo tôn giáo nào. Nhưng Đỗ Minh trí có một cách lý giải rất đẹp như sau:

Tôi thấy truyện đơn giản trên minh họa một cách có ý nghĩa rõ ràng hoàn cảnh của một người tị nạn và một trong những hiểm nguy đang đe dọa họ. Giống như con mèo trẻ, người tị nạn đi tìm một chút hạnh phúc. Họ thường nói bỏ đất nước để đi tìm tự do, nhưng sự thực thì họ đi tìm hơn thế. Người Việt Nam hi sinh nhiều để đi tìm các điều kiện sống xứng đáng với con người. Sau bao nhiêu năm chiến tranh đau khổ, thảm họa, họ ao ước một chút nghỉ ngơi, yên tĩnh, hạnh phúc. Tự do chỉ là một điều kiện để đạt đến hạnh phúc này.

Ai có thể trách cứ được họ? Mọi người đều tìm kiếm hạnh phúc.

Người tị nạn có quyền đó hơn bất cứ ai! Nhưng tới đây, một hiểm nguy đang chờ đón họ: đó là hiểm nguy đi tìm kiếm hạnh phúc bằng cách đuổi theo đuôi mình, *nghĩa là bằng cách mỗi người đuổi theo hạnh phúc của cá nhân và gia đình mình. Còn những người tị nạn khác? Ai nghĩ đến hạnh phúc của họ? Còn toàn thể dân tộc Việt Nam? Ai lo lắng cho số phận của dân tộc này?*

Trên đây tôi chỉ trình bày vài ba chương của cuốn *Việt Nam, quê hương tôi* của Đỗ Minh Trí. Cuốn sách dày hơn 300 trang này còn chứa đựng nhiều điều đáng chú ý hơn nữa. Nhưng bài văn nào cũng phải có một kết luận. Với một con người như Đỗ Minh Trí, tôi không muốn viết một kết luận kinh điển, có tính cách khuyến thiện: Tôi không phải là một linh mục như ông. Bởi thế tôi chỉ xin kể lại vắn tắt những người ngoại quốc đã đối xử với chúng tôi ra sao kể từ khi rời khỏi Việt Nam.

Ngay sau khi rời phi cơ tại phi trường Bangkok, tại trụ sở ICM trong phi trường, cô gái Thái nói tiếng Việt rất giỏi đã thay mặt chính quyền địa phương chào mừng tất cả bằng những lời lẽ dễ thương. Đến 1 giờ đêm, tại Transit Center, bà Giám đốc người Thái cũng nói khá sõi một câu tiếng Việt để cám ơn sự hoan nghênh biết ơn của những di dân tị nạn. Những ngày sau, từ đại diện của Sứ quán Hoa Kỳ đến các đại diện của INS, sau khi hoàn tất thủ tục, đều nở những nụ cười tươi và giơ tay bắt, chúc chúng tôi gặp nhiều, thật nhiều may mắn nơi miền đất mới, quê hương mới. Đi bằng chuyến bay sớm nhất của ngày Christmas, đến Manila vào buổi trưa trong mệt mỏi. Quan thuế của xứ Phi cũng như xứ Thái đều dễ dãi thủ tục, không khám hành lý của dân tị nạn - trong khi họ thẳng tay với hành lý của các du khách da trắng. Và khi ra khỏi phi trường, tất cả những nhân viên an ninh phi cảng gặp chúng tôi đều lên tiếng chúc mừng No - en và năm tới...

Và trong thời gian 8 tháng ở Bataan xứ Phi, tất cả giáo sư công chức người Phi cũng như các người thiện chí khác từ tứ phương tình nguyện đến nơi này phục vụ: người Nhật, người Đại Hàn, người Na Uy... và dĩ nhiên cả những người Mỹ nữa, ai cũng dễ thương và chăm sóc cho cộng đồng di dân tị nạn này. Nhưng đúng như Đỗ Minh Trí đã nhận xét: *"Tôi tin sẽ không lầm bao nhiêu khi nói rằng 2/3 các bất hạnh của người tị nạn là do những người tị nạn khác gây ra... Tương quan nổi bật nhất giữa những người tị nạn thường là sự sợ hãi. Người ta sợ bị chối từ, người ta sợ bị đánh đập, bị tố cáo là cộng sản. Người ta sợ dư luận, sợ bị xét xử, sợ bị hất hủi, sợ bị phê bình. Người ta sợ bị mất cắp, sợ bị kết tội, sợ cô đơn".*

Ngay từ thời gian tại xứ Phi này, bản thân tôi đã đủ để hiểu Đỗ Minh Trí nói đúng... Chính những người tị nạn Việt-nam đã làm khổ dân tị nạn Việt-nam nhiều nhất. Đã có những băng đảng được thành

lập đi ăn cắp và ăn cướp, băng đảng con lai Mỹ đã có lần xông vào cả nơi tôi ở đòi quà mãi lộ - và chính quyền địa phương phải sát cánh với các chức sắc đa số là cựu sĩ quan QLVNCH được dân bầu lên mới giẹp yên và duy trì an ninh cho những phụ nữ trẻ cô đơn. Nhưng rồi trong chính những chức sắc ấy cũng có chia rẽ, ông đại diện này tố cáo ông kia là cộng sản. Được cử lên làm việc tại Ban Giám đốc của Trại, tôi cùng người đại diện toàn thể cộng đồng Việt đã phải vất vả mới dàn xếp xong trong một sự rất là ngượng ngùng với các người Phi. Mở những tờ báo Việt ngữ miền Bắc Mỹ ra đọc, thấy nhiều cảnh chia bè phái đả kích nhau thậm tệ vì những lý do thật khó hiểu đối với những người tị nạn đi sau. Đau buồn nhất là chứng kiến những cảnh nhân danh chống Cộng để chụp mũ nhau, đốt nhau, bắn nhau...

Nói theo kiểu Đỗ Minh Trí, những người tạo ra những điều đáng buồn ấy đã là những người đi tìm kiếm hạnh phúc bằng cách đuổi theo cái đuôi của chính mình. Dĩ nhiên họ không phải là đa số của dân tị nạn, nhưng cũng không phải là ít có, dù là bên các trại tị nạn châu Á hay trên miền Bắc Mỹ. Ngày gia đình tôi tới phi trường của một tiểu bang miền Tây Bắc Hoa Kỳ, một toán công chức ba người, một da trắng và hai da vàng phụ trách khám hành lý những di dân tị nạn mới tới. Người da trắng chỉ khám thùng sách học Anh ngữ rồi thôi, cho thông qua. Hai người da vàng nhất định không chịu, đòi khám luôn chiếc va li cũ nát cột bằng dây ni lông đựng quần áo lặt vặt của gia đình. Họ nói bằng tiếng Việt cho bọn tôi hiểu. Nhưng cũng may người da trắng mới là hướng dẫn nên bọn tôi tránh được cái cảnh phơi bày sự nghèo khó của mình sau 11 năm sống dưới chế độ cộng sản với tất cả những hành khách đông đảo nơi phi trường quốc tế này. Nhưng hai người Việt ấy, tôi gọi họ là người Việt vì họ biết nói tiếng Việt, khám rất kỹ một thầy Sáu của đạo Công Giáo đi cùng chuyến bay. Khi mở hành lý ra, thầy Sáu này cũng chẳng có gì, ngoài khoảng 20 cuốn *Việt Nam Quê hương tôi* của Đỗ Minh Trí. Một cuộc tranh luận ngắn xảy ra, hai người Việt này hầu như muốn gây khó khăn cho việc nhập nội những cuốn đó... Hai đứa con lớn của tôi tiến lại gần, sẵn sàng hỗ trợ cho thầy Sáu vì cả hai đã lớn, đã được học nhiều về xã hội Hoa Kỳ để hiểu rằng đây là phần đất tự do nhất thế giới, mà mọi quyền tự do căn bản của con người được tôn trọng, nhất là quyền tự do tư tưởng, tự do báo chí và xuất bản. Hiến pháp của Hoa Kỳ, luật pháp của Liên Bang Hoa Kỳ đều bảo đảm những quyền tự do này. Hai công chức người Việt kia nhân danh Hiến pháp nào, luật pháp nước nào để ngăn cản việc nhập nội *Việt Nam Quê hương tôi*... Sau cùng thầy Sáu đã nói một câu làm hai công chức kia nhượng bộ, cho thông qua số sách ấy. Một đứa con kể lại rằng thầy Sáu nói: "Tác giả cuốn sách này đâu có phải là người Việt Nam!". Nhưng đứa kia thì bảo nghe thấy câu: "Hai anh đâu có phải là người Việt Nam".

Sau khi thông qua thủ tục nhập nội, thầy Sáu lại gần gia đình tôi bắt tay từ giã tất cả: anh sẽ tới lập nghiệp một nơi nào đó mãi tít miền Nam. Tôi không kịp hỏi anh nghĩ gì về biến cố nhỏ mới xảy ra, nhưng tôi thì tôi biết Đỗ Minh Trí sẽ nói gì nếu tình cờ một lúc nào đó ông được đọc tới bài văn này. Chắc ông sẽ nói với tôi: Này anh bạn viết văn, đừng để ý tới chuyện đó nữa. Những người Việt ấy đã không tìm thấy hạnh phúc vì đã làm giống con mèo trẻ của tôi, chạy theo cái đuôi của chính mình. Hai đồng bào này đã tìm hạnh phúc một cách sai lầm bằng cách tỏ ra mình có quyền lực đối với kẻ khác. Vậy thôi.. Họ đáng thương hơn là đáng trách...

Nhưng Đỗ Minh Trí là một linh mục, là một nhà truyền giáo chân chính đáng kính của Thiên chúa giáo, ông có thể có một thái độ như vậy. Nhưng phần tôi, tôi chỉ là một di dân tị nạn tới sau với mái tóc đã bắt đầu bạc và hai bàn tay không... Chắc tôi chỉ có thể cố gắng làm một điều: Dù sao tôi cũng là một thành phần của cộng đồng Việt của Bắc Mỹ, tôi có bổn phận phải chia sẻ những cái hay cái tốt cái thành của cộng đồng này, cũng như cái dở cái xấu cái không thành hay chưa thành của các đồng bào tôi tại quê hương thứ hai này. Tôi không là gì cả và cũng chẳng có tư cách gì để nói thêm những lời hơn Đỗ Minh Trí đã nói. Bởi thế, xin ghi lại dưới đây một đoạn văn không biết Đỗ Minh Trí dịch ở đâu, nhưng ở Tân Ước hay Cựu Ước cũng chẳng có gì là quan trọng:

Chúng ta sẽ chỉ được nuôi bằng cơm mà chúng ta cho ăn, chúng ta sẽ chỉ được uống với những nước mà chúng ta cho uống, chúng ta sẽ chỉ được mặc với quần áo mà chúng ta cấp phát, chúng ta sẽ chỉ được an ủi bằng những lời mà chúng ta thốt ra để vỗ về; chúng ta chỉ có hạnh phúc khi chúng ta làm cho người khác hạnh phúc, chúng ta chỉ được TỰ DO nhờ những người mà chúng ta giúp để có tự do.

Thế Uyên, 1988

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Đêm Chong Đèn

Truyện dài của Hồ Trường An, Văn Khoa USA xuất bản 1988, sách dày 274 trang, bìa và phụ bản của Nguyễn Nhật Tân, Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Giá 10 MK.

Địa chỉ liên lạc: Văn Khoa
9200 Bolsa, Suite 123
Westminster, CA 92684 USA

Hành Trình Về Phương Đông

Nguyên tác của Spalding
Bản dịch: Nguyên Phong
do Văn Khoa USA xuất bản 1988. Sách dày 224 trang, giá 10MK.

Mùa Hè Năm 1999.

Tuyển tập truyện ngắn được giải thưởng của báo Người Việt của 12 tác giả trẻ, do Người Việt USA xuất bản. Sách dày 112 trang. Giá 6.50 MK.

Địa chỉ liên lạc: Người Việt
14841 Moran St.
Westminster, CA 92683, USA
Phone: (714) 892-9316

Ký Giả Chuyên Nghiệp

của John Hohenberg do Lê Thảo Bằng và Lê Đình Điểu sịch, Người Việt xuất bản. Sách dày 634 trang. Giá 19.50 MK.

Will To Eternity

Tập thơ bằng Anh ngữ của Van Vinh, do tác giả xuất bản. Sách dày 86 trang. Bản quý không đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: Vinh Van Luu
2555 Homestead Rd # 6
Santa Clara, CA 95051

Nghệ Thuật Trào Phúng và Nụ Cười Trong Thi Văn Việt Nam

của Hoàng Trọng Thược, toàn bộ 2 tập, tác giả xuất bản. Sách dày 400 trang. Giá mỗi tập 10MK.

Địa chỉ liên lạc: Hoàng Tiến Nguyễn
3214 S. Timber St.
Santa Ana CA 92707 USA

Dốc Nguyệt Trào Sông

Tập truyện của Nguyễn Từ Hanh, do Đông Tiến xuất bản. Dày 284 trang. Giá 8 MK. P.O Box 4708
San Jose, CA 95150-4708 USA

XIN TÌM MUA NGAY NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC

NGỰA NẢN CHÂN BON

Tập truyện ngắn vừa do Nhà Xuất bản Văn Nghệ tái bản lần thứ 3. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí

XUÔI DÒNG

Tập truyện ngắn do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành. Giá tại Hoa Kỳ 7 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

Tức Tập 1 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÃO NỔI

Tức Tập 2 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

MÙA BIỂN ĐỘNG

Tập 3 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 1. Giá tại Hoa Kỳ 12 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÈO GIẠT

Nguyên là tập hạ của cuốn 3 Mùa Biển Động, nhưng vì dày gần 400 trang nên nay tách thành tập 4 của bộ trường thiên, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ xuất bản lần đầu vào cuối tháng 7.1988. Giá tại Hoa Kỳ 15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

THA HƯƠNG

Tập cuối của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, có phụ đính bản gia phổ tất cả nhân vật trong truyện, bản tóm lược nội dung các chương, và ý kiến phê bình. Sách sẽ do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành Mùa Hè năm 1989, hoàn tất bộ trường thiên dày 1500 trang.

ĐƯỜNG MỘT CHIỀU

Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác được giải PEN Club Việt Nam năm 1974. Nam Giao xuất bản lần đầu năm 1974. Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất năm 1988.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật : *Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Án mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật : *Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn : *Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration : *Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

• Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
• Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
• Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
• Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

• *Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
• *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
• *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
• *Tầm ung thư ở vú và ngực*
• *Các loại bướu ở đầu và cổ*
• *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
• *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
• *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
• *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683
By Appointment Only : (714) 898.1177

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu. Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : (714) 641. 0263

PHƯỢNG 's

GENERAL MERCHANDISE

TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* *Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA, PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HƯNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

REX
INSURANCE AGENCY

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

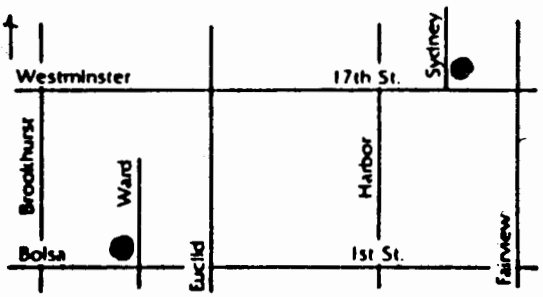

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....**đến**..... .....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng..... **15 MK**
Một năm..... **30 MK**

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng..... **21 MK**
Một năm ..... **42 MK**

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 MK**
Một năm, gửi tàu thủy ..... **42 Mk**
Sáu tháng, gửi máy bay..... **33 Mk**
Một năm, gửi máy bay ..... **66 MK**

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 Mk**
Một năm gửi tàu thủy ..... **42 MK**
Sáu tháng, gửi máy bay ..... **40 MK**
Một năm, gửi máy bay..... **80 MK**

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... **Mỹ kim**

SÁCH VĂN NGHỆ ĐÃ PHÁT HÀNH ĐẦU NĂM

TÙY BÚT II
Của Võ Phiến
Giá tại Hoa kỳ 15 Mỹ kim

NỤ CƯỜI TRE TRÚC
Tập truyện ngắn độc đáo của Kiệt Tấn
Giá tại Hoa kỳ 11 Mỹ kim

YÊU CON DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT
Cuốn sách giáo dục cần thiết cho mọi gia đình
Của Đỗ Quý Toàn
Giá tại Hoa kỳ 7 Mỹ kim

CON SUỐI MÙA XUÂN
Tập truyện của Võ Hồng
Giá tại Hoa kỳ 8 Mỹ kim

TÌM PHẬT Ở ĐÂU
Của Minh Tâm
Giá tại Hoa kỳ 7 Mỹ kim

TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận
Giá tại Hoa kỳ 6 Mỹ kim

HOA BƯƠM BƯỚM
Tiểu thuyết Võ Hồng
Giá tại Hoa kỳ 9 Mỹ kim

MUÔN KIẾP CÔ LIÊU
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc
Giá tại Hoa kỳ 14 Mỹ kim

TIỂU THUYẾT II
Của Võ Phiến
Giá tại Hoa kỳ 15 Mỹ kim

NƠI TRẠI TRỪNG GIỚI
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang
Giá tại Hoa kỳ 10 Mỹ kim

ĐANG IN

KIẾP NGƯỜI
Của W.S. Maugham - Nguyễn Hiến Lê dịch
Giá tại Hoa kỳ 13 Mỹ kim

CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY
Khảo luận Văn học của Lê Tuyên

MÙA BIỂN ĐỘNG (CUỐN 3 TẬP HẠ)
Của Nguyễn Mộng Giác
Tập tiểu thuyết nhiều người đang chờ đợi.
Sách dày 400 trang, phát hành trong tháng 7-1988

Ngoài Hoa kỳ thêm 1 Mỹ kim cho mỗi cuốn sách

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ: 10MK

TÙY BÚT I
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa kỳ: 12MK (hết)

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa kỳ: 12MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54-75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa kỳ: 14MK (tái bản)

KÝ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa kỳ: 7MK (hết)

THƠ HIỀN
thi tập của NHƯ CHI
Giá tại Hoa kỳ: 6MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ: 7MK

HÓA RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa kỳ: 6MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa kỳ: 6MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa kỳ: 7MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa kỳ: 10MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa kỳ: 10MK

TRUYỆN NGẮN I
tập truyện của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa kỳ: 13MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa kỳ: 7MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa kỳ: 7MK

THƠ CAO TẦN
thi tập CAO TẦN
Giá tại Hoa kỳ: 6MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa kỳ: 8MK

TẠP LUẬN
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa kỳ: 14MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYỄN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ: 9MK

TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa kỳ: 8MK

XỨ SẤM SÉT
tuyển tập VÕ ĐÌNH
Giá tại Hoa kỳ: 8MK

VÒNG ĐAI XANH
tiểu thuyết của
NGÔ THẾ VINH
Giá tại Hoa kỳ: 8MK

(xem tiếp trang trong)

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim